



# **PHÁP BẢO CỦA SỰ GIẢI THOÁT**

*Viên ngọc như ý của những bài giảng cao thượng*

**Dịch từ cuốn The Jewel Ornament of Liberation của tổ Gampopa  
Được thầy Khenpo Konchog Gyaltzen Rinpoche dịch sang tiếng Anh**

*Thầy Khenpo Tsultrim giảng từ ngày 28/04/2018 tại Hà Nội*

## CHƯƠNG 1

### Phật tính

Chúng ta cần đạt được trạng thái giác ngộ tối thượng nhờ giải thoát mình khỏi trạng thái mê mờ của samsara (luân hồi). Nhưng không thể cho những người sơ cơ như chúng ta có thể đạt được giác ngộ kể cả khi chúng ta nỗ lực. Tại sao không thể đạt giác ngộ khi nỗ lực như vậy nhỉ? Tất cả mọi chúng sinh, kể cả chúng ta, đã có sẵn nhân ban sơ của giác ngộ, tinh túy của các đấng Thiên thệ. Trong kinh *Nguyệt đăng tam muội vương* (Samadhiraja Sutra)

Tinh túy của các đấng Thiên thệ lan tỏa khắp mọi chúng sinh lang thang

Trong kinh *Đại Bát Niết Bàn bản ngắn* nói

Tất cả chúng sinh đều có tinh túy của các đấng Thiên thệ

Trong kinh *Đại Bát Niết Bàn* nói

Ví dụ như bơ quyện vào sữa, giống như vậy, tinh túy của các đấng thiên thệ lan tỏa khắp chúng hữu tình.

Trong *Đại thừa tạng nghiêm kinh luận* nói

Cho dù chân như của từng chúng sinh không khác biệt

Một người được gọi là đấng “Thiên thệ” khi đã hoàn toàn được tịnh hóa

Chính bởi vậy, tất cả chúng sinh có tinh túy đó.

Vì lý do nào có thể chỉ ra rằng chúng sinh có Phật tính? Bởi vì tất cả chúng sinh được lan tỏa khắp bởi tính không của Pháp thân, bởi vì không có sự khác biệt trong bản chất của chân như và bởi vì tất cả chúng sinh có một “gia đình”. Bởi ba lý do trên, nên tất cả chúng sinh có cùng Phật tính. Trong *Mật điển vô song* nói rằng

Vì sắc tuyệt hảo của chư Phật sáng tỏa

Vì không có sự phân biệt trong chân như và

Bởi tất cả là trong một “gia đình”

Tất cả chúng sinh luôn có tinh túy của giác ngộ

Để giải thích lý do đầu tiên “tất cả chúng sinh được lan tỏa khắp bởi tính không của Pháp thân” có nghĩa là Phật quả tuyệt đối là Pháp thân, Pháp thân là tính không lan tỏa khắp, và tính không lan tỏa khắp mọi chúng sinh. Bởi vậy, mọi chúng sinh có Phật tính.

Nói rằng “không có sự khác biệt trong bản chất của chân như” có nghĩa chân như của Chư Phật giống hệt như chân của chúng sinh. Không có cái nào tốt hơn hay tồi hơn,

cũng không có lớn hơn hay bé hơn, không có cao hơn hay thấp hơn. Chính bởi vậy, mọi chúng sinh có Phật tính.

“mọi chúng sinh có một “gia đình”” có nghĩa tất cả chúng sinh có thể được phân loại vào trong năm thành phần gia đình. Họ là ai? Ngắn gọn:

Gia đình tách biệt, là gia đình không xác định

Gia đình Thanh Văn, gia đình Độc Giác, và

Gia đình Đại thừa

Đó là năm gia đình của chư Phật.

**1. Gia đình tách biệt** đầu tiên “gia đình tách biệt” có nghĩa là gì? Có nghĩa một người có sáu nét đặc trưng như không quan tâm đến người khác nghĩ gì, không khiêm tốn, không từ bi, và hơn nữa. Ngài Acharya Asanga nói về điều này như sau:

Nếu như họ có nhìn thấy khổ đau và lỗi lầm của vòng luân quần luân hồi, họ vẫn kệ không nhúc nhích;

Cho dù họ có nghe thấy những đại phẩm tính của chư Phật họ cũng không có niềm tin;

Họ không có sự khiêm tốn, không để tâm đến người khác nghĩ gì, không có chút lòng bi mẫn nào;

Không có bất cứ trải nghiệm ân hận nào khi họ liên tục phạm vào những hành động bất thiện;

Những người sở hữu sáu nét trên không có cơ may để hành động hướng về giác ngộ.

Điều này được giải thích trong *Đại thừa Trang nghiêm Kinh luận* rằng

Có một số người chỉ vi phạm những hành động bất thiện

Có một số người liên tiếp phá hủy những phẩm tính tích cực

Có một số người thiếu đức hạnh dẫn đến biệt giới giải thoát

Vậy những người này không có đức hạnh để sở hữu nhân của giác ngộ

Nhìn chung, có thể nói rằng những ai có những đặc tính trên sẽ thuộc gia đình tách biệt. Họ sẽ trôi lăn trong samsara nhiều thời gian, nhưng không có nghĩa là họ không thể đạt được giác ngộ. Nếu như họ nỗ lực, đương nhiên họ có thể đạt được giác ngộ. Đức Phật nói trong *kinh Đại bi Liên hoa* ‘

Này Ananda, nếu có chúng sinh nào không có cơ may đạt được giác ngộ có thể quán tưởng chư Phật trong bầu không gian và dâng một đóa hoa lên, quả dành cho chúng sinh đó sẽ là đạt được giác ngộ, vậy đối với người đó, đã đạt đến Niết Bàn.

**2. Gia đình không xác định** Bản chất của gia đình này tùy thuộc vào nhân duyên phụ trợ thêm vào. Nếu như họ đạt tới địa vị thầy tâm linh Thanh Văn, kết nối với những người bạn Thanh Văn, hoặc học những bản văn Thanh văn khác nhau, thì họ sẽ

thức tỉnh trong gia đình Thanh Văn. Họ sẽ học và đi theo con đường này và trở thành phần của gia đình Thanh Văn. Tương tự như vậy, nếu một người gặp gỡ một vị Độc Giác hay một vị thầy Đại thừa, vậy họ sẽ trở thành phần của Độc Giác hay gia đình Đại thừa.

3. **Gia đình Thanh Văn** Gia đình này bao gồm những người sợ samsara và khát khao đạt Niết Bàn, nhưng họ có rất ít lòng từ bi. Điều này được nói:

Một người sợ nhìn thấy khổ đau của Samsara

Và khát khao đạt được Nirvana

Nhưng có ít sự quan tâm đem lại lợi lạc cho chúng sinh

Ba loại này là dấu hiệu của gia đình Thanh Văn

4. **Gia đình Độc giác:** Gia đình Độc Giác kể cả những ai thuộc về ba gia đình trên và có thêm vào, ngã mạn, giữ danh tính bậc thầy họ trong ẩn mật và thích sống nơi cô tịch. Điều này được miêu tả:

Sợ hãi những niệm của samsara, khao khát nirvana

Thiếu sự bi mẫn, ngạo mạn

Giữ bí mật về bậc thầy họ, hoan hỷ trong cô tịch

Một người thông minh có thể hiểu đó là những dấu hiệu của gia đình độc giác

Vậy với hai gia đình này, Thanh Văn và Độc Giác, kết nguyện trong thừa (cỗ xe) tương ứng và cho dù có đạt kết quả qua thực hành của mình, những quả này không phải là Cứu Cánh Niết bàn. Vậy họ an trụ như thế nào khi họ đạt quả? Họ an trụ trong trạng thái không có những xúc tình tiêu cực của thiền định, nhưng những trạng thái này dựa trên nền tảng in đậm dấu ấn của vô minh. Khi đạt được định không còn xúc tình tiêu cực, những vị này tin vào họ đã đạt Niết bàn và an trụ trong trạng thái đó.

Trong trạng thái của họ, không phải là Cứu Cánh Niết Bàn, và một người có thể tranh luận rằng đức Phật lẽ ra không nên dạy về hai con đường. Có lý do nào mà đức Phật dạy những con đường như vậy? Có chứ. Ví dụ, những lái buôn từ cõi Diêm Phù Đề vượt đại dương đi tìm châu báu. Sau nhiều tháng lang thang trên biển, ở một nơi hoang vắng, họ mệt mỏi hoàn toàn, kiệt sức và nghĩ rằng “chả có cách nào đi tìm châu báu cả”. Khi họ chán nản và chuẩn bị quay về, người thuyền trưởng tàu buôn hóa hiện một hòn đảo vĩ đại nhờ những quyền năng phi thường của ông ta cho tất cả mọi người có thể nghỉ ngơi ở đây. Sau vài ngày khi tất cả bọn họ đã nghỉ đủ và thư giãn, vị thuyền trưởng nói “chúng ta vẫn chưa đạt mục đích. Bây giờ chúng ta phải đi xa hơn và tìm châu báu”.

Giống như vậy, chúng sinh không có sự can đảm sợ hãi khi nghe về trí tuệ của chư Phật. Họ tin rằng đạt được Phật quả là đại gian nan và cho rằng “mình chẳng có khả năng làm được điều đó”. Có những người không có hứng thú để đi vào con đường này, hoặc có người đi vào rồi nhưng lại thối lui. Để giải quyết những vấn đề này, đức Phật đã đưa ra hai con đường này và cho phép họ an trụ trong những trạng thái đó. Như đã nói trong kinh *Đại Bi Liên Hoa*:

Tựa như vậy, tất cả Thanh Văn

Cho rằng họ đã đạt Niết Bàn

Nhưng họ chưa đạt tới Cứu Cánh Niết Bàn.

Được vén mở bởi đức Phật. Họ chỉ ngơi nghỉ mà thôi.

Khi những hàng Thanh Văn và Độc Giác an trụ trong những trạng thái ngơi nghỉ, đức Phật hiểu và động viên họ đạt tới quả vị Phật. Đức Phật động viên ra sao? Người thức tỉnh họ qua thân, ngữ và tâm trí tuệ của mình.

“Nương nơi tâm tuệ mình” có nghĩa ánh sáng tỏa ra từ trí tuệ của đức Phật và chạm đến những thân thể tinh thần của hàng Thanh Văn và Độc Giác. Ngay khi ánh sáng đó chạm đến họ, họ phát khởi từ trạng thái thiền không có xúc tình tiêu cực. Và đức Phật xuất hiện hiện hữu trước mặt họ. Người nói với ngữ của mình:

Hỡi các chư tăng, các con còn chưa hoàn thành công việc của mình; các con chưa kết thúc tất cả những gì lẽ ra các con cần phải làm. Trải nghiệm Niết bàn của các con chưa phải Cứu Cánh Niết Bàn. Nào, tất cả chư tăng, các con, cần phải hướng về giác ngộ. Các con cần đạt được nhận thức của chư Phật.

Trong *kinh Đại Bi Liên Hoa*, trong khổ sau:

Các con, những chư tăng, hôm nay ta tuyên bố

Các con chưa đạt Cứu Cánh Niết Bàn

Để đạt được trí tuệ ban sơ của Đấng Toàn Tri

Các con cần gieo trồng đại nhẫn nhục

Qua đó các con sẽ đạt được trí tuệ của đấng Toàn Tri.

Được đức Phật chỉ dạy như vậy, hàng Thanh Văn và Độc Giác trưởng dưỡng bồ đề tâm. Họ thực hành con đường Bồ Tát qua vô lượng *đại kiếp* và đạt được giác ngộ. Trong *kinh Lăng già* và *kinh Đại Bi Liên Hoa* nói:

Những Thanh Văn này chưa đạt đến Niết Bàn

Qua thực hành con đường Bồ Tát

Họ sẽ đạt được Phật quả

**5. Gia đình Đại thừa:** Các loại gia đình Đại thừa gồm có những gì? Tóm tắt như sau:

Phân loại, định nghĩa, đồng nghĩa

Lý do là bởi vì cao hơn những gia đình khác

Đặc tính nhân, và những dấu hiệu

Sáu yếu tố này hợp lại thành gia đình Đại thừa

- A. Phân loại. Gia đình này có hai phân loại: gia đình bản chất an trụ và gia đình làm việc hoàn hảo
- B. Định nghĩa. Thứ hai là giải thích tương ứng “tinh túy” của những cá nhân này. Bản chất an trụ của gia đình này có từ vô thủy, có tiềm năng phát triển tất cả những phẩm tính của đức Phật qua chân như. Gia đình làm việc toàn hảo có tiềm năng để đạt được tất cả những phẩm tính của đức Phật qua những năng lực thói quen của họ trong giới hạnh căn nguyên. Qua đó, cả hai gia đình đều có thể may mắn đạt được giác ngộ
- C. Đồng nghĩa. Sự đồng nghĩa của gia đình này là tiềm năng, hạt giống, yếu tố phạm vi, và bản chất an trụ.
- D. Cao hơn. Gia đình Thanh Văn và Độc Giác là thấp hơn bởi hạnh của yếu tố: họ hoàn toàn tịnh hóa gia đình này nhờ xua tan đi chỉ những che chướng và những xúc tình tiêu cực. Đại Thừa là cao hơn bởi vì sự tịnh hóa gia đình này qua xua tan hai chướng ngại: xúc tình tiêu cực và những chướng ngại vi tế để đạt được giác ngộ. Bởi vậy, gia đình Đại thừa là cao hơn và tối thượng
- E. Đặc tính nhân. Đặc tính nhân của gia đình này được miêu tả như “thức tỉnh” và “không thức tỉnh”. Gia đình thức tỉnh đã đạt được quả toàn hảo, và dấu hiệu rất rõ rệt. Gia đình không thức tỉnh chưa đạt được quả toàn hảo và dấu hiệu là không hiển nhiên. Đây là nhân để gia đình này thức tỉnh? Gia đình này có thể thức tỉnh nhờ giải thoát khỏi những nhân góp thêm chướng duyên và nhờ những thuận duyên hỗ trợ: duyên bên ngoài của một vị đạo sư, duyên bên trong của một tâm trí với những ham muốn đúng đắn đối với giáo pháp trân quý và vv.
- F. Dấu hiệu. Những dấu hiệu của gia đình này chỉ ra đó là gia đình bồ tát. Trong *kinh Mười phẩm tính cao thượng* có nói
  - Gia đình của bồ tát tài năng
  - Có thể nhận biết qua những dấu hiệu
  - Giống như lửa được biết nhờ bởi khói
  - Và nước được biết đến nhờ những con chim nước

Trong trường hợp này, những loại dấu hiệu nào ở đây? Thân và ngữ là bản chất dịu dàng không bị phụ thuộc vào một cách đối trị. Tâm trí họ ít dối trá, là tâm trí từ bi yêu thương và sáng rõ hướng về chúng sinh. Trong *kinh Mười phẩm tính cao thượng* nói:

Không ác nghiệt hay ngạo mạn

Tránh tất cả mọi giả dối và xảo trá

Có một thái độ trong sáng, yêu thương hướng về mọi chúng sinh

Đó là một vị Bồ Tát

Nói một cách khác, trong bất cứ hành động chuẩn bị nào một vị Bồ Tát đảm đương, vị đó luôn trưởng dưỡng bồ đề tâm cho tất cả chúng hữu tình, hướng về những bài giảng Đại Thừa, không hề lưỡng lự khi phải chịu gian nan và thực hiện hoàn hảo căn nguyên đức hạnh của sự toàn hảo. Trong *Đại thừa tạng nghiêm kinh luận* nói:

Sự phát triển lòng từ bi ở giai đoạn chuẩn bị

Nỗi khao khát, kiên nhẫn

Thực hiện toàn hảo đức hạnh-

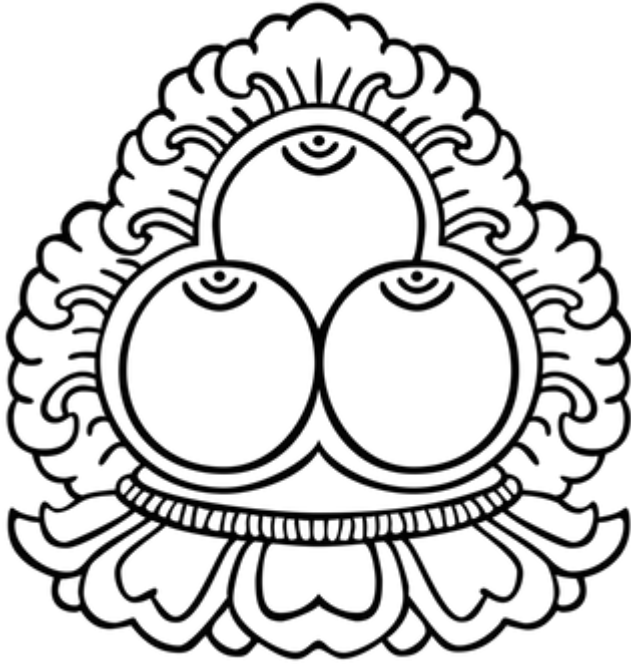
Đó là những dấu hiệu của gia đình Đại Thừa

Qua năm gia đình này, những ai đang ở trong gia đình Đại thừa đã đến rất gần nhân của giác ngộ. Gia đình Thanh Văn và Độc Giác cũng sẽ được dẫn đến Phật quả, nhưng nhân vẫn còn ở xa nên họ cần nhiều thời gian. Gia đình không xác định có thể một số người đã tiến đến gần, một số vẫn còn cần nhiều thời gian. Gia đình tách biệt được đức Phật biết đến vẫn lang thang trong samsara dài lâu, nhưng không có nghĩa là họ không đạt Phật quả. Họ có thể đạt được Phật quả, nhưng cần thời gian rất dài. Chính vì vậy, kể từ khi tất cả chúng sinh thuộc về những gia đình này, tất cả chúng sinh có bản tính của chư Phật.

Nhờ những giải thích trên, có thể nói tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính. Hơn nữa, hãy xem ví dụ sau: bạc an trụ trong quặng, dầu hạt cải an trụ trong hạt cải, và bơ an trụ trong sữa. Từ quặng, chúng ta có thể khai thác được bạc; từ hạt cải ta có thể chiết ra dầu hạt cải, và từ sữa, chúng ta có thể hót được bơ. Giống như vậy, tất cả chúng sinh đều có thể trở thành Phật.

## PHẦN 2

### NỀN TẢNG CỦA HOẠT ĐỘNG



*Như một nền tảng của hoạt động*

*Cuộc sống làm người trân quý mới tuyệt vời làm sao*



## Chương 2

### CUỘC SỐNG LÀM NGƯỜI TRÂN QUÝ

Tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Trong trường hợp này, tất cả chúng sinh trong năm cõi, ví dụ như cõi địa ngục, ngạ quỷ, và v.v, liệu có khả năng hành động hướng về giác ngộ? Không. Chỉ có “cuộc sống làm người trân quý”, bao gồm hai phẩm tính của tự do và khả năng thiên phú, và một tâm trí cần có ba niềm tin, là nền tảng tốt để hoạt động hướng về giác ngộ. Tóm tắt lại:

Tự do và khả năng thiên phú

Tin tưởng, khát khao, và sáng rõ

Hai yếu tố của thân, và ba yếu tố của tâm

Năm yếu tố này hợp lại thành một nền tảng hoạt động tuyệt vời

#### I. **Sự tự do.** “Sự tự do” có nghĩa là giải thoát khỏi tám chướng duyên. Tám chướng duyên này được nói trong *Kinh giáo pháp siêu việt về sự hồi tưởng trong trẻo*:

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh

Người man rợ, và thiên trường thọ

Có những tà kiến, và vắng bật đức Phật

Câm lặng-

Đó là tám chướng duyên

Tại sao những duyên này là chướng duyên? Ở cõi địa ngục, chúng sinh có bản chất khổ đau thường hằng; cõi ngạ quỷ bị hành hạ bởi tinh thần bị thiêu đốt; súc sinh bị ngập ngụa trong sự ngu muội. Ba cõi này không có sự khiêm nhường và không quan tâm đến người khác nghĩ gì. Tâm trí họ là những luồng sai lệch, chính bởi vậy họ không có cơ hội để thực hành giáo pháp. Nơi cõi trời trường thọ, chúng sinh an trú trong tình trạng những hoạt động tinh thần bị diệt, chính vậy, cũng không có cơ hội để thực hành giáo pháp. Cuộc sống ở cõi trời trường thọ kéo dài hơn cuộc sống làm người, nên cõi này hình thành toàn chướng duyên. Tất cả cõi thiên có những chướng duyên bởi vì chúng sinh cõi này bám chấp vào hạnh phúc tạm thời và không có thời gian nỗ lực dành cho giáo Pháp. Và bởi vậy, những phần nhỏ của khổ đau mà chúng sinh phải trải nghiệm có những tính chất lớn lao bởi vì từ đó chúng ta có một cảm giác buồn đau trong samsara. Nó làm an dịu sự ngã mạn của chúng ta, đó là nhân cho chúng ta gieo trồng sự từ bi hướng tới tất cả chúng sinh, là nhân để chúng ta thích những thiện hạnh và tránh xa những ác hạnh. *Kết nguyện vào những Bồ Tát Hạnh* nói:

Hơn nữa, khổ đau có những phẩm tính tốt  
Nhờ chán nản với khổ đau, ngã mạn được xua tan  
Lòng bi mẫn tăng trưởng cho những ai đang trôi trong vòng luân hồi,  
Ma quỷ tránh xa, hoan hỷ trong những thiện hạnh

Đó là những giải thích tại sao bốn cõi phi nhân không có sự tự do.

Và cho dù có cuộc sống làm người, những người man rợ lại có khó khăn khi gặp những chúng sinh tâm linh. Họ giữ những tà kiến và không hiểu thiện hạnh là nhân để họ có thể tái sinh vào cõi cao hơn hay giải thoát. Khi một người sinh vào thời không có đức Phật, sẽ không có ai là thầy để giải thích điều gì cần làm, điều gì cần buông bỏ. Người câm và người ngu không hiểu được những bài giảng về thiện hạnh và bất thiện hạnh. Khi một người được giải thoát khỏi tám điều kiện này, sẽ được gọi là “có sự tự do tuyệt vời”.

II. **Thuận duyên.** Mười khả năng thuận lợi, thuận duyên, được chia thành hai nhóm-năm phẩm tính thuộc vào nhóm đạt được bởi cá nhân, còn năm có được nhờ những hoàn cảnh bên ngoài. Năm khả năng một cá nhân cần có:

Là nhân loại, sinh ra ở nơi trung tâm đất nước, có đầy đủ các giác quan.

Không trở về với những hành động ma quỷ, có niềm tin vào những bài giảng Pháp

“Là nhân loại” có nghĩa là gì? Là giống như tất cả những chúng sinh nhân loại, một người cần có những bộ phận cơ thể của nam hoặc nữ. “Ở nơi trung tâm đất nước” chỉ ra rằng, có một sự may mắn để làm thánh nhân. “Có đầy đủ giác quan” có nghĩa thoát khỏi bị câm và ngu đần và có một sự may mắn để thực hành pháp giới hạnh. “Có niềm tin vào những bài giảng pháp” có nghĩa có niềm tin vào những giới luật được đức Phật giảng, là nền tảng cho tất cả mọi thực hành pháp. “Không trở về với những hành động ma quỷ” có nghĩa không vi phạm những trọng tội trong kiếp này.

Vậy, một người có tất cả mười phẩm tính trên, năm do từ chính bản thân và năm từ bên ngoài mang lại, họ được gọi là “thuận duyên tuyệt vời”.

Khi có cả hai, tự do và thuận duyên hiện hữu, điều này được gọi là “cuộc sống làm người trân quý”. Tại sao nói “trân quý”? Bởi vì nó giống như viên ngọc quý ban cho những điều ước.

A. Điều đó là trân quý vì rất khó để đạt được

B. Điều đó là trân quý vì lợi lạc mang lại rất lớn

A. Khó để đạt được. Trong bồ tát tạng có nói

Thật khó để làm người

Thật khó để giữ một kiếp sống nhân loại

Thật khó để tìm được những bài giảng pháp linh hiển

Thật hiếm khi một vị Phật xuất hiện

Trong kinh *Đại Bi Liên Hoa* nói:

Thật khó để tìm được sự hiện hữu làm người. Thật khó để đạt được sự giải thoát tuyệt hảo. Cũng thật hiếm cho một vị Phật xuất hiện trên thế gian này. Cũng thật khó để có được niềm tin nơi giáo pháp. Cũng thật khó để có sự đam mê tuyệt hảo.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói

Thật khó để tìm được sự tự do từ tám chương duyên

Thật khó để tìm được sự sinh làm người

Thật khó để tìm được sự tự do toàn hảo

Thật khó tìm được sự xuất hiện của một vị Phật

Thật khó để đạt được chúng sinh tôn quý

Thật khó để tìm được một vị thầy tâm linh chân thật

Thật khó để thực hành toàn vẹn với những gì được dạy trong giáo pháp tuyệt hảo

Thật khó để có được nghề nghiệp đúng

Thật khó để tìm được một người tạo nỗ lực trong cõi nhân theo đúng giáo Pháp

Bồ Tát Hạnh nói “tự do và thuận duyên rất khó để có được”. Những ví dụ để nói rằng có được cuộc sống làm người trân quý khó như thế nào? Những khó khăn đó như thế nào? Tại sao lại khó đạt được như vậy?

Một ví dụ được đưa ra trong Bồ Tát Hạnh:

Vì những lý do trên, đức Phật đã từng nói

Khó khăn như con rùa đưa được cổ vào

Cái ách trôi nổi trên đại dương bao la

Có được cuộc sống làm người thật sự khó như vậy

Và điều này được đức Phật giải thích trong những kinh điển:

Hãy coi như toàn bộ thế gian này là một đại dương bao la và một người ném một cái ách chỉ có một cái lỗ duy nhất ra, cái ách trôi nổi lên xuống theo bốn phương. Ở dưới mặt đại dương, có một con rùa mù sống đã hàng ngàn năm

nhưng cứ mỗi một trăm năm lại nhô lên trên mặt biển. Đã rất khó khăn để con rùa có thể đưa đầu nó qua được cái lỗ ách, nhưng vẫn có thể làm được. Sinh ra trong cuộc sống làm người trân quý còn khó hơn như thế nhiều.

Những chúng sinh nào khó khăn để có được một cuộc sống làm người trân quý? Những chúng sinh sinh ra ở ba cõi thấp rất khó khăn để được sinh ra như nhân loại.

Tại sao cuộc sống làm người lại khó tìm? Thân thể này được tự do và có thuận duyên là nhờ những công đức của thiện căn đã được tích lũy, còn những chúng sinh sinh trong ba cõi thấp không biết làm như thế nào để tích lũy đức hạnh. Hơn nữa họ còn có những hành động ma quỷ, vì vậy chỉ những ai sinh ra trong ba cõi thấp với số lượng những nghiệp tiêu cực nhỏ bé, và những ai nghiệp của họ có thể trở quả lành trong một kiếp tiếp nào đó là những người có cơ hội được sinh ra trong cuộc sống nhân loại.

B. Mang lại lợi lạc lớn. Trong cuốn *Bồ Tát Hạnh* có nói “và, cho đến khi họ đạt được những gì có ý nghĩa cho con người...”

Trong tiếng Sanskrit, “con người” là *purusha*, hay được dịch là “có khả năng”. Một cuộc sống nhân loại với những phẩm tính tự do và thuận duyên cung cấp “khả năng” để một người đạt tới một cõi cao hơn tạm thời hay sự toàn hảo xác định-chính vậy, điều này được gọi là *purusha*. Hơn nữa, có ba loại khả năng: thấp, trung bình và cao. Trong cuốn *Đèn soi đường giác ngộ*:

Một người cần hiểu có ba loại căn cơ:

Thấp vừa và cao

Một người có căn cơ thấp có khả năng đạt tới cõi nhân hay cõi thiên mà không bị rơi xuống ba cõi thấp. Trong cuốn sách nói:

Có người vận dụng

Đủ loại phương tiện

Để tìm cho mình

Lạc thú thế gian

Những người như vậy

Là bậc sơ căn

Một người có căn cơ trung bình có khả năng đạt được trạng thái yên bình và hạnh phúc nhờ giải thoát bản thân khỏi samsara. Điều đó được nói

Lại có người vì

An lạc cá nhân

Mà quay lưng lại  
Lạc thú thế gian  
Hết thấy ác nghiệp  
Họ đều không làm  
Những người như vậy  
Là bậc trung căn

Một người có căn cơ cao có khả năng đạt được quả vị Phật vì lợi lạc của tất cả chúng sinh. Điều này được nói:

Lại có những người  
Đã từng phải chịu  
Biết bao khổ não  
Nên mang tâm nguyện  
Tận diệt khổ đau  
Cho mình cho người  
Những người như vậy  
Là bậc thượng căn

Ngài Acharya Chandragomin đã nói:

Những thành quả mới mang lại lợi lạc lớn lao  
Nhờ có được cuộc sống làm người trân quý  
Một người có thể giải thoát khỏi đại dương của sự tái sinh và gieo trồng  
Hạt giống giác ngộ tối thượng  
Cuộc sống làm người có những đại phẩm tính hơn cả ngọc như ý  
Vậy làm sao để một người có thể hái được quả?  
Con đường qua đó nhân loại có thể có tâm trí lớn mạnh  
Không thể có được bởi các vị trời, rồng

Không thể bởi bán thiên, garuda, vidyadhara, kinnara hay uraka (những loài phi nhân)

Cuộc sống nhân loại này với những tự do và thuận duyên có khả năng để tránh những bất thiện hạnh và hoàn thành tất cả những đức hạnh, có khả năng giúp vượt qua đại dương samsara, nó có khả năng để tiến bộ trên con đường giác ngộ, có khả năng giúp đạt giác ngộ tối thượng. Và cũng chính bởi vậy, cuộc sống nhân loại này cao hơn hẳn cuộc sống các loại trời, rồng và vv. Cuộc sống này hơn hẳn ngọc như ý. Kể từ khi cuộc sống nhân loại với những tự do và

thuận duyên khó để tìm được và có những kết quả lợi lạc, điều này được gọi là “trân quý”.

Và mặc dù thật khó để tìm được và kết quả lợi lạc như vậy, cuộc sống này cũng thật dễ dàng để mất đi. Chẳng có một ai có thể kéo dài cuộc sống được cả, có biết bao nguyên nhân của cái chết, và mỗi khoảnh khắc qua đi trong một chốc lát. Trong cuốn *bồ tát hạnh* có nói

Thật không xứng đáng khi hoan hỷ một mình  
Nghĩ rằng hôm nay tôi duy nhất không chết  
Vào một thời điểm không tránh khỏi-sẽ đến  
Khi Tôi sẽ trở thành hư không

Vậy hãy quán chiếu, để có được cuộc sống làm người trân quý này thật khó, nhưng quá dễ để mất đi, vậy bao nhiêu thành quả lợi lạc ở đây. Hãy coi thân thể này như một chiếc thuyền và hãy nỗ lực nhiều nhất, để vượt qua được đại dương samsara. Trong cuốn *bồ Tát Hạnh* nói

Nương nơi con thuyền nhân loại (thân thể)  
Hãy giải thoát mình khỏi dòng sông của khổ đau  
Và thật khó để tìm được con thuyền này  
Không có thời gian để ngủ đâu hỡi những kẻ nghịch ngờ

Hãy quán chiếu thân thể này như một con ngựa, dùng để cưỡi vượt qua những vách đá của khổ đau samsara. Điều này được nói đến như sau:

Cưỡi trên con ngựa của thân người tinh khiết  
Thoát khỏi hiểm nguy nơi những vách đá khổ đau samsara

Hay coi thân thể này là một người giúp việc và thực hiện đức hạnh. Điều này được nhắc:

Thân thể của tất cả nhân loại là đối tượng để trở thành người giúp việc cho đức hạnh.

Theo con đường của giới hạnh cần phải có niềm tin. Không có đức tin, giới hạnh không thể phát triển được trong một chúng sinh. *Kinh Mười Phẩm Tính* nói:

Những phẩm tính đức hạnh không thể trở  
Nơi một người thiếu đức tin  
Như một mầm non  
Không thể trở từ một hạt đã cháy

Tương tự, trong *Kinh hoa nghiêm* đề cập:

Một người thế tục với một chút đức đức tin

Không thể nào hiểu được sự giác ngộ của đức Phật

Vậy một người cần phát triển đức tin. Trong *Kinh Sự đản sinh của đức Phật* có nói:

Này A Nan Đà (Ananda), hãy tập hợp mọi đức tin vào tâm trí. Đó chính là yêu cầu của Như Lai.

Và trong trường hợp này, “đức tin” có nghĩa là gì? Có ba loại đức tin: tin tưởng, mong mỏi, và sáng suốt.

- III. Đức tin từ tin tưởng. Hiểu được đức tin này dựa theo luật “nhân và quả”-sự thật về khổ đau như được đề cập đến trong Chân lý của luật Nhân quả. Hơn thế nữa, điều này đến được từ sự tin tưởng rằng hạnh phúc trong dục giới là quả của những nhân thiện lành. Tin tưởng rằng khổ đau của dục giới là quả của những hành động bất thiện. Tin tưởng rằng hạnh phúc của hai cõi cao hơn là quả do những nhân không lay chuyển đem lại, tin tưởng rằng kết nguyện vào những bất thiện hạnh của những hành động do thân, ngữ, và những xúc tình tiêu cực, được gọi là Chân lý của luật Nhân quả, một người nhận được năm uẩn nhiễm ô, đó là chân lý của khổ đau.
- IV. Đức tin mong mỏi: Hiểu được bản chất tuyệt vời của giác ngộ vô song, một người đi theo con đường với sự tôn trọng và sùng mộ để đạt được giác ngộ.
- V. Đức tin bằng sự sáng suốt. Đức tin bằng sự sáng suốt nảy nở trong tâm trí của một người tùy thuộc vào Tam Bảo. Phát triển sự tận tụy và sự quan tâm vào đức Phật như một người thầy chỉ ra con đường, giáo Pháp sẽ trở thành con đường, và Tăng đoàn sẽ hướng dẫn một người để hoàn thiện con đường. Trong *A ti đạt ma câu xá luận* viết:

Đức tin là gì? Đó là sự tin tưởng, mong mỏi, và sáng suốt đối với nhân và quả, chân lý và Tam Bảo.

Hơn nữa trong trong *Vòng hoa bảo châu trân quý* có nhắc tới:

Một người không từ bỏ giáo Pháp

Bởi tham ái, ghét bỏ, sợ hãi hay vô minh

Được gọi là một người có niềm tin vững chắc vào giáo Pháp

Người này là bình chứa tối thượng để đạt được trạng thái tuyệt đối.

Không từ bỏ giáo Pháp “bởi tham ái” có nghĩa là không từ bỏ giáo Pháp mà chỉ từ bỏ những bám chấp. Ví dụ, cho dù nếu có một ai nói “nếu bạn từ bỏ

giáo Pháp, tôi sẽ cho bạn phần thưởng lớn tài bảo, một người đàn ông hay đàn bà, hoặc vương giả, vv” bạn vẫn không từ bỏ.

Thứ hai, không từ bỏ giáo pháp “bởi sân hận” có nghĩa không bỏ rơi giáo Pháp bởi sự thù hận. Ví dụ một ai đó trong quá khứ đã hãm hại bạn, bạn vẫn tiếp tục bị hãm hại hiện tại, bạn vẫn không từ bỏ giáo Pháp.

Thứ ba, không từ bỏ giáo Pháp “bởi sợ hãi”. Ví dụ, một ai đó có thể đến gặp bạn và nói rằng “nếu bạn không từ bỏ giáo Pháp, ta sẽ cho 300 người lính đến cắt 150 gram thịt từ cơ thể bạn mỗi ngày”, cho dù vậy, bạn cũng không từ bỏ giáo Pháp.

Thứ tư, không từ bỏ giáo Pháp “bởi vô minh” có nghĩa không bỏ giáo Pháp do sự ngu xuẩn. Ví dụ, một ai nói với bạn rằng không có thứ gì như chân lý của hành động hay chân nhân quả hay Tam Bảo là vô giá trị, và hỏi rằng “Tại sao bạn thực hành Pháp? Bỏ đi” Cho dù vậy, bạn vẫn không từ bỏ.

Một người với bốn niềm tin vững chắc như vậy có niềm tin thực sự và coi đó là con thuyền tối thượng để đạt được sự toàn hảo xác định. Khi một người có đức tin như vậy sẽ nhận được những lợi lạc: gieo trồng một thói quen vô thượng, tránh được tất cả những chướng duyên, sở hữu sự nhận thức rất sắc bén và rõ ràng, đạo đức giới hạnh không bị suy đồi. Người này sẽ phá hủy được tất cả những xúc tình tiêu cực, sẽ vượt qua là chướng ngại của mara và sẽ tìm được con đường giải thoát, và sẽ tích lũy được những giới hạnh lớn lao, sẽ được nhìn thấy nhiều vị Phật và nhận được những sự gia trì kỳ diệu từ đức Phật. Trong *kinh đà ra ni từ cây Ta la quý báu* nói:

Một người có sự thành tâm đối với chư Phật và Giáo Pháp của các đấng chiến thắng

Một người có niềm tin vững chắc vào Bồ Tát Đạo

Nếu một người có niềm tin vững chắc vào giác ngộ vô song

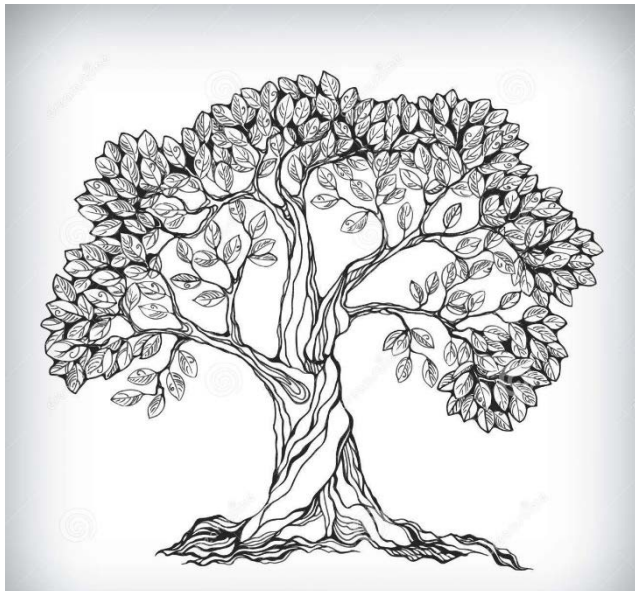
Thì người đó sẽ gieo trồng một tâm trí chúng sinh tuyệt vời

Đức Phật tôn kính sẽ xuất hiện trước mặt một người có niềm tin và truyền những bài giảng Pháp. *Bồ Tát Tạng* nói:

Do đó, khi những bồ tát có niềm tin, đức Phật tôn kính sẽ coi họ như những con thuyền thích đáng, xuất hiện trước họ và chỉ dẫn cho họ con đường tuyệt hảo của Bồ Tát.



Vậy, thân người trân quý có đủ tự do, thuận duyên và ba niềm tin tưởng được gọi là nền tảng hoạt động cho những thực hành của giác ngộ tối thượng.



Đây là chương hai  
định nghĩa nền tảng hoạt động từ *Pháp Bảo của sự giải thoát,*  
*Viên ngọc như ý của những bài giảng xuất sắc*

## PHẦN 3

### NHÂN PHỤ THÊM



**Nhân phụ thêm là vị đạo sư tâm linh**

### Chương 3

### VỊ ĐẠO SƯ TÂM LINH

Cho dù chúng ta có nền tảng hoạt động tuyệt vời, một cuộc sống làm người trân quý, nếu như chúng ta không được một vị đạo sư tâm linh khuyến khích thì việc đi theo con đường giác ngộ sẽ trở nên khó khăn bởi vì sức mạnh của những thiên hướng bất thiện hạnh thâm căn cố đế của những kiếp trước và sức mạnh của những tập khí. Chính bởi vậy, chúng ta cần phải có một vị thầy tâm linh. Tóm tắt lại:

Lý do và phân loại

Những đặc tính của mỗi phân loại

Phương tiện và lợi ích của sự có mặt những vị đạo sư tâm linh

Năm sự hiện diện bao gồm vị thầy tâm linh

**1. Lý do:** Có 3 lý do giải thích tại sao chúng ta phải theo một vị đạo sư tâm linh:

A. Kinh điển

B. Logic, và

C. Sự so sánh, ví von

**A. Kinh điển.** Đầu tiên trong cuốn *Kinh Bát Nhã Ba La Mật đa*:

Học trò cao quý có lòng kính trọng vị thầy

Thường theo người thầy sáng suốt

Bởi vị người đó nhận được những phẩm tính tốt từ thầy

Và trong *Kinh 8,000 đoạn kệ Bát nhã ba la mật*:

*Từ vô thủy, một vị Bồ Tát-Ma ha Tát có ước nguyện đạt được giác ngộ tuyệt hảo, vô song, hoàn thiện cần phải gặp, theo và bày tỏ lòng tôn kính tới vị thầy tâm linh.*

**B. Logic** Một người mong muốn đạt được trạng thái toàn tri cần theo một vị đạo sư tâm linh bởi vì người đó không biết cách làm thế nào tích lũy công đức hay tịnh hóa những che chướng. Minh họa tích cực cho điều này là chư Phật trong ba thời. Ở một khía cạnh khác là những vị Độc Giác.

Giải thích: Để đạt được quả vị Phật toàn hảo, tuyệt vời, tất cả những tích lũy, kể cả công đức và trí tuệ ban sơ (giác tính nguyên sơ), cần phải kết hợp cùng nhau. Những biện pháp để thực hiện được những điều này tùy thuộc vào vị đạo sư tâm linh. Tất cả những che chướng, kể cả những xúc tình tiêu cực và những chướng ngại vi tế để đạt được giác ngộ, cần được tịnh hóa. Phương tiện để loại bỏ những che chướng này cũng tùy thuộc vào vị thầy.

**C. Sự so sánh, ví von** Một vị thầy tâm linh giống như một người dẫn đường khi chúng ta du lịch tới những miền đất lạ, giống như một người hộ tống khi chúng ta đi qua những nơi nguy hiểm, và giống như một người lái thuyền khi chúng ta đi qua một con sông lớn.

Giải thích của sự so sánh đầu tiên. Khi đi du lịch tới một nơi lạ không có người hướng dẫn, có những nguy hiểm của việc sai đường, mất phương hướng hay lạc đường. Khi có một người hướng dẫn đi theo, vậy sẽ không còn hiểm nguy của sai đường, mất phương hướng hay lạc đường nữa, chúng ta sẽ đi tới đích không lãng phí một bước nào cả. Giống như vậy, khi bước lên con đường giác ngộ vô song, đi theo con đường của quả vị Phật, nếu không có sự hiện diện của một vị đạo sư Đại Thừa như một người hướng dẫn, sẽ có nguy hiểm lạc đường sang con đường không-Phật- giáo, nhầm sang con đường của Thanh Văn, hay lạc vào con đường của Độc Giác.

Nói một cách khác, nếu thực hiện sự hướng dẫn của một vị đạo sư tâm linh, sẽ không có sai đường, mất hay lạc lối, chúng ta sẽ đi tới thành phố của toàn tri. Trong cuộc đời của Srisambhava có nói:

*Một vị đạo sư tâm linh giống như một hướng dẫn dẫn một người trên con đường toàn hảo.*

Sự so sánh thứ hai là nỗi nguy hiểm của những nơi chứa đựng sự đe dọa hãm hại của kẻ cướp, trộm, những quái thú hoang dã, và vv. Khi đi đến những nơi này không có người hộ tống, chúng ta sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng, thân thể và tài sản. Với một người hộ tống đúng đắn, một người sẽ đi đến đích không gặp bất cứ hiểm nguy nào. Giống như vậy, khi đi trên con đường giác ngộ và khao khát tới được thành phố của toàn tri nhờ kết hợp được công đức đã tích lũy và trí tuệ ban sơ (giác tính nguyên sơ), không có một vị đạo sư tâm linh hộ tống, chúng ta gặp nguy hiểm-mất đi cuộc sống với những thuận duyên, mất đi tài sản của những thiện hạnh cho những kẻ trộm và cướp-những niềm không mạch lạc bên trong, những xúc tình tiêu cực và những ma ra bên ngoài, những tinh linh xấu ác và vv. Điều này được nói:

*Khi đám đông của những kẻ cướp-giống như những cảm xúc có được cơ may, sẽ cướp đi tất cả những thiện hạnh của bạn và thậm chí cả cuộc sống thuận duyên của bạn.*

Nhưng nếu bạn không tách biệt với vị thầy tâm linh, giống như một người hộ tống, bạn sẽ tiến tới thành phố của toàn tri không mất đi những tài sản của giới hạnh hay có một cuộc sống mà thuận duyên bị lấy mất. Điều này được nói đến trong câu chuyện cuộc đời của Srisambhava như sau:

*Tất cả những công đức của một vị Bồ Tát sẽ được những vị thầy tâm linh bảo hộ.*

Câu chuyện của cuộc đời Upasila Acala nói:

*Mỗi vị thầy tâm linh tựa như một người hộ tống đưa bạn tới trạng thái toàn tri*

Sự so sánh thứ ba: Khi dùng thuyền đi sang bờ bên kia một con sông rộng mà không có người chèo thuyền, bạn sẽ không đi tới được bờ bên kia bởi vì con thuyền có thể sẽ bị nhấn chìm dưới nước hay bị dòng chảy cuốn đi. Nhờ người chèo thuyền, bạn mới tới được bờ bên kia. Và giống như thế, khi vượt qua đại dương của samsara mà không có vị thầy tâm linh như một người chèo thuyền, thậm chí ngay cả khi bạn bước chân vào con thuyền của giáo Pháp tuyệt hảo, bạn cũng sẽ bị lôi đi bởi dòng chảy của samsara hay bị nhận chìm trong samsara. Điều này được nói:

*Con thuyền sẽ không đưa bạn tới bờ bên kia của dòng sông khi không có người chèo thuyền. Cho dù bạn có đầy đủ những phẩm tính, bạn sẽ không được giải thoát khỏi samsara nếu bạn không có một vị đạo sư.*

Chính vì vậy, nếu bạn theo một vị đạo sư tâm linh giống như người chèo thuyền, bạn sẽ chạm tới bờ nirvana khô ráo phía bên kia của đại dương samsara. Trong kinh Hoa Nghiêm nói:

*Một vị thầy tâm linh giống như một người chèo thuyền vượt qua đại dương samsara.*

Chính vì những lý do trên bạn cần theo chân một vị thầy tâm linh giống như người hướng dẫn, hộ tống hay chèo thuyền.

**2. Phân loại.** Có bốn sự phân loại của một vị thầy tâm linh:

Vị thầy tâm linh bình thường

Vị thầy tâm linh đã đạt được một vài địa

Vị thầy tâm linh Ứng hóa thân

Vị thầy tâm linh Báo thân

Bốn dạng này liên quan đến sự nhận thức của cá nhân vị đạo sư tâm linh. Khi một người bình thường hay bắt đầu, người đó không theo được đức Phật, các vị Bồ Tát hay những vị đạo sư cao cấp, cho nên một người cần theo vị đạo sư tâm linh bình thường. Khi những chướng ngại nghiệp được tịnh hóa dần, người này mới có thể theo vị đạo sư tâm linh Bồ tát đã đạt được cấp độ cao hơn. Sau khi hoàn thiện con đường tích lũy lớn lao, người này mới có thể theo một vị đạo sư tâm linh Ứng hóa thân. Khi người đó chứng được Bồ Tát địa, người đó có thể theo một vị đạo sư tâm linh Báo thân.

Trong bốn dạng này, ai là người mang lại lợi lại lớn nhất? Khi vẫn đang ở trong bóng tối chướng ngại của nghiệp những xúc tình tiêu cực, chúng ta không có cơ may để thấy mặt một vị đạo sư tâm linh cao hơn, vậy làm sao chúng ta có thể theo được? Nhờ gặp một vị đạo sư bình thường, nhận ánh sáng của những bài giảng của các vị, tỏa sáng giáo Pháp trên con đường, từ đó chúng ta mới có cơ hội để gặp những vị đạo sư tâm linh cao hơn. Vậy những người mang lại lợi lạc lớn lao nhất cho chúng ta là những vị đạo sư bình thường.

### **3. Tính chất của từng phân loại.**

**A. Vị đạo sư tâm linh Ứng hóa thân và Báo thân.** Đã được tịnh hóa khỏi hai chướng ngại, đức Phật hiện thân sự toàn hảo của tịnh hóa. Sở hữu hai trí tuệ toàn tri, Người hiện thân sự toàn hảo của trí tuệ ban sơ (giác tính nguyên sơ).

**B. Vị đạo sư tâm linh Bồ Tát.** Vị đạo sư tâm linh Bồ Tát và người đã đạt được mức độ cao hơn, đạt được địa từ thứ nhất đến thứ mười, sở hữu lượng trí tuệ và tịnh hóa khác nhau. Đặc biệt, những vị Bồ Tát đạt được được từ địa thứ 8 trở lên sở hữu mười quyền năng làm lợi lạc cho chúng sinh: quyền năng vượt qua cuộc sống, tâm trí, những thiết yếu tạm thời, nhân hay hành động, sinh, có ý định, cầu nguyện tha thiết, điều kỳ lạ, trí tuệ nhận thức và giáo Pháp.

“Quyền năng vượt qua cuộc sống” có nghĩa một người có thể sống lâu như mong ước

“Quyền năng vượt qua tâm trí” có nghĩa một người có thể an trụ trong thiền định lâu như mong ước

“Quyền năng vượt qua những thiết yếu tạm thời” có nghĩa một người có thể làm mưa xuống vô số những thiết yếu cho chúng sinh

“Quyền năng vượt qua nhân” có nghĩa một người có thể dời quả của nghiệp báo từ một cuộc đời đặc biệt tới một lĩnh vực khác, một thế giới, một cõi hay sinh ra.

“Quyền năng vượt qua sự sinh” có nghĩa một người có thể an trụ trong thiền định và, nếu như tái sinh trong thế gian dục giới, sẽ không bị ảnh hưởng bởi những sai lầm của thế gian đó.

“Quyền năng vượt qua ý định” có nghĩa một người có thể thay đổi bất cứ điều gì họ muốn trở thành đất, nước lửa và vv.

“Quyền năng vượt qua cầu nguyện tha thiết” có nghĩa một người tha thiết mong cầu làm lợi lạc cho bản thân và người khác, sẽ được viên thành.

“Quyền năng vượt qua sự diệu kỳ” có nghĩa một người phô bày vô số hóa hiện là nhân cho những chúng sinh quan tâm đến con đường tâm linh.

“Quyền năng vượt qua trí tuệ nhận biết” có nghĩa một người có những hiểu biết tuyệt hảo về vạn pháp, ý nghĩa, định nghĩa của từ ngữ, và tự tin.

“Quyền năng vượt qua giáo pháp” có nghĩa, vào một lúc, các vị Bồ Tát có thể hoàn toàn làm hài lòng tất cả chúng sinh tùy theo căn cơ của họ và trong những ngôn ngữ khác nhau qua từ ngữ và nhóm các chữ trên nền tảng nhiều loại kinh khác nhau và vv.

**C. Vị thầy tâm linh bình thường.** Có ba loại thầy tâm linh: những người sở hữu tám phẩm tính, những người sở hữu bốn phẩm tính và sở hữu hai phẩm tính. Liên quan đến những người sở hữu tám phẩm tính, *Bồ Tát Địa* nói rằng:

*Một người hiểu rằng một vị Bồ Tát có tám phẩm tính là một vị đạo sư tâm linh tuyệt hảo. Tám phẩm tính đó là gì? Đó là giới hạnh của một vị Bồ Tát, được học trong những bài giảng của Bồ Tát, sở hữu được nhận thức, sở hữu sự từ bi và tử tế, sở hữu sự không sợ hãi, sở hữu sự kiên nhẫn, sở hữu tâm trí không biết mỏi mệt, và là người thiện xảo trong diễn tả bằng lời.*

Những người sở hữu bốn phẩm tính được nói đến trong kinh *Đại thừa trang nghiêm kinh luận*

*Sở hữu sự uyên thâm rộng lớn và diệt trừ nghi ngờ*

*Tất cả những gì họ nói được chấp nhận, phân biệt hai đặc tính*

*Đó là vị thầy tâm linh tuyệt hảo*

“Sở hữu sự uyên thâm rộng lớn” nói đến khả năng giảng dạy rộng rãi nhờ trí tuệ quảng đại. Vị thầy tâm linh có thể diệt trừ những ngờ vực nhờ bởi nhận thức sáng suốt sâu sắc. Những từ ngữ của vị ấy được chấp nhận nhờ bởi những hành động giới hạnh thanh tịnh của mình. Vị thầy đó giải thích những đặc tính sơ đẳng của những xúc tình tiêu cực và cách tịnh hóa.

Những vị sở hữu hai phẩm tính được nói đến trong *Bồ Tát Hạnh*

*Một vị đạo sư tâm linh luôn luôn*

*Lão luyện trong những bài giảng Đại Thừa*

*Vị đó sẽ không từ bỏ những lời nguyện Bồ Tát*

*Cho dù phải mạo hiểm đến cả tính mạng mình*

Nói một cách khác, một vị thầy tâm linh được học trong cỗ xe Đại Thừa và lưu giữ những lời nguyện Bồ Tát.

**IV. Phương tiện.** Khi dạng đạo sư tâm linh chân thật được tìm thấy, có ba cách để theo vị thầy. Đó là:

A. Theo vị thầy bằng sự kính trọng và phụng sự

B. Theo vị thầy bằng sự hiến dâng và sự kính trọng

C. Theo vị thầy bằng thực hành và tinh tấn trong những bài giảng

**A. Kính trọng và phụng sự.** Sự kính trọng chia làm hai phần nhỏ hơn. Theo vị đạo sư “qua sự kính trọng” có nghĩa thực hành lễ lạy, nhanh chóng đứng lên, cúi xuống, đi vòng quanh thầy, bộc lộ bản thân bằng một cảm giác gần gũi vào đúng thời điểm, nhìn thầy và rời mắt khỏi thầy không thấy mãn nguyện và vv. Ví dụ Sudhana, con trai người lái thương, theo vị thầy tâm linh như thế nào. Trong *kinh Hoa Nghiêm* nói:

*Một người không bao giờ thấy mãn nguyện khi nhìn vị thầy tâm linh của mình bởi vì thật khó để gặp những vị thầy tâm linh, rất hiếm khi họ xuất hiện trên thế gian này, và thật khó để gặp họ.*

Theo một vị thầy nhờ “phụng sự” có nghĩa cúng dường thầy thực phẩm, y áo Pháp, giường ngủ, chỗ ngồi, thuốc, và những vật dụng cần thiết cho dù phải mạo hiểm đến thân thể, cuộc sống của mình. Đó là cách Sadaprarudita theo vị thầy của mình, đã được kể lại trong cuộc đời của Srisambhava:

*Sự giác ngộ của một vị Phật sẽ đạt được nhờ phục vụ người thầy tâm linh*

**B. Hiến dâng và kính trọng.** Theo một vị thầy nhờ “hiến dâng và kính trọng” có nghĩa một người cần coi vị thầy tâm linh của mình như một vị Phật. Một người không được chống lại những bài giảng của thầy. Một người cần phát triển sự hiến dâng, kính trọng và tâm sáng suốt. Điển hình là cách tổ Naropa theo vị thầy tâm linh của mình. *Người mẹ của trí tuệ đấng chiến thắng* nói như sau:

*Con cần tinh tấn, liên tiếp, thường xuyên tôn kính vị thầy tâm linh. Con cần rộng lượng và yêu dấu vị thầy.*

Hơn nữa, một người cần tránh có những kiến sai lệch về những hành động thiện xảo của người thầy mà hơn thế, cần phải tôn trọng thầy hơn. Hãy xem câu chuyện cuộc đời của vua Anala như một ví dụ.

**C. Thực hành và tinh tấn.** Theo một vị thầy qua “thực hành và tinh tấn” có nghĩa thực sự kết hợp và thực hành những bài giảng của thầy qua nghe, quán chiếu, thực hành thiền và qua tinh tấn. Điều này sẽ làm vị thầy tâm linh vô cùng hài lòng. *Kinh Đại Thừa trang nghiêm Kinh luận* nói:

*Theo vị đạo sư tâm linh có nghĩa thực hành bất cứ những gì được dạy*

*Nhờ đó, vị đạo sư sẽ hoàn toàn hài lòng*



Một người sẽ đạt Phật quả khi vị đạo sư hài lòng. Điều này thường được nói đến trong câu chuyện cuộc đời của Srisambhava:

*Khi con làm vị đạo sư hài lòng, con sẽ đạt được giác ngộ của tất cả chư Phật.*

Có ba bước để nhận được những bài giảng từ vị đạo sư: chuẩn bị, hiện thực bài giảng, và hệ quả.

Thứ nhất, “chuẩn bị” có nghĩa nhận những bài giảng với tâm bồ đề, tâm trí của giác ngộ. Trong khi nhận được những bài giảng, bạn cần coi bản thân mình là người bệnh nhân, giáo pháp như là thuốc và vị đạo sư như người thầy thuốc. Lắng nghe và thực hành kiên quyết giáo pháp sẽ được coi như chữa lành căn bệnh. Do đó, chúng ta tránh được những lỗi lầm mà lỗi lầm đó giống như một cái nồi lật úp xuống, một cái nồi thủng, và một cái nồi đầy thuốc độc.

**5. Lợi lạc.** Những hiệu quả lợi lạc khi đi theo vị thầy tâm linh được nhắc đến trong câu chuyện cuộc đời của Srisambhava:

Gia đình cao thượng! Một vị Bồ Tát được bảo trợ bởi người thầy tâm linh sẽ không rơi xuống những cõi thấp. Một vị Bồ Tát mà được hộ tống bởi vị thầy tâm linh sẽ không rơi vào tay của những kẻ ma quỷ. Một vị Bồ Tát được hướng dẫn đúng theo một vị thầy tâm linh sẽ không bao giờ quay lưng lại với con đường Đại Thừa. Một vị Bồ Tát được hướng dẫn đúng theo một vị thầy tâm linh sẽ vượt qua mức độ của một người bình thường.

Trong *Kinh Người mẹ của đấng chiến thắng của trí tuệ tuyệt hảo* nói;

*Một vị Bồ Tát-Ma Ha Tát được hướng dẫn đúng theo một vị đạo sư tâm linh sẽ nhanh chóng đạt được giác ngộ toàn vẹn, vô song.*



Đây là chương thứ ba, đối đãi với vị đạo sư tâm linh, từ  
*Pháp bảo của sự giải thoát, Viên ngọc như ý của những bài giảng cao thượng*

## Chương 4

### Phương tiện



Phương tiện là những chỉ dẫn của vị thầy tâm linh

## Giới thiệu phần 4

Kể từ khi chúng ta có những nhân chính yếu, Phật tính, chúng ta đã trôi nổi qua bao nhiêu dòng chảy liên tục kể từ vô thủy trong luân hồi. Vào một vài thời điểm nào đó, chúng ta đã có được cuộc sống làm người trân quý và cũng gặp được một vị đạo sư tâm linh. Vậy lỗi lầm nào trong quá khứ đã ngăn không cho chúng ta đạt được Phật quả? Chúng ta đã bị bốn che chướng áp đảo.

Vậy bốn che chướng ngăn cản ta đạt được quả vị Phật là gì vậy? Do bởi bị bám chấp vào những hoạt động của đời sống này, bám chấp vào những khoái lạc của luân hồi, bám chấp vào yên bình, không hiểu nhờ phương tiện nào mà đạt được giác ngộ.

Chúng ta có thể xua tan những che chướng như thế nào? Chúng chỉ được xua tan đi nhờ những chỉ dẫn mà chúng ta nghe theo một vị thầy tâm linh.

Có bao nhiêu chỉ dẫn của vị thầy tâm linh ở đây? Tóm tắt lại:

Thiền về sự vô thường

Thiền về những khiếm khuyết của luân hồi; nhân và quả

Thiền về tình thương yêu và từ bi

Và những yếu tố khác nhau nhằm trưởng dưỡng bồ đề tâm-

Có bốn phần

Những chỉ dẫn của một vị thầy tâm linh.

Nói một cách khác, đó là: những chỉ dẫn về thực hành thiền quán chiếu về vô thường, thực hành thiền quán chiếu về những khiếm khuyết của luân hồi, nhân và quả, thực hành thiền quán chiếu về tình yêu thương, từ bi và những chỉ dẫn làm sao để gieo trồng bồ đề tâm.

Qua đó, quán chiếu về chủ đề vô thường để đối trị với bám chấp vào những hoạt động của đời sống này. Ngẫm nghĩ về những khiếm khuyết của luân hồi và nghiệp nhân quả đối trị với những bám chấp vào những khoái lạc của luân hồi. Thiền về tình yêu thương tử tế và tâm từ bi đối trị với những bám chấp vào lạc thú của yên bình. Gieo trồng một tâm bồ đề tối thượng để đối trị lại sự thiếu hiểu biết về phương tiện mà nhờ đó chúng ta đạt giác ngộ.

Có những yếu tố để trưởng dưỡng tâm trí và phát triển bồ đề tâm. Kể từ khi một người thọ quy y cho đến khi thiền về ý nghĩa của vô ngã, hay năm nhánh cho đến đạt được địa thứ mười, tất cả những bài giảng pháp được bao hàm trong việc gieo trồng tâm bồ đề. Một vài thực hành từ cơ bản mà qua đó chúng ta gieo trồng một tâm trí giác ngộ, một vài thực hành là đối tượng của việc trưởng dưỡng tâm trí, một vài thực hành là phương tiện để trưởng dưỡng tâm

trí, một vài thực hành để luyện tập trưởng dưỡng tâm trí, một vài thực hành là kết quả ích lợi của trưởng dưỡng tâm trí, và một vài thực hành là kết quả của trưởng dưỡng tâm trí. Vậy tất cả những bài giảng Đại thừa được bao hàm trong việc trưởng dưỡng tâm trí (bồ đề tâm) và những chỉ dẫn được vị thầy tâm linh truyền đạt lại. Việc này tùy thuộc vào vị thầy. Trong kinh *Hoa Nghiêm* có nói

*Vị thầy tâm linh là cội nguồn của tất cả những bài giảng giới hạnh. Việc đạt được toàn tri tùy thuộc vào những chỉ dẫn của vị thầy tâm linh*

## ***NHỮNG ĐỐI TRỊ CHO BẮM CHẤP VÀO CUỘC ĐỜI NÀY***

## Chương 4

### Vô thường

Chỉ dẫn đầu tiên của thiền về vô thường như một pháp đối trị lại với những bám chấp vào cuộc sống này. Nhìn chung, tất cả các pháp duyên hợp là vô thường. Đức Phật nói:

*Này các vị tểng! Mọi pháp duyên hợp là vô thường.*

Bằng cách nào chúng là vô thường? Kết thúc của sự tích lũy là sự tan rã. Kết thúc của sự xây dựng là sự sụp đổ. Kết thúc của cuộc gặp gỡ là sự chia ly. Kết thúc của sự sống là cái chết. Trong *Tuyển tập những bài kệ từ Kinh điển Phật giáo* nói

*Kết quả của mọi sự tích lũy là sự tan rã. Kết quả của sự xây dựng là sụp đổ. Tất cả những ai gặp gỡ cũng chia ly. Kết thúc cuộc sống là cái chết.*

Chúng ta thiền như thế nào về điều này? Tóm tắt lại:

Phân loại, phương tiện của thiền và

Hiệu quả có ích của thiền-

Có ba yếu tố

Mọi quán chiếu về vô thường

I. Phân loại: Để phân loại, chúng có hai loại:

A. Vô thường của thế giới bên ngoài và

B. Vô thường của bên trong chúng sinh

Thêm nữa, vô thường của thế giới bên ngoài được xếp thành hai phần: vô thường thô và vô thường vi tế. Thế giới bên trong cũng được chia thành hai phần: vô thường của người khác và của chính mình.

II. Phương pháp thiền:

A. Vô thường của thế giới bên ngoài:

**1. Đầu tiên, xem xét về vô thường thô của thế giới bên ngoài.** Từ phía dưới thấp của vòng vũ trụ của gió cho đến bốn giai đoạn của thiền tập trung, chẳng có gì khác hơn ngoài bản chất của thường hằng hay sự bền vững; không có gì là không thay đổi cả. Đôi khi, tất cả từ giai đoạn thiền đầu tiên và thấp hơn bị phá hủy bởi lửa. Đôi khi tất cả từ giai đoạn thiền thứ hai hay thấp hơn bị phá hủy bởi nước. Đôi khi, tất cả từ giai đoạn thiền thứ ba và thấp hơn bị phá hủy bởi gió.

Khi thế giới bị thiêu hủy bởi lửa, không còn lại gì kể cả tro, tựa như dầu bị lửa thiêu. Khi bị hủy hoại bởi nước, chẳng còn lại gì kể cả cặn, tựa như muối hòa vào nước. Khi thế gian này bị hủy bởi gió, chẳng còn lại gì kể cả một hạt phần tử, tựa như một đồng bụi bị một cơn cuồng phong cuốn đi. Điều này được giải thích trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói

*Thế gian này sẽ bị thiêu hủy bởi lửa bảy lần và sau đó một lần hủy hoại bởi nước. Khi thế gian bị thiêu hủy bởi nước bảy lần, vậy nó sẽ bị hủy hoại bảy lần bởi lửa. Và cuối cùng, sẽ bị phá hủy bởi gió.*

Tới địa thứ tư của thiên định, sẽ không bị phá hủy bởi lửa, nước hay gió nữa. Đó là sự tự diệt khi chúng sinh đó trong đó chết. Trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói

*Sự vô thường của những trụ xứ này nảy nở và hòa tan vào trong chúng sinh*

Hơn nữa, dường như thế gian này sẽ bị thiêu hủy bởi lửa. Trong kinh *Gia chủ Palgyin* vấn thỉnh nói:

*Sau một kiếp-ba của thế gian này, có bản tính là bầu không gian, sẽ trở lại thành không gian. Kể cả núi Tu Di cũng bị thiêu và bị tan rã.*

**2. Vô thường vi tế của thế giới bên ngoài.** Vô thường vi tế có thể nhìn thấy được trong sự thay đổi của bốn mùa, trong sự lặn và mọc của mặt trời, mặt trăng, trong sự tan biến mất của một khoảnh khắc.

Đầu tiên sự xuất hiện năng lực của mùa xuân trong thế gian bên ngoài, mặt đất trở nên mềm mại, sắc màu tươi đỏ, cỏ, cây, rau trái tất cả bắt đầu đâm chồi. Đó là dấu hiệu của sự thay đổi, do nhân là vô thường. Nhờ sự xuất hiện của mùa hè, mặt đất trở nên ẩm ướt, sắc màu trở nên xanh lá, cây, cỏ, rau trái và những chiếc lá mở ra. Điều này là thay đổi do nhân bởi vô thường. Nhờ năng lực của mùa thu, mặt đất trở nên rắn, sắc màu chuyển sang vàng, những cây cối, cỏ, và quả chín. Đây cũng là dấu hiệu của vô thường, sự thay đổi của thời gian. Nhờ năng lực của mùa đông tiến lại, tất cả mặt đất đông cứng, sắc màu nhạt đi chuyển sang xám xịt, những cỏ, cây trở nên khô rụi, và đây cũng chỉ ra sự thay đổi của thời gian, vô thường.

“Sự vô thường trong sự mọc và lặn của mặt trời, mặt trăng” có nghĩa là nhờ năng lực của rạng đông, thế giới bên ngoài trở nên rõ ràng và sáng trắng, nhưng khi đêm xuống, thế giới bên ngoài chìm trong bóng tối. Đó cũng là dấu hiệu của vô thường.

Điều thứ ba là vô thường “nhìn trong sự tan biến một khoảnh khắc”, mỗi và từng thời điểm. Thời điểm đầu tiên của thế giới không tồn tại tới giây thứ hai. Mỗi một khoảnh khắc là tương tự và bởi vì sự tương tự này, nên chúng ta lầm tưởng và nhận thức chúng là một, tựa như trôi theo một dòng sông.



## **B. Vô thường bên trong những chúng sinh**

**1. Vô thường của người khác.** Từ hai dạng vô thường liên quan đến bên trong của chúng sinh, đầu tiên là sự vô thường của người khác. Tất cả chúng sinh trong ba cõi là vô thường. Trong *Sự dẫn sinh của đức Phật*, kinh có nói:

*Ba cõi là vô thường như những áng mây mùa thu.*

**2. Khám phá sự vô thường trong chính mình.** Chúng ta phải chuyển sang một cuộc sống khác không có sự lựa chọn nào khác. Điều này được hiểu rằng:

a. khám phá sự vô thường trong chính chúng ta và

b. áp dụng sự vô thường của người khác cho chính mình

**a. Khám phá sự vô thường trong chính chúng ta** Thiền đầu tiên về điều này theo những cách sau: thiền về cái chết, thiền về những đặc tính của cái chết, thiền về sự kiệt sức của cuộc đời này và thiền về sự chia ly.

Để thiền về cái chết, hành giả hãy nghĩ “bản thân mình cũng không tồn tại lâu trong thế gian này và sẽ phải đi sang kiếp sống sau”. Quán chiếu như vậy.

Thiền về những đặc tính của cái chết nhờ quán chiếu “Cuộc sống của tôi kết thúc, hơi thở này sẽ ngừng lại, thân thể này sẽ trở thành cái xác, và tâm trí này sẽ lang thang ở những nơi chốn khác”. Quán chiếu đơn giản như vậy.

Thiền về sự kiệt sức của cuộc đời này qua quán chiếu “Từ năm ngoái đến nay, một năm đã qua đi, và cuộc sống của mình rút ngắn lại. Từ tháng trước đến nay, một tháng đã qua đi và cuộc đời tôi ngắn lại hơn. Từ hôm qua đến ngày hôm nay là một ngày, và cuộc sống của mình cũng đã ngắn lại. Thời khắc vừa qua đi ngay bây giờ chính là khoảnh khắc đang trôi qua. *Trong Bồ Tát Hạnh* nói:

*Chẳng có ngày hay đêm còn lại chắc chắn*

*Cuộc sống cứ vậy trôi qua*

*Và không bao giờ lấy lại được nữa*

*Vậy sao cái chết không đến*

*Với một người như tôi đây?*

Thiền về sự chia ly nhờ quán chiếu “bây giờ, bất cứ những gì tôi có-người thân, tài sản, thân thể này và vv mà tôi yêu thương quá-chẳng có gì có thể đi theo tôi mãi mãi. Một ngày gần thôi, tôi sẽ phải chia lìa với chúng”. Quán chiếu như vậy. *Trong Bồ Tát Hạnh* nói:

*Cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu*

*Rằng tôi phải để lại tất cả phía sau.*

Một cách khác cho thực hành thiền này (về sự vô thường của chính mình) là quán chiếu về chủ đề “ba lần ba”. Hãy thiền về sự vô thường của cái chết nhờ quán chiếu:

(1) Tôi chắc chắn sẽ phải chết

(2) Thời điểm chết là không chắc chắn

(3) Không có bất cứ sự giúp đỡ nào khi cái chết xảy đến

(1) Có ba lý do chắc chắn của cái chết:

(a) Bởi vì chẳng có ai trong quá khứ giờ vẫn còn đang sống

(b) Bởi vì thân thể này là duyên hợp và

(c) Bởi vì cuộc sống trở nên cạn kiệt mỗi thời khắc, cái chết chắc hẳn sẽ đến

(a) Cái chết là chắc chắn bởi vì chẳng có ai trong quá khứ vẫn còn đang sống. Acharya Ashvaghosha đã nói:

*Cho dù ở bất cứ nơi nào trên địa cầu hay trên thượng giới, bạn đã bao giờ thấy một ai không sinh mà cũng không tử hay bạn đã từng nghe nói về ai như vậy chưa? Và như vậy bạn vẫn nghi ngờ!*

Chính bởi vậy, cho dù chúng sinh hùng mạnh có khả năng tiên đoán vô hạn, những quyền năng kỳ diệu cũng không thể thoát khỏi nơi không có cái chết, vậy những chúng sinh như chúng ta thì chẳng còn gì có thể bàn. Điều này đã được nói:

*Những nhà đại hiền triết với năm loại tiên đoán có thể bay xa trong bầu trời, cũng không thể tìm thấy một nơi không có ai chết.*

Không chỉ có vậy, mà ngay cả những chúng sinh cao thượng-hàng Duyên Giác, những vị Thanh Văn, A La Hán-Cuối cùng cũng phải từ bỏ thân xác, vậy những người như chúng ta thì chẳng còn gì để nói. Trong *Tuyển tập những bài kệ từ kinh điển Phật giáo* nói:

*Tất cả những vị Phật Duyên Giác, Đại Thanh Văn của đức Phật còn bỏ lại thân xác các Ngài, vậy tại sao những chúng sinh bình thường như chúng ta lại không?*

Không chỉ có thế, kể cả Đức Phật toàn hảo, thân Báo Thân với những tướng hảo chính, phụ, với bản chất tựa như kim cương không gì phá hủy nổi, cũng phải từ bỏ thân xác. Còn bàn gì đến những người bình thường như chúng ta! Acharya Ashvaghosha nói:

*Tướng dạng của tất cả chư Phật, được trang hoàng bằng những tướng chính và phụ-cho dù thân-tựa kim cương của Người là vô thường. Vậy những thân thể của những chúng sinh khác không có gì tinh túy chẳng có gì để bàn tựa như cây nước!*

(b) Cái chết là chắc chắn vì thân thể này là duyên hợp và các pháp duyên hợp thì vô thường. Vạn hữu là duyên hợp có bản chất bị hư hoại. Trong *Tuyển tập những kinh điển Phật giáo* có nói:

*Alas! Vì vạn hữu duyên hợp là vô thường, đó là đối tượng của sinh và diệt*

Kể từ khi thân thể này không phải là không duyên hợp, nó phải là duyên hợp; chính vì thế, nó là vô thường và cái chết là chắc chắn.

(c) Cái chết của tôi là chắc chắn vì cuộc đời cạn kiệt từng khoảnh khắc. Mỗi lúc, cuộc sống chuyển động đến gần cái chết hơn. Chúng ta không nhận thức hay không để ý tới nó, nhưng có thể tìm hiểu qua những ví dụ. Tựa như một mũi tên được một người bắn cung tài năng bắn, tựa như nước chảy xuống từ sườn núi, như một người đang bị dẫn ra hành quyết, cuộc sống đi qua nhanh chóng như vậy.

Trong sự so sánh đầu tiên, khi người bắn cung bắn mũi tên vào mục tiêu, mũi tên không dừng lại trong không gian bất cứ khoảnh khắc nào cho đến khi chạm vào mục tiêu. Giống vậy, cuộc sống của chúng ta không ngừng ở một nơi nào đó cho dù một khoảnh khắc nhỏ nhoi mà tiến đến cái chết nhanh chóng. Điều này được nói tới:

*Tựa như một mũi tên được một người bắn cung tài năng bắn; ngay khi dây cung được thả lỏng ra, mũi tên không dừng lại mà nhanh chóng chạm tới mục tiêu. Cuộc sống của tất cả loài người đều như vậy.*

Trong ví dụ thứ hai, tựa như nước chảy xuống từ sườn núi, không ngừng lại một chút nào, cuộc đời của một người cũng không dừng lại. Trong *Tuyển tập những đỉnh tôn quý* có nói:

*Những đạo hữu! Cuộc đời này trôi nhanh như nước chảy xuống từ vách núi dốc. Một người ngây ngô không nhận thức được điều này, trở nên say sưa ngạo mạn trên đồng tài sản diên rồ.*

Cũng như vậy, *Tuyển tập những kinh điển Phật giáo* có nói:

*Tựa như dòng chảy của một con sông lớn, cái gì đã bị cuốn trôi không quay lại được nữa.*

Trong ví dụ thứ ba, một người tử tù được đưa ra hành quyết, mỗi bước chân của người tử tù mang anh ta, từng phút, tiến gần tới cái chết hơn. Giống như

vậy, cuộc sống của chúng ta tiến gần lại cái chết từng phút. Trong kinh *Thân cây cao quý* nói:

*Như một người tù bị dẫn đi hành quyết, mỗi bước chân dẫn anh ta tới gần cái chết hơn*

Cũng vậy, trong kinh *Tuyển tập những bài Kệ từ kinh điển Phật giáo* có nói:

*Đối với một người sẽ chắc chắn bị hành quyết, mỗi bước chân anh ta bước, kéo anh ta lại gần cuộc hành quyết hơn. Cuộc sống của tất cả con người đều như vậy.*

(2) Thời điểm chết thì không chắc chắn được giải thích bởi ba lý do sau:

(a) Bởi vì cuộc đời là không hạn định

(b) bởi vì thân thể này không có cốt lõi

(c) bởi vì có nhiều nguyên nhân của chết

Chính bởi vậy, không có thời gian chết chắc chắn.

(a) Trong các cõi khác hay trên những châu lục khác, cuộc sống là chắc chắn. Nhưng trong thế giới này, cuộc sống của chúng ta không đo được độ dài. Như được nhắc tới trong *A tỳ đạt ma câu xá luận*:

Ở đây là không hạn định; đó là mười năm cuối và vô hạn lượng lúc bắt đầu.

Vậy, thế nào là không hạn định? *Tuyển tập những bài Kệ từ kinh điển Phật giáo* nói:

Một số thì chết trong bào thai, một số vào thời điểm sinh, cũng thế một số chết trong lúc bò, trong lúc chạy. Một số lớn lên, già, một số chết yếu, một số chết trong tuổi trẻ đang lúc đẹp nhất. Tất cả đều đã qua đời.

(b) nói rằng thân thể này không có cốt lõi có nghĩa là không có bất cứ vật chất nào khối ở trong đó cả, chỉ có ba mươi sáu thành phần bất tịnh. Trong nhập bồ hạnh bồ tát có nói

*Đầu tiên, chia tách tinh thần,*

*Các lớp của da (từ thịt)*

*Và với con dao mổ của những suy xét*

*Hãy tách thịt từ khung xương*

*Và hãy tách mở ra kể cả xương*

*Hãy nhìn vào tận trong cả tử*

*Để tìm tòi và tự hỏi bản thân*

*“Cốt lõi nằm ở đâu”*

(c) “rất nhiều nhân của cái chết” có bất cứ điều gì đều có thể tạo thành cái chết của chúng ta và những người khác. Trong *thư gửi một người bạn* nói:

*Cuộc sống này với đầy rẫy hiểm nguy; mong manh hơn*

*Cái bong bóng cuốn theo gió*

*Thật là một sự kỳ diệu khi còn thời gian để sống*

*Để hít vào, thở ra và tỉnh dậy sau giấc ngủ*

(3) Có ba lý do tại sao không có sự giúp đỡ khi cái chết xảy đến:

(a) chúng ta không được tài sản của chúng ta giúp đỡ

(b) người thân thuộc, bạn bè không thể giúp được chúng ta

(c) thân thể của chúng ta cũng chẳng giúp gì được chúng ta

(a) chúng ta không được tài sản của chúng ta giúp đỡ. Trong *Bồ Tát Hạnh* có nói:

*Cho dù tôi có sống hạnh phúc cả một thời gian dài*

*Nhờ nhận được rất nhiều những tài sản vật chất*

*Tôi sẽ phải ra đi với hai bàn tay trắng và cơ cực*

*Giống như đã bị cuỗm hết bởi một kẻ trộm*

Ngoài việc không đem lại lợi ích cho chúng ta, tài sản còn hãm hại chúng ta trong cuộc đời này và như sau: sự hãm hại trong cuộc đời này đến từ những tranh cãi và đánh nhau vì tài sản, trải nghiệm khổ đau vì trở thành nô lệ cho tài sản, bảo vệ tài sản khỏi những kẻ trộm. Tiếp đến, chúng ta sẽ bị ném vào những cõi thấp vì quả chín muồi của những hành động kể trên.

(b) người thân thuộc, bạn bè không thể giúp được chúng ta. Điều này được nói như sau:

*Khi thời điểm chết đến, con của bạn cũng không thể trở thành nơi nương tựa, cha bạn, mẹ bạn và bạn bè cũng không thể. Không ai mà bạn có thể nương tựa vào*

Bên cạnh việc không đem lại lợi ích cho chúng ta, những người thân sẽ làm hại chúng ta trong cuộc đời này và tiếp sau. Sự hãm hại trong đời này là những nỗi khổ đau lớn lao từ việc lo sợ cho những người thân yêu

của chúng ta có thể chết, ốm đau, hay bị những người khác đánh bại. Tiếp theo, chúng ta sẽ bị ném vào những cõi thấp vì quả chín muồi của những hành động kể trên.

(c) thân thể của chúng ta cũng chẳng giúp gì được chúng ta. Chúng ta không nhận được sự trợ giúp từ những phẩm tính của thân thể cũng như từ chính thân thể mình. Đầu tiên, cho dù thân thể ta có thể mạnh mẽ, khỏe tới cỡ nào, cũng không thể quay lưng lại với cái chết. Cho dù thân thể có linh hoạt, nhanh nhẹn đến thế nào, cũng không tránh khỏi cái chết. Cho dù chúng ta có học hành giỏi giang, tài hùng biện giỏi đến cỡ nào, chúng ta cũng chẳng thể tránh khỏi cái chết nhờ tranh luận. Ví dụ, khi mặt trời đã ở trên những ngọn núi, không ai có thể dừng hoãn hay kéo nó lại cả.

Thân thể chả giúp gì được cả. Điều này được nói:

*Thân thể, được nuôi dưỡng nhờ thực phẩm và quần áo mà chúng ta tích lũy qua bao gian nan, sẽ không đi theo chúng ta được, mà thân thể sẽ bị những con chim hay chó ăn hay bị hỏa táng bởi ngọn lửa sáng rực, hay sẽ bị rửa ra dưới nước, hoặc sẽ được chôn dưới đất.*

Bên cạnh việc không mang lại lợi ích cho chúng ta vào thời điểm chết, thân thể còn là nhân hại chúng ta trong đời này và sau. Sự hãm hại trong đời này có nghĩa thân thể này không thể chịu đựng được ốm đau, nóng, lạnh, đói, khát, nỗi sợ bị người khác đánh đập, nỗi sợ bị người khác giết, nỗi sợ người khác có thể sẽ hành hạ, hay nỗi sợ rằng một ai sẽ lột da mất. Tiếp theo, bởi những lỗi lầm của thân thể, chúng ta sẽ bị ném vào những cõi thấp khi quả đã chín muồi.

**b) áp dụng những vô thường của người khác (cho bản thân).** Thực hành vô thường của cái chết “bởi áp dụng vô thường của người khác” nói đến quan sát cái chết của người khác, nghe về cái chết của người khác, và gợi nhớ lại trong tâm trí.

Đầu tiên, thực hành thiền về vô thường của cái chết nhờ quan sát người khác đang chết. Ví dụ, khi có một người họ hàng có cơ thể khỏe mạnh, có hình thái sáng sủa và những cảm xúc tích cực, không có một ý niệm gì về cái chết trong tâm trí, không có một chút ý niệm nào cả. Bỗng dưng, người này mắc một căn bệnh chết người. Tất cả sức lực của thân thể mất đi, người này thậm chí còn không ngồi dậy nổi. Khuôn mặt và hình thái tươi sáng biến mất, khuôn mặt trở nên tái màu. Những cảm giác của người này là khổ đau, không thể chịu đựng được sự đau ốm, những cơn đau hành hạ, thuốc thang và những phương tiện y tế không có hiệu quả, những nghi lễ tôn giáo không giúp gì được. Người này nhận ra là mình sẽ phải chết, không có sự lựa chọn nào hết. Người đó cho tập trung hết

bạn bè, thân bằng quyến thuộc lại, ăn bữa cuối cùng, nói những lời cuối. Vào thời điểm này, hãy quán chiếu “tôi cũng có bản chất như vậy, cùng nhân duyên, có cùng đặc tính. Tôi không thể vượt qua chân lý này được”.

Khi hơi thở người này dừng, cho dù là người đáng yêu và quan trọng ra sao trong nhà, người đó cũng không thể trái qua thêm một ngày nữa. Người này nằm trên cáng, bị buộc chặt vào, và những người khiêng xác khiêng đi. Một vài người trong gia đình ôm cái xác và làm như níu lấy một cách trù mẩn. Một vài người thì khóc than và làm như buồn nản, một vài người thì ngã ra đất, ngất đi khi một số người bạn nói rằng thân thể này là đất và đá, những hành động này là điên rồ và không có ý nghĩa lắm. Một khi cái xác đã được khiêng ra khỏi nhà, và bạn sẽ thấy không bao giờ nó trở lại vào nhà nữa, vậy bạn hãy thực hành thiền. Hồi nhớ lại tất cả và quán chiếu “tôi cũng có cùng bản chất như vậy, cùng nhân duyên, cùng đặc tính. Tôi không thể vượt qua chân lý này được”

Khi cái xác được đưa tới nghĩa địa và bỏ lại, khi đó những con giòi, chó, chó hoang, và những loại thú hoang tới ăn cho đến khi những cái xương rải rác ra chỗ này, chỗ kia, khi bạn nhìn những điều này, hãy hồi nhớ như trước đây và quán chiếu rằng “tôi cũng có cùng bản chất như vậy”, và vân vân.

Thực hành về vô thường của cái chết qua sự nghe về cái chết của những người khác. Khi bạn nghe về một ai đó chết, hay ở đâu đó có một xác người, hãy hồi nhớ về vô thường của cái chết và quán chiếu “tôi cũng có cùng bản chất như vậy”, và vv.

Thực hành về vô thường của cái chết qua hồi nhớ lại cái chết của những người khác đã qua đời. Hồi nhớ lại sự chết, trẻ hay già, ai đã đi theo bạn tới đất nước, thành phố hay ngôi nhà của bạn. Hồi nhớ điều này như trước và quán chiếu rằng “chẳng còn bao lâu nữa, tôi cũng sẽ có cùng bản chất” và vân vân. Điều này được nói trong kinh:

*Không chắc chắn được điều gì sẽ đến trước, ngày mai hay thế giới khác, vậy không tạo nỗ lực cho ngày mai, một người sẽ không sẵn sàng cho phần tiếp theo.*

**III. Lợi lạc của thiền.** Nhận thức được sự vô thường của các pháp duyên hợp đưa một người tới buông xả những bám chấp vào đời sống này. Hơn nữa, nó trưởng dưỡng đức tin, hỗ trợ sự kiên trì, và nhanh chóng giải thoát một người khỏi sự bám chấp và thù ghét. Điều này trở thành nhân của sự nhận thức bản chất bình đẳng của vạn pháp.

Đây là chương thứ tư, đối trị với vô thường của tất cả các pháp duyên  
hợp, từ

*Pháp Bảo của Sự Giải Thoát, viên ngọc Như ý của những bài giảng cao quý*



***ĐỐI TRỊ LẠI VỚI BÁM CHẤP VÀO NHỮNG LẠC THỨ  
CỦA LUÂN HỒI***



## Chương 5

### Nỗi khổ đau của luân hồi

Bạn có thể nghĩ thật là bình thường khi vô thường là nhân cho cái chết của chúng ta vì bạn có thể tái sinh và một khi bạn tái sinh, bạn sẽ có một cơ hội để vui thú với tất cả những lạc thú vinh quang của cõi Thiên, cõi người-như vậy là quá đủ với bạn. Chỉ với ý nghĩ như vậy, đã làm bạn bám chấp vào lạc thú của luân hồi. Để đối trị lại với thói quen này, hành giả cần thiền về những khiếm khuyết của luân hồi.

Tóm tắt lại:

*Nỗi khổ lan tỏa khắp*

*Nỗi khổ của sự thay đổi*

*Khổ đau chồng khổ đau*

*Ba hợp thành những khiếm khuyết của luân hồi*

Nếu những nỗi khổ đau được giải thích bởi điều gì tương tự, nỗi khổ lan tỏa khắp sẽ giống như quả không chín, nỗi khổ của sự thay đổi giống như ăn phải quả độc, nỗi khổ chồng khổ giống như mồi trên quả. Nếu một người giải thích về ba nỗi khổ đau này theo định nghĩa, thì nỗi khổ lan tỏa khắp sẽ là cảm xúc trung lập, nỗi khổ của sự thay đổi sẽ là cảm giác của lạc thú, và nỗi khổ chồng khổ sẽ là cảm giác khổ đau. Nếu những đặc tính sơ khởi của những khổ đau này được giải thích, chúng ta sẽ thấy được thời điểm những nỗi khổ lan tỏa khắp khi những uẩn nhiễm ô tồn tại.

**I. Nỗi khổ lan tỏa khắp.** Những người bình thường không cảm thấy những nỗi khổ-lan tỏa khắp, ví dụ, thấy một người bị tác động mạnh bởi một bệnh truyền nhiễm khổ đau còn bị đau ít trong tai thì không để ý đến và vân vân. Nhưng những chúng sinh thánh thiện-những người cao thượng đã vượt qua luân hồi như người đi vào dòng chảy-sẽ nhìn nhận nỗi khổ lan tỏa khắp đúng như khổ đau, ví dụ, một người gần như hồi phục khỏi một căn bệnh truyền nhiễm và cơn đau nhỏ do nhiễm trùng tai cũng đều trải nghiệm khổ đau.

Một ví dụ khác, khi có một sợi tóc trong lòng bàn tay bạn, bạn không cảm thấy khổ đau hay khó chịu. Nhưng khi cũng sợi tóc này, rơi vào mắt bạn, lập tức có nỗi khổ đau và khó chịu. Giống như vậy, nỗi khổ lan tỏa khắp này không được những chúng sinh bình thường cảm giác được, mà chỉ những chúng sinh cao thượng sẽ thấy được. Trong cuốn *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói:

*Khi một sợi tóc ở trong lòng bàn tay*

*Rơi vào mắt*

*Sẽ thấy khó chịu và khổ đau*

*Những đứa trẻ con, tựa như lòng bàn tay*

*Không nhận ra sợi tóc của nỗi khổ lan tỏa khắp*

*Những chúng sinh thánh thiện tựa như mắt*

*Và sẽ cảm thấy nỗi khổ lan tỏa khắp*

**II. Khổ bởi sự thay đổi.** Loại khổ đau thứ hai, nỗi khổ của sự thay đổi, được gọi tên như vậy bởi vì mọi lạc thú và hạnh phúc của luân hồi sẽ thay đổi thành khổ đau. Trong *kinh Đại Bi Liên Hoa* nói:

*Vương quốc của các vị trời là nhân của khổ đau. Tất cả những vương quốc của con người cũng là nhân của khổ đau.*

Chính vì vậy, cho dù một người có đạt được Chuyển Luân Thánh Vương của chúng sinh, vẫn phải chịu sự thay đổi thành khổ đau. Trong *Thư gửi bạn* nói:

*Dẫu cho một người có trở thành Chuyển Luân Thánh Vương*

*Người đó cũng sẽ rơi xuống nô lệ trong luân hồi*

Không chỉ có thế, một người khi đã có được thân thể và niềm vui của Indra (Đế Thích), vua của các vị trời, vẫn chết và rơi xuống. Một lần nữa, trong *Thư gửi bạn* nói:

*Dẫu một người có trở thành Indra,*

*Là người được tán dương ca tụng,*

*Vẫn sẽ rơi lại xuống trái đất*

*Bởi năng lực của nghiệp báo*

Không chỉ có vậy, một người đã đạt được trạng thái của Brahma (Phạm Thiên) hay hơn nữa, vua của các vị trời, người đã vượt xa được cõi dục giới, trải nghiệm được lạc thú của thiên định, cũng sẽ rơi xuống. Trong *Thư gửi bạn* nói:

*Một người đã đạt được lạc thú và hạnh phúc của cõi thiên*

*Thoát khỏi cõi dục giới*

*Sẽ lại trở về nơi ngọn lửa của cõi A tỳ (địa ngục)*

*Và khổ đau không ngơi nghỉ*

**III. Khổ đau chồng khổ đau.** Và bây giờ, thứ ba, khổ đau chồng khổ đau là sự xuất hiện của những nỗi khổ to lớn cộng thêm với nỗi khổ lan tỏa vào lúc chúng

ta có những xúc tình tiêu cực. Trong loại này, hành giả cần hiểu có hai loại khổ đau: khổ đau của cõi thấp và khổ đau của những cõi cao hơn. Nếu được giải thích về loại thứ nhất, cõi thấp sẽ có ba cõi:

- A. Địa ngục
- B. Ngạ quỷ
- C. Súc sinh

Mỗi một cõi trong số này được hiểu qua bốn loại: phân loại, nơi chốn, loại khổ đau và cuộc sống.

**A. Địa ngục nóng.** Đầu tiên là sự phân loại địa ngục nóng: có tám địa ngục nóng và tám địa ngục lạnh, tạo thành mười sáu loại, với cận địa ngục và biên địa ngục tạo thành mười tám tổng số.

**1. Địa ngục nóng.** Địa ngục nóng ở đâu? Ngay dưới cõi Diêm Phù Đề, rất nhiều chúng sinh nhanh chóng đến đây. Thấp nhất là địa ngục A Tỳ, hay là nỗi khổ đau thường hằng (địa ngục Vô Gián). Trên đó là Pratapana, Đại Nhiệt Địa Ngục; địa ngục Tapana, Địa ngục Nóng; địa ngục Mahaurava, địa ngục Gào Thét dữ dội; địa ngục Raurava, địa ngục Gào Thét; địa ngục Samghata, địa ngục Nghiền Nát; địa ngục Kalasutra, Hắc Thằng địa ngục, và Samjiva, địa ngục Chết đi Sống lại. Trong kinh *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói:

*20,000 do tuần ở phía dưới là địa ngục Vô Gián.*

*Trên đó là bảy cõi địa ngục khác*

Ở đây có những loại khổ đau nào? Điều này được giải thích theo như tên gọi. Đầu tiên, địa ngục Chết đi Sống lại, chúng sinh ở đây đâm giết lẫn nhau, sau đó một trận gió lạnh thổi đến, khi ngọn gió này chạm vào những thân thể này, họ lại sống lại. Điều này xảy ra lặp đi lặp lại cho đến khi cuộc sống ở đây chấm dứt.

Ở địa ngục Hắc Thằng, thân thể của chúng sinh sinh ra ở đây bị cắt bởi những thanh gươm lửa hay rìu lửa theo nơi những sợi chỉ đen đánh dấu thân thể họ. Điều này được nói như sau:

*Một vài bị cắt bởi gươm*

*Và những người khác bị chặt ra bởi rìu sắc*

Ở địa ngục Nghiền Nát, thân thể của những chúng sinh sinh ra ở đây bị nghiền giữa hai hòn núi lớn hay giữa những tấm sắt. Đầu tiên những ngọn núi tiến lại như đầu con cừu đực và nghiền nát những chúng sinh. Sau đó, hai hòn núi tách ra và cơn gió lạnh làm những thân thể này sống lại như trước. Rồi họ lại bị nghiền nát. Trong *thư gửi bạn* nói:

*Hai núi lớn, kinh hãi, tựa như sừng cừu*

*Nghiền nát thân thể thành bột ở giữa*

Những người khác bị ép giữa những tấm sắt và một dòng máu chảy ra như bốn dòng sông. Và điều này được nói:

*Một vai bị nghiền như hạt vừng*

*Một vai bị xay như bột mì mịn*

Ở địa ngục Gào Thét, những chúng sinh ở đây bị thiêu và hoảng sợ khóc lóc trong sự sợ hãi.

Ở địa ngục Gào Thét dữ dội, chúng sinh gào khóc thảm thiết hơn trong sự kinh hoàng vì ở đây nỗi khổ đau lớn hơn.

Ở địa ngục Nóng, chúng sinh bị hành hạ bởi lửa và vân vân. Đồng đun chảy ra và được đổ vào trong thân thể họ, đốt cháy những nội tạng bên trong thân thể. Họ bị xuyên từ hậu môn lên đỉnh đầu bằng một que nhọn, vũ khí có một nhánh.

Ở Đại Nhiệt Địa Ngục, chúng sinh bị hành hạ còn khủng khiếp hơn. Đồng đun chảy và vv đốt thân thể họ hoàn toàn ở bên trong, chỉ còn lại mỗi da, và lửa xuất hiện cả ở chín khiếu, một lần nữa, chúng sinh ở đây bị xuyên từ hậu môn và hai bàn chân tới đỉnh đầu và hai vai bởi một que nhọn, vũ khí có ba nhánh. Điều này được nói:

*Giống như vậy, một số bị nấu chín,*

*Trong dòng kim loại nóng chảy,*

*Một số bị xuyên*

*Trên những vũ khí nhọn nóng*

Trong địa ngục vô gián, có những ngôi nhà bằng kim loại, có chiều cao, độ dài là 20.000 do tuần, trong đó là ấm đun nước bằng đồng nhiều do tuần. Trong cái ấm này, chúng sinh bị nấu trong đồng và đồng đỏ, lửa bao quanh họ cả bốn phía. Điều này được nói:

*Một vai chúng sinh bị nấu như cháo*

*Trong ấm đồng khổng lồ bằng kim loại*

Và bởi vì những nỗi khổ đau liên tục không dứt đoạn, nên địa ngục này có tên Vô gián địa ngục.

Vậy cuộc sống của chúng sinh ở đây ra sao? Trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói:

*Trong địa ngục Chết đi Sống lại và nữa-nơi sáu cõi*

*Một ngày dài bằng ngày*

*Trong tuổi thọ của vị trời nơi cõi dục giới*

*Chính bởi vậy, tuổi thọ chúng sinh địa ngục tựa thế*

*Như những vị trời nơi cõi dục giới*

Cuộc đời của Bốn vị Hộ Pháp Vương tương đương với một ngày và một đêm của cõi địa ngục Chết đi Sống lại, vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, theo cách này tuổi thọ trong cõi địa ngục này là 500 năm. Theo cách tính của cõi người, tương đương với 1.620.000.000.000 năm.

Tương tự như vậy, tuổi thọ cõi Hắc thẳng địa ngục là 1.000 năm, giống như cõi trời Tam thập tam. Trong cõi người, tương đương với 12.960.000.000.000 năm.

Tuổi thọ nơi địa ngục Nghiền nát là 2.000 năm, giống như cõi thiên Giải thoát khỏi tranh đấu. Trong cõi người, tương đương với 103.680.000.000.000 năm.

Tuổi thọ nơi địa ngục Gào Thét là 4.000 năm, giống như cõi thiên Hỷ lạc. Trong cõi người, tương đương với 829.440.000.000.000 năm.

Tuổi thọ nơi địa ngục Gào Thét dữ dội là 8.000 năm, giống như cõi thiên Hóa Lạc. Trong cõi người, tương đương với 6.635.520.000.000.000 năm.

Cuộc sống nơi địa ngục Nóng là 16.000 năm, giống như cõi thiên Kiểm Soát Hóa Lạc khác. Trong cõi người, tương đương với 53.084.160.000.000.000 năm.

Cuộc sống nơi Đại Nhiệt địa ngục là một phần tám đại kiếp, trong cõi Vô Gián địa ngục là một phần tư đại kiếp (tiểu kiếp). Điều này được nói:

*Trong địa ngục Đại Nhiệt, một nửa tiểu kiếp và trong địa ngục Vô Gián, một tiểu kiếp.*

**2. Biên cận Địa Ngục:** Những biên cận địa ngục này nằm ở bốn phương vây quanh tám địa ngục.

Ở biên cận địa ngục thứ nhất, có những tro cháy nóng và chúng sinh bị chìm trong tro nóng bỏng đó đến tận đầu gối. Họ tìm mọi cách để thoát ra khỏi cõi này nhưng họ lại bước vào trong, da, thịt và máu của họ bị đốt hết. Khi họ nhấc chân lên để bước đi, họ lại trở lại.

Bên cạnh đó, cận địa ngục thứ hai là đầm lầy những tử thi bần thỉu, nơi những chúng sinh bị những con côn trùng có thân trắng, đầu đen, mỏ sắc xuyên vào tận xương

Tiếp đến, cận địa ngục thứ ba, gồm những con đường đầy dao lam nơi tất cả những cây, rừng ở đây lá đều là dao lam. Nơi này có những con chó hung dữ, điên cuồng sống. Có những khi rừng lá sắt và có những con quạ với mỏ bằng sắt. Những ai lang thang ở đây phải chịu những vết thương đau đớn khổ sở.

Bên cạnh đó, thêm vào là cận địa ngục thứ tư là dòng sông nấu như thành tro và không lối thoát. Thông điệp của Yama (thần chết) ở ngay bên cạnh ngăn không cho chúng sinh rời khỏi đây, và họ bị nấu trong dòng sông này. Trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói:

*Mười sáu thêm vào bao quanh tám (địa ngục) trong bốn phương: Đốt thành tro, Đầm lầy Tử thi, Con đường Dao lam, và vv, và dòng sông nấu chín.*

Người canh giữ của cõi địa ngục-Yama (thần chết) trong tướng dạng con người và những con quạ mỏ sắt, vv-chúng là chúng sinh hay không? Theo trường phái Tỳ bà xa luận nói rằng họ là những chúng sinh còn trường phái Kinh lượng bộ nói rằng họ không phải là chúng sinh. Trường phái Duy thức tông và dòng truyền thừa của Marpa, Milarepa nói rằng những chúng sinh này biểu lộ trong tâm trí của chúng sinh tùy thuộc vào năng lực của những hành vi ma quỷ của họ. Để liên hệ với điều này, trong *Bồ Tát Hạnh* có nói:

*Ai cố ý tạo tác ra*

*Tất cả những vũ khí này trong địa ngục*

*Ai đã tạo ra nền sắt nung*

*Từ đâu tất cả những người phụ nữ (trong địa ngục) được sinh ra*

*Đấng Hiền nhân đã nói rằng,*

*Tất cả những điều như vậy*

*Là sự tạo tác bởi một tâm trí ma quỷ*

**3. Tám địa ngục lạnh.** Có tám loại địa ngục lạnh: Át Phù Đà Địa Ngục hay địa ngục Phòng rộp, Ni La Phù Đà địa ngục hay địa ngục Phòng rộp Nứt ra, địa ngục Rét run và Răng nghiến chặt, địa ngục Havaha hay “A chu” địa ngục; Địa ngục Huhuva hay địa ngục Khóc Gào; địa ngục Utpala, nơi da chúng sinh nứt nẻ ra như những cánh hoa Utpala, địa ngục Liên Hoa, nơi da chúng sinh nứt nẻ ra như những cánh hoa sen, và địa ngục Đại Liên Hoa, nơi da chúng sinh nứt nẻ ra như những cánh của bông hoa sen lớn. Trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói

*Có tám cõi địa ngục lạnh khác: Phòng giộp và vv*

Những địa ngục này nằm ở đâu? Ở dưới cõi Diêm Phù Đề, gần những đại địa ngục nóng. Những loại khổ đau nào mà chúng sinh phải trải nghiệm? Những nỗi khổ đau theo đúng như tên gọi. Trong hai địa ngục đầu tiên, chúng sinh

chịu khổ đau bởi cái lạnh kinh khiếp làm phong giộp thân thể họ lên. Ở tầng thứ hai, lạnh đến mức phong giộp và nứt ra. Tên gọi những địa ngục này tương ứng với sự thay đổi điều kiện thể chất. Ba tầng sau, tên gọi ứng theo âm thanh phát ra khi trải nghiệm lạnh không thể chịu được. Ở tầng thứ sáu, da chuyển sang màu xanh dương, nứt ra thành năm hay sáu phần như cánh hoa utpala. Ở tầng thứ bảy, màu xanh dương chuyển thành đỏ và toàn bộ thân thể nứt thành mười phần hay hơn thế như cánh hoa sen. Ở tầng thứ tám, màu chuyển thành đỏ sẫm, thân thể nứt thành một trăm phần hay hơn thế như cánh hoa sen lớn. Ở ba tầng cuối này dựa theo sự thay đổi điều kiện thể chất.

Cuộc sống ở đây ra sao? Đấng Chiến Thắng Cao Thượng đã giải thích qua ví dụ sau:

*Hỡi các vị Tăng! Ví dụ, nếu trong cõi Magadha này có một nhà kho có khả năng chứa tám mươi giỏ, đổ đầy hạt cải, một người muốn chuyển đi cứ một trăm năm một hạt cải, vậy các vị Tăng, để làm cạn kho chứa hạt cải ở Magadha đang chứa tám mươi giỏ, vẫn còn nhanh hơn tuổi thọ của một chúng sinh sinh ra ở địa ngục Phồng giộp. Các vị Tăng, tuổi thọ trong địa ngục Phồng giộp nứt ra, còn dài gấp hai mươi lần tuổi thọ trong cõi Phồng giộp, và vv. Các Tăng, địa ngục nứt ra như Đại Liên Hoa cuộc đời còn dài hơn trong cõi địa ngục nứt ra như Liên Hoa.*

Trong cuốn A tỳ đạt ma câu xá luận ngài Thế Thân tóm tắt lại như sau:

*Cứ mỗi một trăm năm*

*Lấy một hạt cải từ trong kho*

*Cuối cùng, cuộc sống trong cõi địa ngục Phồng Rộp cũng sẽ qua đi*

*Còn những cõi khác gấp hai mươi lần*

Chính bởi vậy, tuổi thọ trong cõi địa ngục Phồng Rộp bằng thời gian khi chuyển hết hết số hạt cải trong kho đi; cõi địa ngục Phồng Rộp Nứt ra gấp 20 lần; cõi địa ngục Răng Nghiến Chặt gấp 400; địa ngục “A-chu”, gấp 8000 lần, cõi địa ngục Khóc Gào, 160.000 lần, địa ngục Nứt ra như hoa Utpala gấp 3.200.000 lần, địa ngục Nứt ra như Liên Hoa gấp 64.000.000 lần, và địa ngục nứt ra như Đại Liên Hoa, 1.280.000.000 lần.

**4. Địa ngục không thường xuyên.** Có những chúng sinh hội tụ lại cùng nhau, hay hai, hay một duy nhất, như được tạo ra bởi nghiệp của những cá nhân. Có nhiều loại địa ngục khác nhau và vị trí của chúng là không xác định, có thể là trong dòng sông, núi, sa mạc hay những nơi dưới lòng đất, trong cõi người, ví dụ như đã được trông thấy bởi ngài Mục Liên Liên. Tương tự như vậy, ngài Tăng Hộ (Sangharakshita) đã nhìn thấy một mảnh đất khổ đau, khô cằn. Đời sống ở những cõi này cũng không xác định.



Có những giải thích về những nỗi khổ của chúng sinh trong cõi địa ngục.

**B. Cõi ngạ quỷ.** Sự phân loại gồm Yama, vua của cõi ngạ quỷ, và những ngạ quỷ rải rác. Họ ở đâu? Yama, vua của ngạ quỷ ở dưới lòng đất cách 500 giao tuần, dưới cõi Diêm Phù Đề này. Những ngạ quỷ rải rác sống ở những nơi chốn không xác định như những nơi khô ráo và vv.

Có ba loại ngạ quỷ rải rác: những ngạ quỷ với chướng ngại bên ngoài về ăn, uống; những ngạ quỷ với chướng ngại bên trong và những ngạ quỷ với chướng ngại chung về ăn uống.

Những loại khổ đau nào mà ngạ quỷ phải trải nghiệm? Những ngạ quỷ với những năng lực phi thường phải trải nghiệm một vài sự vui thú tựa cõi thiên. Những ngạ quỷ có những chướng ngại bên ngoài về ăn uống, xem thực phẩm và đồ uống như mủ mà máu. Họ nhận thức những người khác tựa như coi giữ thực phẩm, ngăn không cho họ ăn, uống. Những ngạ quỷ có những che chướng bên trong, không có khả năng ăn hay uống cho dù người khác không ngăn cản họ. Điều này được nói:

*Một vài phải chịu đựng đói*

*Bụng họ to như những quả núi*

*Và miệng họ nhỏ nhưng mắt lưới*

*Họ không có khả năng tìm kiếm*

*Cho dù một mẩu thực phẩm bắn*

Những ngạ quỷ có những chướng ngại ăn uống nói chung chia thành hai nhóm-chuỗi vòng lửa và những loại ăn rác rưởi. Loại ngạ quỷ đầu tiên, chuỗi vòng lửa, ăn hay uống bất cứ thứ gì, bụng họ bị bỏng rát. Loại thứ hai thì ăn phân, uống nước tiểu, ăn thịt chính mình như Nawa Chewari nhìn thấy trong sa mạc khô cằn.

Cuộc sống của ngạ quỷ dài bao nhiêu? Một tháng trong cõi người tương đương một ngày của cõi ngạ quỷ. Ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng tạo thành một năm. Theo cách đó, họ sống 500 năm. Trong *A tỳ đạt ma câu xá luận* nói

*Tất cả ngạ quỷ sống 500 năm*

*Trong năm, tháng và ngày của họ*

**C. Cõi súc sinh.** Cõi này phân chi thành bốn nhánh: loại có nhiều chân, bốn chân, hai chân và không có chân.

Họ sống ở đâu? Đại dương, đồng bằng hay rừng rậm. Đa số họ an trú ở đại dương.

Những loại khổ đau nào họ phải trải nghiệm? Khổ đau bị sai xử, khổ đau bị giết mổ, khổ đau bị ăn thịt bởi những loài khác. Đầu tiên là những súc sinh là vật nuôi trong nhà dưới quyền con người. Điều này được nói:

*Không có năng lực, bị hành hạ*

*Tay, chân, roi và móng sắt biến họ thành nô lệ*

Tiếp đến là nỗi khổ đau của những loài thú hoang dã. Điều này được nhắc đến:

*Một số chết vì hạt trai, lông, xương*

*Máu, thịt và da*

Nỗi khổ đau thứ ba là của đa số, những loài sống ở đại dương. Điều này đã được nhắc:

*Họ ăn tất cả những gì rơi vào miệng.*

Đời sống ở cõi súc sinh ra sao? Là không xác định. Dài nhất là một phần tư kiếp ba. Điều này được nói:

*Giữa những súc sinh, cuộc đời dài nhất là một tiểu kiếp.*

Đó là những giải thích về nỗi khổ đau của ba cõi thấp. Nỗi khổ đau của những cõi cao hơn được xếp vào ba loại

D. Khổ đau của cõi người

E. Khổ đau của cõi bán thiên và

F. Khổ đau của cõi thiên

**D. Cõi người.** Có tám nỗi khổ đau khác nhau trong cõi người. Trong *kinh nhập vào bào thai* nói:

*Sinh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết là khổ, xa lìa người yêu thương là khổ, gặp gỡ một người không ưa thích cũng là khổ, không có được cái ta mong cầu là khổ, nỗi đau khi phải bảo vệ những gì chúng ta đã có cũng là khổ.*

Sự sinh là nguồn căn của mọi khổ đau khác. Có bốn sự sinh. Đa số sinh ra từ thai mẹ và sự trải nghiệm phù hợp với điều này.

Những nỗi khổ đau tiếp theo trong giai đoạn trung ấm (bardo trong tiếng Tạng) trước khi ý thức. Trong giai đoạn bardo, chúng sinh có những quyền năng phi thường-họ đi lại trong bầu trời, với cái nhìn của những vị trời, họ có thể nhìn thấy nơi chốn tái sinh từ xa. Bởi những năng lực của nghiệp, bốn sự làm lần phát triển: một cơn bão hình thành, một cơn mưa như thác, bóng đêm bủa vây và những âm thanh đáng sợ phát ra như được nhiều người

tạo nên. Khi những điều này xuất hiện, một người sẽ trải nghiệm mười nhận thức sai lầm, tùy thuộc vào nghiệp tích cực hay tiêu cực của họ:

Một người nghĩ rằng họ bước vào một cung điện

Một người nghĩ rằng họ đang đi xuống từ những tầng cao của một tòa nhà

Một người nghĩ rằng họ đang trèo lên một ngai tòa

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào một lều cỏ

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào một nhà bằng lá

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào một ụ cỏ

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào rừng

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào một cái lỗ trên tường

Một người nghĩ rằng họ đang đi vào một ụ rơm

Và, theo cách này, một người nhận thực tùy theo nghiệp của họ, mà trông thấy cha mẹ tương lai quan hệ từ xa, và đi đến.

Những người đã tích lũy được công đức lớn lao và có khả năng tái sinh ở những nơi cao nhìn thấy cung điện hay tòa nhà với nhiều tầng, vv và đi đến đó. Những người tích lũy được lượng công đức trung bình và sẽ tái sinh một cách tầm thường nhìn thấy lều cỏ vv và đi đến. Những ai không tích tụ công đức, bị buộc tái sinh ở nơi chốn thấp sẽ nhìn thấy cái lỗ trên tường vv và đi đến.

Khi đi đến nơi, nếu một người sẽ tái sinh trong thân nam phát triển sự bám chấp vào người mẹ và sự ghét bỏ người cha. Nếu một người sẽ tái sinh trong thân nữ, sẽ trở nên bám chấp vào người cha và cảm giác ghét bỏ người mẹ. Với những bám chấp và ghét bỏ này, ý thức của một người hòa trộn với bí mật của cha, mẹ và đứa trẻ được nói trên được hình thành. Từ đó đứa trẻ ở trong bào thai tới ba tám tuần. Một số ở trong bào thai tám, chín hay mười tháng. Một số không xác định và một số thậm chí ở tới sáu mươi năm.

Vào những tuần đầu tiên, sau khi đứa trẻ hình thành, phôi thai, sự hòa hợp của những cơ quan thân thể và ý thức, trải nghiệm những nỗi khổ đau không chịu nổi bởi bị nấu, rán chín trong một cái ấm nóng. Vào lúc này, được gọi là hình ovan bởi trông giống như cục sữa đông.

Trong tuần thứ hai, khi tất cả những gió chạm tất cả nảy nở từ trong thai mẹ. Khi gió chạm vào phôi thai, bốn yếu tố tứ đại hóa hiện mạnh hơn. Vào lúc này, phôi thai được gọi là “cái u” bởi vì nó có dạng giống như một cái thìa sắt hay quả trứng kiến.

Và đến tuần thứ bảy, gió siết mạnh xuất hiện trong thai. Khi gió này chạm vào phôi thai, hai tay và hai chân xuất hiện. Khi đó, có một nỗi đau khổ lớn lao như một người rất khỏe mạnh kéo những chi ra và một người khác thì dùng gậy quật vào.

Tuần thứ mười một, xuất hiện gió của sự khai mở trong thai mẹ. Khi gió này chạm vào đứa trẻ, chín khiêu xuất hiện. Lúc này, một nỗi khổ đau lớn lao khác tựa như ngón tay dò kiếm, mở một vết thương mới.

Vẫn còn những nỗi khổ đau khác: khi người mẹ ăn những thực phẩm không cân bằng, ví dụ như những gì lạnh, đứa trẻ sẽ trải nghiệm nỗi khổ như bị ném vào nước băng giá. Khi người mẹ ăn thực phẩm nóng hay chua... đứa trẻ cũng phải trải nghiệm khổ đau. Khi người mẹ ăn nhiều thực phẩm, đứa trẻ phải chịu khổ đau như bị nghiền giữa những tảng đá. Khi người mẹ ăn quá ít thực phẩm, đứa trẻ sẽ trải nghiệm khổ đau của việc bị đung đưa trong bầu trời. Khi người mẹ đi mạnh, nhảy hay bị đánh, đứa trẻ trải nghiệm nỗi khổ đau của lăn tròn từ trên núi xuống. Còn khi người mẹ có những hành vi quan hệ tình dục thường xuyên, đứa trẻ trải nghiệm nỗi đau khổ của bị quất bởi gai.

Vào tuần thứ ba bảy, hình thành ý thức của bản thể, hơi thở của bào thai, của bóng tối và tù tội. Đứa trẻ cảm giác giác hoàn toàn buồn và mong muốn thoát ra.

Tuần ba tám, những gió hội tụ thành hoa sẽ xuất hiện trong thai mẹ. Khi gió chạm vào đứa trẻ, nó dịch chuyển vị trí để đối mặt với cửa ra của thai mẹ. Lúc này, nỗi khổ đau lớn lao như có một cỗ máy sắt tóm lại.

Vậy, trong cả một thời gian dài trong bào thai, đứa trẻ cảm thấy nóng như bị nấu trong luồng chảy nóng, bị hai mươi tám loại gió khác nhau chạm vào. Từ khi còn là một hình ô van cho đến khi hoàn thiện đủ cả thân thể, đứa trẻ được phát triển bởi tinh chất từ máu của người mẹ và vv. Trong *Kinh nhập bào thai* nói:

*Đầu tiên, một hình ô van được hình thành*

*Sẽ thay đổi thành hình thuôn của thịt*

*Từ hình thuôn trở thành dạng u*

*Và u này trở nên cứng*

*Nhờ đổi sang dạng rắn*

*Đầu và tứ chi xuất hiện*

*Xương phát triển và toàn bộ thân*

*Tất cả là do bởi nghiệp*

Sau đó, gió quay-mặt lại sẽ xuất hiện, và khi chạm vào đứa trẻ, nó sẽ được sinh ra. Hai tay của đứa trẻ bị căng ra, một nỗi khổ đau lớn lao xuất hiện tựa như bị hút vào một cái lưới bằng dây sắt.

Một vài thì chết trong thai, đôi khi cả người mẹ lẫn đứa trẻ chết cùng lúc. Khi đứa trẻ được sinh ra và rơi xuống nền đất, nó trải nghiệm nỗi khổ đau-tựa như bị ném lên một đống gai. Khi người ta tắm cho nó, lại một nỗi khổ đau khác-tựa như da nó bị lột ra, và bị chà người vào tường đến xước da.

Suy nghĩ về khoảng thời gian đó, về loại khổ đau và đau đớn này, sự bóp xiết, bóng tối và sự bẩn thỉu. Cho dù con người đó có tham lam như thế nào, nếu như bạn đề nghị người đó, ở trong một cái hòm bẩn thỉu đóng kín cho ba ngày để đổi lấy ba ao xơ vàng, chắc chắn người đó sẽ không chịu. Nỗi khổ đau trong bào thai là như vậy. Trong *thư của rèn luyện* nói:

*Mùi hôi thối và rác rưởi vô cùng,*

*Sự bóp xiết, và bóng đêm*

*Nhập vào thai mẹ giống như địa ngục*

*Một người phải chịu nhưng khổ đau không thể tưởng tượng*

Vậy nhận thức được điều này, làm sao một người có thể nghĩ đến việc nhập vào thai mẹ dù chỉ một lần?

Nỗi khổ đau của già có mười nỗi khổ đau kinh hoàng: cơ thể của một người thay đổi, tóc thay đổi, da thay thay đổi, hình thái thay đổi, khả năng thay đổi, lòng tự trọng thay đổi, sự tích lũy công đức thay đổi, khả năng chống lại tật bệnh thay đổi, tâm trí thay đổi và thời gian đưa tới cái chết tiến lại gần hơn.

Đầu tiên, “cơ thể thay đổi” có nghĩa cơ thể bạn đã từng ổn định, vững chắc, thẳng thắn, nay thay đổi, trở nên còng xuống và phụ thuộc vào một cái gậy chống.

“Tóc thay đổi” có nghĩa tóc bạn đã từng bóng và đen, giờ đây chuyển sang màu bạc hay rụng thưa thưa và vv.

“Da của bạn thay đổi” có nghĩa da bạn trước đây mềm mại, mượt như vải lụa Varanasi hay tơ tằm Trung Hoa, giờ thay đổi trở nên dày, xù xì và nhăn nhúm như một cái vòng đeo bị mòn vẹt.

“Hình thái bạn thay đổi” có nghĩa trước đây bạn sáng láng như một bông sen vừa hé nở, và giờ đây thay đổi trở nên úa tàn, nhợt nhạt như một bông hoa rũ.

“Khả năng của bạn thay đổi” có nghĩa trước đây bạn có khả năng và háo hức làm bất cứ việc gì. Khi thay đổi, độ dẻo dai mất đi, bạn không thể đảm đương với một chút nỗ lực nào hết. Khi độ dẻo dai của tâm trí mất, bạn mất hết hứng

thú vào các hoạt động. Năng lực các giác quan suy giảm, bạn sẽ không định hướng đối tượng rõ nét, và thường xuyên mắc lỗi.

“Lòng tự trọng của bạn thay đổi” có nghĩa trước đây mọi người tán dương, tôn trọng bạn. Khi thay đổi, mọi người coi thường bạn thậm chí những người đó ít tuổi hay ở những vị trí thấp hơn bạn; mọi người không thích bạn chỉ vì lý do gì hết, bạn bị những đứa trẻ con dọa nạt, và bạn trở thành gánh nặng cho con, cháu bạn.

“Sự tích lũy công đức của bạn thay đổi” có nghĩa những tài sản bạn tích lũy được suy giảm. Bạn không giữ được nhiệt của cơ thể, không trải nghiệm được mùi vị của thực phẩm. Đặc biệt bạn thích ăn những gì mình không có, thật khó tìm được ai cung cấp cho bạn món đó.

“Sự kháng cự lại bệnh tật của bạn thay đổi” có nghĩa bạn bị tác động mạnh bởi những “trận ốm” của tuổi già là những bệnh tồi tệ nhất bởi vì nó kéo theo những bệnh tật khác, và bạn khổ đau.

“Tâm trí của bạn thay đổi” có nghĩa bạn ngay tức khắc quên hết những gì bạn vừa nói hay vừa làm, và bị lẫn.

“Thời gian đưa tới cái chết gần hơn” có nghĩa hơi thở trở nên ngắn và nặng nhọc, bạn đến gần cái chết hơn như tất cả những sắc hợp thành bị hư hoại. Trong *Kinh sự dẫn sinh của Đức Phật* nói:

*Tuổi già là nhân để đẹp trở thành xấu*

*Tuổi già mang đi phẩm giá và năng lực*

*Tuổi già cướp đi hạnh phúc và là nguồn căn của khổ đau*

*Tuổi già là nhân của tử và mang đi hình thái của bạn*

Có vô vàn nỗi khổ đau của ốm đau nhưng tóm tắt lại, có bảy nỗi khổ đau lớn lao, nỗi đau khổ của phẫu thuật khắc nghiệt, khổ đau của thuốc nóng hay đắng, khổ đau khi bị dừng khỏi ăn uống và những gì mình thích, khổ đau khi phải làm hài lòng bác sỹ, khổ khi tài sản giảm sút, và khổ đau của nỗi sợ chết. Trong *kinh sự dẫn sinh của đức Phật* nói:

*Bị hành hạ bởi hàng trăm tật bệnh và nhiễm mắc*

*Tựa như những ngạ quỷ ngay giữa cõi người*

Và cũng có vô vàn nỗi khổ của chết. Trong *kinh lời khuyên dạy của đức vua* có nói

*Vị vua tuyệt vời, khi ông bị cái gậy của thần chết bắt, khi ông bị xa lìa khỏi sự ngạo mạn-không nơi nương tựa, không người bảo hộ, không sự hỗ trợ, và bị hành hạ bởi đau ốm. Miệng sẽ khô khốc, mặt sẽ thay đổi; ông cử động*

*tứ chi nhưng không được, nước dãi, đờm, nước tiểu và nôn mửa sẽ dính lấy thân thể ông; hơi thở ngán lại; những người thầy thuốc sẽ tránh xa, ông sẽ ngủ trong chiếc giường cuối cùng; sự tiếp diễn của cuộc sống luân hồi dừng lại, khi nhận được thông điệp của Yama, thần chết, sẽ xuất hiện nỗi sợ hãi kinh hoàng; hơi thở ông dừng lại, mũi và miệng ông vẫn mở ra. Ông sẽ để lại thế gian này đằng sau và tiến tới đời tiếp theo, di trú hoàn toàn từ nơi chốn này sang chốn khác. Ông sẽ đi vào bóng đêm mịt mờ, ngã khỏi những vách núi dựng đứng, sẽ bị cuốn theo những đại dương vô tận, bị săn đuổi bởi những ngọn gió nghiệp, và sẽ đi vào một hướng vô định. Ông không thể phân chia tài sản. Khi ông kêu gào “hỡi mẹ ơi! Than ôi cha ơi! Than ôi con ơi!” sẽ không có nơi nương tựa, không có người bảo vệ, không có những sự hỗ trợ khác ngoài một vị vua hùng mạnh, Giáo Pháp.*

“Nỗi khổ đau khi phải xa lìa người thân yêu” có nghĩa khi những người mà bạn bám luyến vào, cha mẹ, con cái, họ hàng bạn và vv, mất đi, sẽ là vô lượng khổ đau trong sự khóc than, tang tóc, khóc, gào và những biểu hiện của đau buồn.

“Nỗi khổ đau khi phải gặp những người chúng ta không thương mến” nói đến vô lượng khổ đau khi gặp gỡ những kẻ thù ghét mà quả mang lại là sự đánh nhau, tranh cãi hay bị đánh đập, vv.

Hai nỗi khổ đau cuối cùng là dễ hiểu.

**E. Cõi bán thiên.** Nỗi khổ đau của cõi bán thiên tựa như khổ đau cõi thiên thêm vào sự khổ đau của ngã mạn, ghen tuông và tranh đấu. Điều này được nói:

*Cõi bán thiên có những nỗi khổ đau tinh thần*

*Qua sự ghen tức bởi vinh quang nơi cõi trời*

**F. Cõi thiên.** Cõi thiên của cõi dục giới trải nghiệm khổ đau bởi sự đau khổ khi đánh nhau với cõi bán thiên; không hài lòng với những lạc thú của họ; bị xấu hổ, bị cắt, bị tàn sát, bị chia cắt, bị lưu đày; dịch chuyển của cái chết; và rơi xuống những cõi thấp hơn. Điều này được nói:

*Năm dấu hiệu của sự chết xuất hiện khi các vị trời tới gần cái chết: quần áo của họ trở nên bẩn thỉu với những rác rưởi, những vòng hoa của họ nhạt màu đi, mồ hôi thoát ra từ dưới hai nách, mùi hôi hám bốc ra từ thân thể họ, và họ không thích chỗ ngồi của mình nữa.*

Những chúng sinh ở cõi sắc và vô sắc không phải chịu loại khổ đau này, nhưng họ phải chịu nỗi khổ đau của sự dịch chuyển của cái chết và không có nơi chốn tự do, vậy họ sẽ phải trải nghiệm khổ đau của cõi thấp. Khi những chúng sinh

có những lạc thú của trạng thái cao hơn cạn kiệt nghiệp của mình, họ rơi xuống những cõi thấp.

Chính vậy, trạng thái của luân hồi là khổ đau cùng cực, tựa như một căn nhà bị lửa cháy bùng bùng. Trong *Kinh nhập vào bào thai* nói:

*Than ôi, đại dương luân hồi đang rùng rục bốc cháy-rục cháy, cháy dữ dội, mãnh liệt và cực kỳ mãnh liệt. Chính vì vậy, không một chúng sinh nào không bị hành hạ bởi ngọn lửa này. Loại lửa nào mà cháy sáng dữ dội đến vậy? Đó là ngọn lửa của ham muốn, giận dữ và vô minh. Ngọn lửa của sinh, già và chết. Những ngọn lửa này rục cháy và thiêu đốt liên tục bởi lửa của khổ đau, lửa của sự than khóc, của sự khốn cùng và của những cuộc xung đột. Không một ai thoát được khỏi chúng cả.*

Chính thế, khi một người nhận biết được những khiếm khuyết của luân hồi, sẽ rút khỏi những lạc thú của luân hồi. Trong *kinh sự gặp gỡ của cha và con* nói:

Khi một người nhìn thấy những khiếm khuyết của luân hồi  
Sẽ tự thấy nỗi buồn sâu sắc  
Khi một người sợ ngục tù của ba cõi  
Sẽ tạo mọi nỗ lực để tránh chúng xa

Ngài Long Thọ cũng đã từng nói:

Luân hồi là vậy  
Tái sinh giữa cõi thiên cũng chẳng lành  
Cõi người, địa ngục, ngạ quỷ hay súc sinh  
Hiểu rằng sự sinh là dòng của bao nỗi khổ

Đây là chương thứ năm, đương đầu với những nỗi khổ nơi luân hồi từ  
*Pháp Bảo của sự Giải thoát*  
*Viên ngọc như ý của những bài giảng cao quý.*





## Chương 6

### Nghiệp và Quả

Các con có thể ngạc nhiên tìm hiểu nhân của khổ đau mà chúng ta phải trải nghiệm. Một người có thể biết rằng chúng đến từ nghiệp của những hành động bất thiện. Trong kinh *Một trăm nghiệp quả* có nói:

Từ những nhân khác nhau của nghiệp

Chúng ta tạo tác những nơi tái sinh khác nhau

Trong kinh *Đại Bi Liên Hoa* có nói

Thế gian này được tạo ra bởi nghiệp; thế gian này hóa hiện là bởi nghiệp. Mọi chúng sinh được tạo bởi nghiệp; họ hóa hiện qua nhân, nghiệp và hoàn toàn được phân loại bởi nghiệp.

Trong *A tỳ Đạt ma câu xá luận* nói:

Những thế gian khác nhau được hình thành bởi những nghiệp.

Vậy nghiệp là gì? Có nghiệp của tâm trí và nghiệp của niệm. Trong *tuyển tập A tỳ Đạt ma câu xá luận* nói:

Nghiệp là gì? Đó là nghiệp của tâm và nghiệp của niệm.

Và cũng vậy, trong *A tỳ Đạt ma câu xá luận* nói:

Nghiệp được hình thành bởi tâm trí và sức mạnh của nó

Trong *Các đoạn căn bản về Trung đạo* nói:

Đấng tối cao Rishi đã từng nói “mọi nghiệp từ tâm trí và niệm của nó....”

Hai phần này là sao? Nghiệp của tâm trí và nghiệp của ý thức-điều này có nghĩa nghiệp được tạo bởi những niệm từ tâm trí, có thể hiểu đó chính là nghiệp tạo bởi thân và ngữ. *A tỳ Đạt ma câu xá luận* nói:

Tâm trí là nghiệp của ý thức

Bởi sức mạnh của ý thức, nghiệp của thân và ngữ thi triển

Để giải thích cho những loại nghiệp này và quả được tạo bởi từ sức mạnh của nó, tóm tắt như sau:

Sự phân loại và đặc điểm sơ khởi

Sự đổ tại và quả nghiêm ngặt

Sự tăng lên từ những điều nhỏ nhất và không thể tránh khỏi

Bao gồm sáu loại nghiệp và quả của chúng

**I. Phân loại:** có ba loại nghiệp và quả của chúng:

A. Nghiệp và quả không thiện lành

B. Nghiệp và quả thiện lành

C. Nghiệp và quả của thiên định không giao động

**II. đặc điểm sơ khởi của từng phân loại**

A. Đầu tiên, nghiệp và quả của nó không thiện lành. Bình thường, có một số hành động không thiện, được tóm tắt thành mười-ba từ thân, như lấy đi mạng sống vv..., bốn từ ngữ, như nói dối, vv....; và ba từ ý như tham lam và vv....

Ba loại nghiệp này có ba phạm trù nhỏ hơn cho mỗi loại của mười bất thiện này: phân loại, quả, và hành động đặc biệt.

**1) Lấy đi mạng sống:**

a) Phân loại lấy đi mạng sống được chia thành ba loại: lấy đi mạng sống qua cửa ham muốn, lấy đi mạng sống qua cửa sân hận, và lấy đi mạng sống qua cửa vô minh. Loại đầu tiên có nghĩa lấy đi mạng sống để lấy thịt, để lấy lông, để dùng trong thể thao, hay vì tài sản của người đó, hay để bản thân và người yêu tồn tại. Loại thứ hai có nghĩa lấy đi mạng sống bởi sự căm ghét nảy nở, bởi oán giận hay vì cạnh tranh. Loại thứ ba nói đến việc hiến dâng để cúng tế hay vv.

b) Quả của lấy đi mạng sống. Có ba quả cho hành động đã chín muồi, quả ứng với nhân và quả chung tùy theo mức độ. “Quả khi hành động đã chín muồi” có nghĩa là chủ thể sẽ tái sinh trong cõi địa ngục. Trải nghiệm một “quả ứng với nhân” có nghĩa cho dù có tái sinh lại trong cõi người, cuộc sống người đó sẽ ngắn hay sẽ phải trải nghiệm nhiều sự đau ốm. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa là chủ thể sẽ tái sinh vào một nơi không may mắn hầu như có rất ít giá trị.

c) Hành động đặc biệt của việc lấy đi mạng sống. Tước đoạt mạng sống cha mình, của một vị A La Hán, được coi là nghiệp tiêu cực rất nặng.

**2) Trộm cắp**

a) Phân loại trộm cắp: có ba loại trộm cắp: dùng sức mạnh để trộm cắp, lấy đi một cách bí mật, lấy đi bởi lừa dối. Loại thứ nhất có nghĩa cướp đi bằng sức mạnh không bởi bất cứ lý do gì. Loại thứ hai có nghĩa đột nhập vào nhà một ai đó lấy cắp mà chủ nhà không biết hay vv. Loại thứ ba nói về việc lừa đảo cân đo, đong đếm và vv.

b) Ba quả của việc trộm cắp. “Quả của hành động khi đã chín muồi” có nghĩa chủ thể hành động sẽ tái sinh trong cõi ngạ quỷ. “Kết quả ứng với

nhân” có nghĩa cho dù chủ thể có tái sinh trong cõi nhân, sẽ phải chịu khổ đau bởi thiếu thốn tài sản. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh ở nơi lạnh giá và mưa đá nhiều hơn bình thường.

c) Hành động đặc biệt của trộm cắp. Lấy đi tài bảo thuộc về vị thầy tâm linh hay Tam Bảo là nghiệp tiêu cực rất nặng.

### **3. Có hành vi tình dục không đúng**

a) Phân loại của hành vi tình dục không đúng. Có ba loại hành vi tình dục không đúng: được quan hệ huyết thống gia đình bảo vệ, được người sở hữu bảo vệ, và được giáo pháp bảo vệ. Đầu tiên có nghĩa là có hành vi tình dục không đúng với một người mẹ, chị/em gái vv. Thứ hai có nghĩa có quan hệ tình dục với một ai đã được một người chồng hay nhà vua sở hữu, vv. Điều thứ ba có năm phạm trù nhỏ hơn: cho dù với người vợ của mình, quan hệ tình dục tới những phần cơ thể không thích hợp, ở nơi chốn, thời gian, số lần, hay thái độ không thích hợp. Những phần cơ thể không thích hợp là miệng và hậu môn. Nơi chốn không thích hợp là gần vị thầy tâm linh, tu viện, hay bảo tháp hay ở nơi đông người. Thời gian không thích hợp là trong khi nhập thất, khi đang mang thai, khi đang nuôi trẻ con hay khi có ánh sáng. Số lần không thích hợp là nhiều hơn năm lần. Thái độ không thích hợp liên quan đến việc đánh đập hay có quan hệ với một người nam hay người lưỡng tính bằng miệng hay hậu môn.

b) Ba quả của hành vi tình dục không đúng. “Quả khi đã chín muồi” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh vào cõi ngạ quỷ, “Quả tương ứng với nhân” có nghĩa cho dù chủ thể tái sinh lại trong cõi người, sẽ trở thành người vợ của kẻ thù. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh ở nơi nhiều bụi hơn bình thường.

c) Hành động đặc biệt của việc có hành vi tình dục không đúng. Có quan hệ với mẹ mình, với một người là vị A La Hán, đó là nghiệp tiêu cực rất nặng.

### **4. Nói dối**

a) Phân loại nói dối: được chia thành ba loại: nói dối thuộc về tâm linh, nói dối lớn, và nói dối nhỏ. Đầu tiên, có nghĩa nói dối rằng mình đã có những phẩm tính Pháp tối thượng. Thứ hai có nghĩa nói dối để tạo sự khác biệt giữa hãm hại với làm lợi lạc cho bản thân và người khác. Điều thứ ba nói đến sự nói dối không vì lợi lạc lẫn hãm hại

b) Ba quả của nói dối. “Quả của hành động chín muồi” có nghĩa chủ thể tái sinh vào cõi súc sinh. “Quả ứng với nhân” có nghĩa cho dù có tái sinh lại trong cõi người, sẽ bị vu khống. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ bị tái sinh với hơi thở xấu.

c) Hành động đặc biệt của việc nói dối. Phỉ báng đấng Tối Tôn hay nói dối một vị thầy tâm linh là một nghiệp tiêu cực nặng nề.

## **5. Nói lời gây chia rẽ**

a) Phân loại nói lời gây chia rẽ: Có ba loại, chia rẽ hoàn toàn, chia rẽ không trực tiếp và chia rẽ bí mật. Đầu tiên có nghĩa chia rẽ bạn bè ngay trước mặt họ. Loại thứ hai là chia rẽ hai người bạn bằng ngôn ngữ không trực tiếp. Loại thứ ba nói đến việc chia rẽ một cách bí mật.

b) Ba quả của nói lời chia rẽ: “quả chín mùi của hành động” có nghĩa chủ thể hành động sẽ tái sinh ở cõi địa ngục. “Quả ứng với nhân” có nghĩa là cho dù chủ thể có tái sinh lại trong cõi người, sẽ bị chia lìa với người yêu. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh ở nơi gặp ghèn.

c) Hành động đặc biệt của nói lời gây chia rẽ: trong việc nói lời gây chia rẽ, sử dụng những từ ngữ không thích hợp với tầng đoàn tôn quý là nghiệp tiêu cực rất nặng nề.

## **6. Nói lời gây đau lòng người khác**

a) Phân loại lời nói gây đau lòng người khác: có ba loại: nói trực tiếp, nói vòng quanh, và gián tiếp. Loại thứ nhất rất nặng nề, trực tiếp đào sâu vào những lỗi khác nhau của người khác. Loại thứ hai, dùng những lời châm chọc hay đùa cợt làm đau người khác. Loại thứ ba là đào sâu vào những lỗi lầm của người khác bằng cách nói những điều xấu về họ với bạn bè, họ hàng người đó.

b) Ba quả của việc nói lời gây đau lòng người khác: “quả khi hành động đã chín mùi” có nghĩa chủ thể hành động sẽ tái sinh cõi địa ngục. “Quả ứng với nhân” có nghĩa cho dù có tái sinh lại trong cõi người, chủ thể đó luôn phải nghe những tin khó chịu. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh ở nơi khô cằn, nóng, nơi có nhiều kẻ bất lương hơn những chỗ khác.

c) Hành động đặc biệt của nói lời gây đau lòng người khác. Dùng những lời nặng nề để hàm hăm cha mẹ mình hay một đấng cao thượng là nghiệp tiêu cực vô cùng nặng nề.

## **7. Nói chuyện phiếm**

a) Phân loại nói chuyện phiếm: có ba loại, nói sai, nói chuyện thể tục và nói thật. Loại thứ nhất có nghĩa là tụng những câu minh chú hay những bản văn dị giáo và vv. Loại thứ hai là nói luyên thuyên những chuyện không cần thiết. Loại thứ ba là đưa những bài truyền giảng Pháp cho những ai không tôn trọng và là cái “bình bất tịnh”

b) Ba quả của nói chuyện phiếm. “Quả khi hành động đã chín muồi” là chủ thể hành động tái sinh nơi cõi súc sinh. “Quả ứng với nhân” có nghĩa có tái sinh lại trong cõi người, chủ thể vẫn không được tôn trọng. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ phải tái sinh nơi thời tiết khắc nghiệt.

c) Hành động đặc biệt của nói chuyện phiếm là làm sao nhăng những người thực hành pháp là nghiệp tiêu cực rất nặng.

## 8. Tham lam

a) Phân loại tham lam: có ba loại: liên quan đến bản thân, liên quan đến người khác, và chẳng liên quan tới ai. Loại thứ nhất có nghĩa, bởi bám chấp và dòng dõi, dòng tộc, thân thể, phẩm tính, tài sản, cho rằng “không có ai được như mình”. Loại thứ hai có nghĩa bám chấp vào tài sản của người khác, nghĩ “mình ước mình được sở hữu chúng”. Loại thứ ba là do bám chấp vào một mỏ ở dưới lòng đất hay tương tự, không thuộc về ai, nghĩ rằng “tôi mong tôi sở hữu chúng”.

b) Ba quả của tham lam: “quả khi hành động đã chín muồi” có nghĩa chủ thể hành động sẽ tái sinh trong cõi ngạ quỷ. “Quả ứng với nhân” có nghĩa cho dù có tái sinh lại trong cõi người, chủ thể sẽ còn tham lam mạnh hơn. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa người đó sẽ tái sinh ở nơi mùa màng đói kém.

c) Hành động đặc biệt của tham lam. Ham muốn cướp tài sản của một người đã buông bỏ thế tục là một nghiệp tiêu cực nặng nề.

## 9. Ý nghĩ hãm hại

a) Phân loại ý nghĩ hãm hại: có ba loại: ý định hãm hại nảy sinh từ ghét bỏ, từ ghen tuông và từ sự oán giận. Loại thứ nhất có nghĩa mong muốn giết chết người khác bởi sự ghét bỏ, giống như trong một trận đánh. Loại thứ hai có nghĩa một người ham thích giết hại, vv, từ nỗi sợ một đối thủ cạnh tranh sẽ hơn mình nên có ý nghĩ hãm hại đối thủ, loại thứ ba là sự ham muốn hãm hại do còn lưu giữ những tập khí từ những kiếp trước trong tâm trí.

b) Ba quả của ý nghĩ hãm hại. “Quả chín muồi của hành động” có nghĩa chủ thể hành động sẽ sinh ở cõi địa ngục. “Quả ứng với nhân” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh trong cõi người nhưng phải chịu đựng sự ghét bỏ nghiêm trọng. “Quả chung tùy thuộc theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh nơi thực phẩm đắng ngắt và tồi tàn.

c) Hành động đặc biệt của ý nghĩ hãm hại. Trong các loại ý nghĩ hãm hại, phạm vào ý nghĩ tàn độc là nghiệp tiêu cực nặng nề.

## 10. Tà kiến

a) Phân loại tà kiến, có ba loại: tà kiến về nhân quả, về chân lý, và về Tam bảo. Loại thứ nhất có nghĩa không tin và sự khổ đau và hạnh phúc là quả của bất thiện hạnh và thiện hạnh. Loại thứ hai, một người không tin rằng sẽ đạt được Diệt đế và Đạo đế nhờ thực hành. Loại thứ ba, không tin vào Tam bảo, phỉ báng Tam Bảo.

b) Ba quả của tà kiến. “Quả của hành động chín muồi” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh nơi cõi súc sinh, “Quả ứng với nhân” có nghĩa cho dù có tái sinh lại nơi cõi người, vẫn chìm sâu trong sự vô minh. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa chủ thể sẽ tái sinh ở nơi mùa màng thất thu.

c) Hành động đặc biệt của tà kiến. Trong các tà kiến, chỉ tin vào nghĩa đen, tin có chừng mực, **không tin** vào chân lý là nghiệp tiêu cực nặng nề.

Tất cả những điều nói trên quả “chín muồi” trong nghĩa chung. Ngoài ra còn có ba phân loại đặc biệt: theo mức độ của xúc tình tiêu cực, theo tần suất, và theo đối tượng.

Đầu tiên, một người hành động trong sự ghét bỏ, sẽ tái sinh nơi địa ngục. Nếu hành động với sự ham muốn, sẽ tái sinh trong cõi ngạ quỷ, còn hành động trong sự vô minh, sẽ tái sinh nơi cõi súc sinh. Trong *Tràng Hoa Châu Bảo Trân Quý* nói:

Bởi bám chấp, một người sẽ trở thành ngạ quỷ

Bởi sân hận, một người sẽ bị ném vào địa ngục

Bởi vô minh, một người sẽ tái sinh như súc sinh

Theo tần suất, một người nếu tạo tác vô biên những hành động bất thiện hạnh, sẽ tái sinh nơi cõi địa ngục; nếu như phạm nhiều bất thiện hạnh sẽ tái sinh nơi cõi ngạ quỷ; còn nếu vi phạm một vài hành động bất thiện sẽ tái sinh như súc sinh.

Liên quan đến đối tượng, một người sẽ tái sinh nơi cõi địa ngục nếu có hành vi bất thiện hạnh với những chúng sinh đạt trạng thái cao hơn, còn vi phạm với chúng sinh bình thường sẽ tái sinh nơi cõi ngạ quỷ, còn vi phạm chúng sinh thấp sẽ tái sinh nơi cõi súc sinh. Điều này là lời giải thích của nhân và quả của những bất thiện hạnh. Trong *Tràng Hoa Châu Bảo Trân Quý* nói:

Tham, sân, si

Và nghiệp được tạo bởi chúng là bất thiện

Tất cả khổ đau từ những bất thiện hạnh

**Cũng như của những cõi thấp.**

## B. Nghiệp và Quả tương xứng

**1. Nghiệp.** Tránh xa mười bất thiện hạnh chính là mười thiện hạnh. Hơn thế, sống với thiện hạnh có nghĩa: bảo vệ mạng sống của những chúng sinh khác, tham gia bố thí, trì giới, nói lời chân thật, hòa giải cho những ai không hòa hợp, nói những lời dễ nghe và lễ độ, nói những điều có nghĩa, thực hành để giảm bám chấp và phát triển sự mãn nguyện, thực hành tình yêu thương, và vv, kết nguyện vào những ngữ nghĩa tuyệt hảo.

**2. Quả.** Thiện hạnh có ba quả. “Quả chín muồi của hành động” là một người tái sinh trong cõi người hay cõi thiên dục giới. “Quả ứng với nhân” có nghĩa một người trải nghiệm một cuộc sống trường thọ bởi tránh không lấy đi mạng sống và tất cả những điều còn lại. “Quả chung tùy theo mức độ” có nghĩa, nhờ tránh lấy đi mạng sống, một người sẽ tái sinh ở nơi có nhiều của cải, cảnh quan đặc biệt và vv.

Những điều này cho thấy nghiệp do nhân và quả tạo bởi công đức. Trong *Tràng Hoa Châu Bảo Trân Quý* nói:

Một tâm trí không bám chấp, không hung hãn, không tầm tối

Và nghiệp đến từ những thiện hạnh tạo tác

Mọi cõi trên đến từ thiện lành

Cũng như yên bình, hỷ lạc trong mọi đời sống sau

## C. Nghiệp và quả bởi thiên định không giao động

**1. Nghiệp.** Nhờ thực hành là nhân, thiên định cân bằng, một hành giả sẽ nhận được quả sinh ra từ định. Thiên định tập trung cân bằng có tám bước chuẩn bị, tám cấp bậc của thực tế thiên định, và một thiên đặc biệt.

**2. Quả sinh ra do thiên định** “quả” liên quan tới mười bảy cõi trong cõi thiên sắc giới và bốn trong cõi bán thiên vô sắc giới. Tại đây nhân và quả trực tiếp liên quan từng loại một, về tổng thể tất cả dựa trên mười thiện hạnh.

Sơ Thiên (Loại thiên định thứ nhất) bắt đầu nhờ thực hành vượt lên và giai đoạn chuẩn bị lĩnh hội được không có chướng ngại, sự hoàn thiện từ nền tảng thiên định thực tại đầu tiên. Thành tựu của thiên định đầu tiên đạt được hòa tan hiện hữu thô và những yếu tố tinh thần, và những gì còn lại là những niệm, phản chiếu (vicara), niềm vui (piti), và sự hỷ lạc (sukha) vi tế lan man, rời rạc. Nhờ thực hành thiên định, một người sẽ tái sinh tại cõi trời đầu tiên của thiên định, cõi Brahma (Phạm Thiên). Nhờ thực hành thiên định đặc biệt, một người sẽ tái sinh ở cõi Mahabrahma (Đại Phạm).



Nhị Thiên (Loại thiền định thứ hai) bắt đầu từ thực thành vượt lên và giai đoạn chuẩn bị không có chướng ngại. Thành tựu của thiền định thứ hai này, hai yếu tố tinh thần đầu tiên (niệm và phản chiếu lan man, rời rạc vi tế) bây giờ trở nên yên bình, và một người có thể trải nghiệm niềm vui và sự hỷ lạc. Nhờ thực hành thiền định về niềm vui và sự hỷ lạc, một người sẽ tái sinh nơi cõi trời thứ hai của thiền định gọi là Cõi Trời Thiếu Quang (ít Ánh sáng), và vv.

Giống như vậy việc thực hành vượt lên và giai đoạn chuẩn bị được hiểu cho tất cả những loại thiền định còn lại.

Thành tựu của Tam thiền (thiền định thứ ba), niềm vui bị tránh xa nhờ thiền định về hỷ lạc, một người sẽ tái sinh ở cõi trời thứ ba của thiền định, được gọi là Cõi Trời Tiểu Thịnh (Ít Giới hạnh), và vv.

Loại thiền định tứ Thiền (thứ tư) là thực hành vượt xa những niệm, phản chiếu, niềm vui, hỷ lạc rời rạc vi tế. Một hành giả khi hoàn thiện được thiền định thứ tư này, sẽ tái sinh nơi cõi trời thứ tư, gọi là Vô Vân, và vv.

Sau khi buông bốn tầng thiền này rồi, tầng tiếp theo được gọi là Không Vô Biên. Nhờ thực hành mà hành giả sẽ tái sinh ở cõi Xứ Không Vô Biên. Buông những quả này trong trạng thái ý thức vô biên. Khi hành giả thực hành, sẽ tái sinh trong Xứ Thức Vô Biên. Buông quả của tầng thiền này, hành giả sẽ đạt tiếp trạng thái vô sở hữu. Nhờ thực hành như vậy, hành giả sẽ tái sinh trong xứ Vô Sở Hữu. Buông kết quả đó, hành giả tái sinh trong trạng thái không có nhận thức cũng không có không-nhận-thức. Nhờ thực hành, hành giả sẽ tái sinh trong xứ Phi Tưởng Phi Phi tưởng.

Con đường được gọi là “sinh ra từ buông” có nghĩa như thế nào? Có nghĩa từ bỏ mức độ thấp hơn, từ đó thoát khỏi mọi sự bám chấp.

Ở xứ Không Vô Biên trở lên, được gọi như vậy là do sự phản chiếu của chúng là không gian? Không phải thế. Ở tầng đầu tiên trong ba tầng này, khi hành giả bước vào sự hòa nhập, khoảng không vô biên và vv được tâm trí phản chiếu và những giai đoạn theo đó mà được đặt tên. Sau đó, khi sự hòa nhập đã hoàn toàn hiện thực, chúng không được đưa vào trong tâm trí nữa. Giai đoạn cuối cùng có tên gọi như vậy bởi vì ở giai đoạn này có rất ít sự nhận thức, cho dù không có sự nhận thức sáng suốt, mà cũng không phải không có.

Nhìn chung, cả tám thiền tập trung hiện tại này được đặt trên nền tảng nhất tâm, tâm trí đức hạnh.

Có một giải thích cho nhân quả của nghiệp không lay chuyển bởi thiền định. Trong *Chuỗi trâu bảo trân quý* nói

Nhờ thiền định vô biên và vô sắc

Hành giả trải nghiệm hỷ lạc nơi cõi Phạm Thiên và hơn thế

Do vậy, những sự tạo tác nên Samsara này chính là ba nghiệp xúc tình phiền não chướng.

**III. Quy kết.** Loại thứ ba này, sự quy kết của nghiệp, có nghĩa bạn trải nghiệm quả do nghiệp bạn tạo tác. Các quả sẽ trở trong các uẩn (skandas) của chủ thể hành động, chứ không phải người khác. Trong *Tuyển tập A tỳ Câu Xá Luận* nói:

Sự quy kết của nghiệp có nghĩa gì? Một người trải nghiệm sự chín muồi của nghiệp mình đã tạo tác. Điều này không giống những người khác nên được gọi là quy kết.

Và nếu không phải trường hợp trên, nghiệp được tạo ra sẽ không có tác dụng hay sẽ trở nên nguy hiểm khi chủ thể chưa tạo tác mà lại đối mặt với một quả. Chính vì vậy trong kinh có nói:

Nghiệp của Đê Bà Đạt Đa tạo tác sẽ không chín trong yếu tố đất, nước vv. Nhưng nghiệp đó sẽ trở trong những uẩn và xứ của cá nhân đặc biệt đó. Còn ai khác nữa sẽ chịu quả của nghiệp này?

**IV. Quả chính xác.** Loại thứ tư này có nghĩa một người sẽ trải nghiệm hạnh phúc và khổ đau không bởi lỗi lầm gì do quả của nghiệp thiện hay bất thiện. Một người sẽ trải nghiệm hạnh phúc nhờ tích lũy giới hạnh. Còn tích lũy bất thiện hạnh, một người sẽ trải nghiệm khổ đau. Cũng như vậy trong *Tuyển Tập A tỳ Đạt Ma câu xá luận* nói:

Quả chính xác của nghiệp là gì? Một người trải nghiệm sự chín muồi của nghiệp mình đã tạo tác. Một trải nghiệm nghiêm khắc những nghiệp thiện và bất thiện do mình tạo ra.

Trong *Cận suy tư* nói:

Một người sẽ đạt được hạnh phúc nhờ giới hạnh

Khổ đau là quả của bất thiện hạnh

Hơn nữa, thiện và bất thiện

Giải thích rõ ràng nghiệp và quả

Trong *Sutara-Vấn thỉnh Kinh* nói:

Hạt giống nóng sẽ trở quả nóng

Hạt giống ngọt sẽ trở quả ngọt ngào

Từ sự tương tự này, người khôn sẽ hiểu

Bất thiện hạnh sẽ chín muồi thành nóng

Thiện hạnh sẽ trở trái ngọt ngào

**V. Tăng lên từ nhỏ.** Loại thứ năm này có nghĩa một quả lớn trở từ một nghiệp nhỏ. Ví dụ, hành vi bất thiện, được nói rằng một người sẽ trải nghiệm một đại kiếp trong cõi địa ngục cho mỗi một ý nghĩ tiêu cực. Trong *Nhập Bồ Tát Hạnh* có nói:

Chư Phật đã nói, ai mang một ý nghĩ tàn độc  
Đến với một người hảo tâm như một vị Bồ Tát  
Sẽ ở lại địa ngục cho nhiều kiếp  
Tương đương với số ý nghĩ tàn độc sinh khởi

Một hay hai lời nói tiêu cực, một người trải nghiệm khổ đau cho 500 đời tiếp theo và v.v. Trong *Những Khổ được nói có chủ ý* nói:

Chỉ từ một bất thiện nhỏ bé  
Sẽ có nỗi sợ hãi to lớn trong đời sau  
Và nguồn căn của mọi nỗi khổ  
Tựa như trong bụng, thuốc độc đã ngấm vào.

Nhờ chỉ một hành động thiện lành nhỏ bé, một quả lớn lao có thể trở. Trong *Những Khổ được nói có chủ ý* nói:

Cho dù một người tạo được chút công đức  
Đem tới hạnh phúc lớn trong cuộc đời sau  
Một người sẽ có lợi lạc lớn  
Tựa như mùa bội thu

**VI. Không tránh khỏi.** Loại thứ sáu này, nghiệp không thể tránh khỏi, có nghĩa trừ những đối trị cho nghiệp có thể hiện hữu, quả sẽ đến không phí phạm hay mất đi cho dù hàng vô lượng đại kiếp đã qua. Nghiệp có thể nằm yên ngủ một thời gian dài, nhưng khi nó gặp những nhân duyên tương xứng, quả sẽ trở ngay. Vậy, một người sợ hãi sự khổ đau nơi Samsara và gạt hái sự tin tưởng vào nghiệp và quả. Điều này được nói:

Một người sẽ quay lưng với những lạc thú nơi luân hồi  
Và tránh khỏi những hành vi bất thiện,  
Nhưng chỉ nghĩ đến yên bình của bản thân,  
Gọi là người tầm thường

Và như đã nói, một người có thể gieo trồng tâm trí của một người tầm thường. Trong một ví dụ, hãy nhìn bảy cô con gái của vua Krila. Trong *Kinh Một Trăm Nghiệp* nói:

Tất cả nghiệp của mọi chúng sinh  
Sẽ không mất đi trong hàng trăm đại kiếp  
Khi đầy đủ nhân và duyên hội tụ  
Quả đương nhiên sẽ trở ra

Trong *Cận Suy Tư* nói:

Có khả năng để lửa trở nên lạnh  
Có khả năng để gió có thể bị dây trói lại  
Có khả năng để mặt trời và mặt trăng rơi xuống đất  
Nhưng nghiệp chín muồi là không khác được.

Đây là chương thứ sáu

Đối trị với nghiệp và quả

*Pháp Bảo của Sự Giải Thoát*

*Viên Ngọc Như ý của những Bài giảng Cao thượng*



# ĐỐI TRỊ LẠI NHỮNG BĂM CHẤP VÀO YÊN BÌNH

## CHƯƠNG 7

### Tình yêu thương và Bi mẫn

Những bài giảng về thực hành về tình yêu thương và bi mẫn dùng để đối trị lại bám chấp vào những lạc thú yên bình. Vậy “bám chấp vào lạc thú yên bình” có nghĩa là gì. Đó là ham muốn để đạt Niết Bàn cho riêng mình không có lòng vị tha đối với những chúng sinh khác, nên không vì lợi lạc của những người khác. Điều này được gọi là “cỗ xe nhỏ” và được nói:

Để đạt được lợi ích của riêng mình

Một người sẽ hy sinh vì lợi lạc của những người khác

Càng vì lợi ích riêng như vậy

Mới chính là lợi ích tối thượng của bản thân

Nếu một người phát triển tình yêu thương, bi mẫn, người đó sẽ ràng buộc mình với chúng sinh, và sẽ không chỉ giải thoát cho riêng mình. Thực hành tình yêu thương, bi mẫn là vô cùng cần thiết như đức Văn Thù đã từng nói

Những hành giả Đại thừa không nên tách rời tâm trí mình khỏi tình yêu thương và bi mẫn cho dù một khoảnh khắc.

Và:

Lợi lạc cho người khác được duy trì nhờ bởi tình yêu thương, bi mẫn chứ không phải sự ghét bỏ.

**I. Tình yêu thương.** Đầu tiên thực hành về tình yêu thương. Tóm tắt như sau: phân loại, đối tượng và phân chia theo đặc tính, phương pháp thực hành, phạm vi, phẩm tính thực hành. Sáu loại trên, là toàn bộ thực hành tình yêu thương.

**A. Phân loại** Có ba loại: tình yêu thương đối với chúng sinh như đối tượng, tình yêu thương đối với vạn pháp như đối tượng, và không đối tượng của tình yêu thương. Trong *kinh Aksayamati-vấn thỉnh* nói:

Tình yêu thương với chúng sinh là đối tượng là thực hành của các vị Bồ Tát để phát triển bồ đề tâm. Tình yêu thương với vạn pháp là đối tượng là thực hành của những vị Bồ tát đang kết nguyện vào con đường giới hạnh. Tình yêu thương không đối tượng là thực hành của những vị Bồ Tát đạt được sự tin tưởng vào Pháp giới vô sinh.

Theo sau là giải thích cho loại đầu tiên của tình yêu thương.

**B. Đối tượng** Mọi chúng sinh là đối tượng

**C. Phân loại theo tính chất.** Một tâm trí mong muốn tất cả chúng sinh được đến với hạnh phúc.

**D. Phương pháp của thực hành.** Thực hành dựa trên ghi nhớ lòng tốt của tất cả chúng sinh, hồi nhớ lại tất cả lòng tốt. Trong đời sống này, người mẹ là người tốt nhất của từng người. Có bao nhiêu lòng tốt mà người mẹ có? Có bốn thứ lòng tốt: lòng tốt khi đã cho chúng ta thân thể này, đã phải chịu những khó nhọc mang chúng ta, đã cho chúng ta cuộc sống, và đã chỉ ra cho chúng ta thế giới.

Trong *800 kệ Trí Tuệ Bát Nhã* có nói:

Tại sao lại như vậy? Người mẹ cho ta thân thể này, đã trải qua bao khó nhọc, người mẹ đã đem lại cho ta cuộc sống, và là người đã chỉ ra cho chúng ta thế giới.

“Tốt bụng đã cho chúng ta thân thể” có nghĩa, đầu tiên, thân thể chúng ta chưa đủ trưởng thành, hình thái cũng chưa phát triển đủ. Chúng ta bắt đầu trong thai mẹ như một chấm ô van và một miếng hình tròn, từ đó chúng ta phát triển nhờ những dưỡng chất từ máu và thịt của người mẹ. Chúng ta lớn lên nhờ những dưỡng chất từ thức ăn của mẹ, còn bà phải chịu nỗi đau đớn, khó chịu và khổ sở. Sau khi sinh ra, từ một dạ con bé nhỏ, chúng ta lớn lên, người mẹ đã phát triển thân thể của chúng ta.

Lòng “tốt khi trải qua những khó nhọc vì bạn”, có nghĩa, đầu tiên, chúng ta không có bất cứ quần áo hay những trang sức, không có bất cứ tài sản nào, không có chút dự trữ nào cả. Chúng ta đến thế gian này với một cái miệng và một cái dạ dày-trắng tay, không có bất cứ vật chất nào cả.

Khi chúng ta đến một nơi chúng ta không biết một ai, người mẹ cho chúng ta thực phẩm khi ta đói, cho ta uống khi ta khát, cung cấp quần áo khi ta lạnh, tài sản khi chúng ta không có gì. Và bà không chỉ cho những gì bà không cần, hơn thế còn cho chúng ta những gì mà bản thân bà không dám sử dụng, không dám ăn, uống, mặc cho bản thân, những thứ bà không dám dùng cho hạnh phúc trong cuộc đời này của bà, cũng không dám dùng cho của cải đời sống kiếp sau. Nó chung, không tìm kiếm hạnh phúc cho kiếp sống này hay sau, bà nuôi dưỡng đứa trẻ.

Bà không nhận những thứ này dễ dàng hay với sự ham muốn, mà trong tích tụ nghiệp tiêu cực khác nhau, khổ đau và khó nhọc, và mang tới tất cả cho đứa trẻ. Ví dụ, tạo nghiệp tiêu cực, bà nuôi nấng đứa trẻ bởi những hành động bất thiện khác nhau như đánh cá, giết mổ, và vv. Ví dụ, khổ đau: để cho đứa trẻ, bà phải tích lũy tài sản bởi làm việc kinh doanh hay trang trại và vv, đi những đôi giày của băng giá, đội bầu trời sao như mũ, cưỡi trên ngựa là chính



đôi chân, đường viền quần áo giống như cái roi, đưa chân cho chó và phơi mặt ra cho mọi người.

Hơn thế, bà yêu một người không quen biết hơn cả cha, mẹ, thầy giáo đã rất tốt bụng với bà. Bà dõi theo đứa trẻ bằng ánh mắt âu yếm, ủ cho nó ấm trong những vải mềm mại. Bà nâng niu đứa trẻ trong mười ngón tay mình, tung nó lên trời. Bà gọi nó bằng giọng trìu mến, nói “Hãy vui vẻ, con yêu, con đã làm mẹ rạng ngời. Lu, lu, con là đứa trẻ hạnh phúc” và vv.

“Sự tử tế đã cho bạn cuộc sống” có nghĩa, đầu tiên, chúng ta không có khả năng ăn bằng miệng chúng ta và tay chúng ta chưa có đủ khả năng để chống đỡ tất cả những khó nhọc. Chúng ta giống như những con con trùng yếu đuối không có sức mạnh, chúng ta chỉ là những kẻ điên loạn và không biết nghĩ gì hết. Một lần nữa không hề chối bỏ, người mẹ chăm sóc phục vụ chúng ta, đặt chúng ta lên đùi, che chở chúng ta khỏi lửa và nước, đưa chúng ta tránh khỏi vách núi, những sự hãm hại và thực hành những nghi lễ. Nỗi sợ hãi cái chết hay lo chosức khỏe của chúng ta, bà đi xem bói hay hỏi những nhà chiêm tinh. Bằng nhiều lễ và nhiều điều khác nhau như vậy, bà bảo vệ cuộc sống của đứa trẻ.

“Sự tử tế cho chúng ta thấy thế gian này”, có nghĩa, đầu tiên, chúng ta tới đây không biết những thứ khác nhau, không biết nhìn rộng rãi, không có tài năng mà chỉ có khóc gào và cử động chân tay. Tệ hơn thế, chúng ta chẳng biết gì hết. Người mẹ dạy chúng ta ăn ra sao khi ta còn chưa biết, bà dạy chúng ta mặc áo quần khi ta chưa biết, dạy chúng ta đi khi ta chưa biết. Bà dạy chúng ta nói khi chúng ta chưa biết gọi “mẹ” hay “chào” và vv. Bà dạy chúng ta nhiều kỹ năng khác nhau, sáng tác nghệ thuật, vv. Bà cố làm cho chúng ta cân bằng khi ta mất cân bằng, cố gắng làm chúng ta không thất thường khi chúng ta thất thường.

Chúng ta không chỉ có một người mẹ như vậy trong đời này, mà từ vô thủy trong samsara, bà đã phục vụ như vậy từ vô lượng thời gian. Trong *Kinh Vô thủy Luân Hồi* nói:

Tất cả thế gian-nếu như tất cả được chia thành mảnh nhỏ kích cỡ như quả dâu rừng và một người đếm chúng, có thể đếm xuể, nhưng không thể nào đếm nổi số lần một chúng sinh đã từng là mẹ của chúng ta.

Trong *Thư gửi bạn* nói:

Dùng những mảnh cỡ bằng quả dâu rừng

Trái đất không đủ chỗ chứa

Số lần của một người làm mẹ

Mỗi lần chúng ta có một người mẹ, bà sẽ thực hiện cùng một lòng tốt như trước đây. Vậy tại sao, lòng tốt của người mẹ là vô lượng, hãy thiển một cách chân thành nhất để phát triển tình yêu thương trong trái tim bạn, mong muốn cho bà lợi lạc và hạnh phúc.

Không chỉ có vậy, mà tất cả chúng sinh đã từng là mẹ chúng ta, và tất cả những bà mẹ cùng thực hiện hành động trên, thế thì giới hạn của chúng sinh là đâu? Như bầu không gian là vô biên, chúng sinh lan tỏa khắp. Trong *Kinh khẩn nguyện Giới hạnh đúng đắn* nói

Vô lượng như bầu không gian bao la

Số chúng sinh cũng như vậy

Và hành giả cần thực hành để phát triển sự khát khao cho tất cả chúng sinh, vô biên như bầu không gian vô tận, có được hạnh phúc và lợi lạc. Khi hành giả có thể gọi lên được tâm trí như vậy, điều này được gọi là tình yêu thương bi mẫn chân thật. Trong *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận* nói:

Từ trong xương tủy

Những vị Bồ Tát coi từng chúng sinh

Như người con của mình

Theo cách như vậy

Thường hằng mong muốn lợi lạc cho người khác

Khi bằng năng lực của tình yêu thương, nước mắt tràn ra nơi khóe mắt, từng sợi lông trên thân thể đứng lên, khi đó được nói là lòng yêu thương lớn lao. Một người hướng tâm trí như vậy về tất cả chúng sinh, bình đẳng, được coi là lòng yêu thương vô bờ bến.

**E. Phạm vi thực hành.** Một người không mong muốn hạnh phúc cho bản thân, mà chỉ cho những chúng sinh khác, đó chính là sự tuyệt hảo của thực hành tình yêu thương.

**F. Phẩm tính của thực hành.** Một người sẽ nhận vô lượng phẩm tính khi thực hành lòng yêu thương. Trong *Nguyệt Đăng Kinh* nói:

Vô lượng phẩm cúng dường

Đa dạng phong phú

Phủ khắp triệu cánh đồng

Dâng lên chúng sinh tối thượng

Không sánh nổi với thực hành tình yêu thương

Chỉ thực hành tình yêu thương trong một khoảnh khắc, cũng mang lại vô lượng công đức. Trong *Vòng hoa Trân quý của Triết học Phật giáo* nói

Thực phẩm nấu trong 300 nồi

Mang cho người ba bữa một ngày

Công đức không sánh nổi

Với thực hành tình yêu thương một lúc

Hành giả sẽ nhận tám phẩm tính của tình yêu thương cho tới ngày đạt giác ngộ. Trong *vòng hoa trân quý của Triết Học Phật Giáo* nói:

Một người sẽ được các vị trời, nhân loại yêu mến

Sẽ được họ bảo vệ

Sẽ đạt được yêu bình và hạnh phúc

Sẽ không bị hãm hại bởi độc hay vũ khí

Sẽ có được những gì mong cầu không cần dụng công

Sẽ được sinh vào cõi trời Brahma

Cho dù người đó không được giải thoát khỏi samsara

Sẽ nhận được tám phẩm tính của tình yêu thương

Để tự bảo vệ bản thân, thực hành tình yêu thương là tốt nhất, như câu chuyện của Brahmin Mahadatta. Để bảo vệ người khác, thực hành tình yêu thương cũng rất tốt, như đã được nói tới trong câu chuyện của vua Bala Maitreya.

**II. Bi mẫn** Khi tình yêu thương là con đường tuyệt hảo, sự thực hành lòng bi mẫn không khó. Kết luận:

Phân loại, đối tượng, và xác định tính chất

Các phương thức, phạm vi và phẩm tính thực hành

Như vậy, sáu thứ

Được tính hoàn toàn học và thực hành vô lượng bi mẫn

**A. Phân loại** Có ba loại của lòng bi mẫn: bi mẫn với chúng sinh như đối tượng, bi mẫn với vạn pháp như đối tượng, và không-đối tượng bi mẫn. Loại thứ nhất, có nghĩa phát triển bi mẫn khi nhìn thấy khổ đau của chúng sinh những cõi thấp hơn và vv. Loại thứ hai: khi hành giả được rèn luyện tốt trong thực hành Tứ Diệu Đế, hiểu nhân và quả, xua tan được lưu giữ vĩnh viễn và bền vững, lòng bi mẫn nảy nở hướng về những chúng sinh đang lầm lẩn, ôm lấy vĩnh viễn, bền vững vì không hiểu nhân và quả. Loại thứ ba: hành giả được đặt trong

sự thăng bằng, nhận thức vạn pháp như bản chất của tính không, bi mẫn nảy nở, đặc biệt cho những chúng sinh đang coi vạn pháp là thực. Điều này được nói như sau:

Những vị Bồ Tát an trụ trong cân bằng

Phát triển quyền năng của thực hành tuyệt hảo

Phát triển lòng bi mẫn đặc biệt hướng về

Những ai đang bị đeo bám bởi những con quỷ coi tất cả là thật

Trong ba loại bi mẫn chúng ta sẽ thiên về loại thứ nhất.

**B. Đối tượng.** Mọi chúng sinh là đối tượng

**C. Phân loại tính chất** Một tâm trí luôn mong mỏi mọi chúng sinh được xa lìa khỏi khổ đau và nhân của chúng.

**D. Phương pháp thực hành** Chúng ta tham gia vào thực hành này nhờ những tình cảm như dành cho người mẹ mình trong cuộc đời này. Giả dụ mẹ mình đang ở một nơi chốn bị đánh đập, bị cắt thành từng mảnh, bị nấu hay bị lửa thiêu hoặc bà đang bị đông lại vì giá lạnh, thân thể nứt ra. Ta cần phát triển tình bi mẫn cùng cực cho bà. Giống thế, những chúng sinh trong cõi địa ngục, đã từng chắc chắn là mẹ chúng ta, đang bị hành hạ bởi những loại khổ đau như vậy. Tại sao lòng bi mẫn của chúng ta không nảy nở? Vậy, bạn cần thiên về lòng bi mẫn khao khát giải thoát những chúng sinh như vậy ra khỏi khổ đau và nhân của khổ.

Cũng như vậy, nếu như người mẹ mình ở một nơi chốn bà phải chịu đói, khát, bị bệnh tật hành hạ, sốt, sợ hãi hay trong sự tuyệt vọng, vậy mình hãy phát triển lòng bi mẫn cùng cực. Cũng như vậy, những chúng sinh trong cõi ngạ quỷ, chắc chắn đã là mẹ chúng ta, bị tra tấn bởi những loại khổ đau như vậy. Tại sao lòng bi mẫn của chúng ta không nảy nở? Hãy thiên về lòng bi mẫn khao khát giải thoát những chúng sinh này khỏi đau khổ.

Và nếu như mẹ chúng ta, ở nơi chốn bà phải chịu già và yếu đuối, bị bắt làm nô lệ, bị đánh đập, giết mổ, cắt, vv, vậy chúng ta cần phát triển lòng bi mẫn cùng cực. Cũng thế, những chúng sinh nơi cõi súc sinh, đã từng là mẹ ta, chắc chắn, phải chịu khổ đau theo cách này. Tại sao lòng bi mẫn nơi ta không sinh khởi? Hãy thiên về lòng bi mẫn khao khát giải thoát cho những chúng sinh này khỏi khổ đau.

Rồi mẹ chúng ta ở gần bờ vực, có thể rơi xuống từ hàng ngàn giao tuần, không biết đến sự nguy hiểm, không ai chỉ cho bà và, một khi đã rơi xuống vực thẳm, bà sẽ trải nghiệm khổ đau, không có khả năng trèo lên lại, vậy ta cần phát khởi lòng bi mẫn tối thượng. Giống vậy, cõi thiên, nhân, bán thiên ở gần bờ vực

nguy hiểm của những cõi thấp. Họ không có sự nhận thức để tránh xa những bất thiện hạnh, họ không gặp được vị thầy tâm linh, một khi họ đã rơi xuống, thật khó khăn cho họ để leo lên khỏi ba cõi thấp. Vậy sao lòng bi mẫn không nảy nở. Hãy thiên về lòng bi mẫn, khát khao giải thoát chúng sinh khỏi những khổ đau này.

**E. Phạm vi của thực hành** Khi hành giả tịnh hóa được hết những ái ngã, buông xả hay chặt đứt mọi xiềng xích của ái ngã, khi từ sâu thẳm trong tâm trí, mong mỏi tất cả mọi chúng sinh được giải thoát khỏi khổ đau, khi đó hành giả mới thực hành tuyệt hảo tâm bi mẫn.

**F. Phẩm tính của thực hành** Vô lượng phẩm tính nảy nở từ thực hành thiền, trong *Diễn dãi của Nhận thức của đức Quan Thế Âm* nói:

Nếu hành giả chỉ có một phẩm tính, có thể coi như tất cả Giáo Pháp của đức Phật nằm trong lòng bàn tay. Phẩm tính đó là gì? Là lòng Đại Bi.

Trong *Kinh Thành Tựu Pháp Giới* nói:

Đức Thế Tôn, cho dù bánh xe báu của vị Chuyển Luân Thánh Vương có được tìm thấy, sẽ thấy tất cả đội quân. Đấng Thế Tôn, giống vậy, khi lòng đại bi của một vị Bồ Tát được tìm thấy, sẽ thấy tất cả giáo Pháp của chư Phật.

Trong *Kinh Bộc Lộ những Bí Mật của đấng Thiện Thệ* nói:

Guhyapati (Đấng Bí Mật), trí tuệ ban sơ của Đấng Toàn Tri nảy nở từ nguồn căn của lòng bi mẫn.

Qua đó, nhờ tình yêu thương, hành giả mong muốn chúng sinh đạt được hạnh phúc, nhờ lòng bi mẫn, hành giả mong muốn chúng sinh thoát khỏi khổ đau, không còn hứng thú để đạt yên bình, hạnh phúc chỉ cho riêng mình. Hành giả vui mừng để đạt quả vị Phật vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Đây chính là thuốc đối trị cho sự bám chấp vào lạc thú của yên bình.

Nhờ phát triển tình yêu thương, lòng bi mẫn trong tâm trí, hành giả sẽ yêu thương người khác hơn chính bản thân. Trong *đèn soi đường giác ngộ* nói:

Lại có những người

Đã từng phải chịu

Rất nhiều khổ não

Nên mang tâm nguyện

Tận diệt khổ đau

Cho mình, cho người

Những người như vậy

Là bậc thượng căn.

Hành giả cần trưởng dưỡng tâm trí của bậc thượng căn như vậy. Hãy xem ví dụ của Brahmin Mahadatta.

*Đây là chương bảy*

*Thực hành với yêu thương và lòng bi mẫn từ*

*Pháp bảo của sự giải thoát*

*Viên ngọc Như Ý của những bài giảng cao thượng.*

*PHƯƠNG THỨC ĐỐI TRỊ BỞI KHÔNG BIẾT PHƯƠNG PHÁP  
THỰC HÀNH ĐẠT ĐƯỢC QUẢ VỊ PHẬT*

## **Giới thiệu cách thức đối trị bởi không biết phương pháp thực hành**

Bây giờ, chúng ta sẽ giải thích giáo pháp gieo trồng tâm trí hướng tới giác ngộ tối thượng như một cách đối trị do không hiểu biết phương pháp thực hành để đạt tới quả vị Phật.

Tóm tắt:

Nền tảng, cốt tủy, phân loại

Đối tượng, nhân, từ ai bạn nhận được

Phương thức, hiệu quả lợi lạc, bất lợi khi bị mất đi

Nhân vì sao mất, phương thức sửa lỗi, và rèn luyện

Mười hai cách này để gieo trồng bồ đề tâm



## CHƯƠNG 8

### QUY Y VÀ GIỚI LUẬT

**1. Nền tảng.** Đầu tiên, nền tảng để trưởng dưỡng tâm trí đại giác ngộ cho một người cần:

- A. Thuộc về gia đình đại thừa
- B. Đã thọ quy y nơi Tam Bảo
- C. Giữ gìn bất cứ một trong bảy giới kinh nguyện và
- D. Có bồ đề tâm nguyện

Nhờ những nền tảng này mà bồ đề tâm *hạnh* được trưởng dưỡng. Một người có những phẩm tính như thọ quy y chính là cơ sở để trưởng dưỡng bồ đề tâm *nguyện*.

Chính cũng vì lý do này, như trong *Địa Bồ Tát* có nói, bồ đề tâm nguyện cần thiết để trưởng dưỡng cho bồ đề tâm hạnh. Trong *Đèn soi đường giác ngộ* nói rằng quy y cần phải thọ để trưởng dưỡng bồ đề tâm nguyện. *Đèn soi đường giác ngộ* cũng nói để trưởng dưỡng bồ đề tâm, hành giả cần có những nguyện của giới kinh. Trong *Kho tàng của Vi diệu pháp* có nói, thọ quy y cần thiết để nhận được một nguyện kinh giới. Trong *Địa Bồ Tát* nói rằng, nếu không có gia đình Đại thừa, hành giả không nhận được bồ tát nguyện, cho dù có gieo trồng tâm trí qua những buổi lễ. Chính vì vậy, mọi yếu tố cần thiết cần phải được kết gắn và hội tụ.

A. Gia đình Đại thừa. Nhìn chung, hành giả cần có một gia đình Đại thừa, nhưng đặc biệt, cần ở trong gia đình thức tỉnh. Những chi tiết cần phải hiểu như ở chương đầu.

B. Thọ quy y nơi Tam Bảo. Để giải thích cho chủ đề này, đối tượng để thọ quy y, bạn có thể hỏi đâu là nơi quy y, nương quyền lực của các vị trời Brahma, Vishnu, Mahadeva, và vv... hay nương nơi những thần linh và các vị naga quyền lực của một quốc gia đang cư ngụ nơi vùng núi, những tảng đá, hồ hay cây, và vv. Đó không phải là đối tượng để quy y vì họ không thể là nơi cho chúng ta nương vào. Trong kinh điển có nói:

Chúng sinh thế tục thọ quy y

Nơi thần linh của rừng núi

Nơi rừng sâu, miếu vắng

Vách đá, và cây

Đó không phải nơi quy y tối thượng

Vậy bạn có thể thọ quy y vào cha mẹ, họ hàng, bạn bè hay vv...không? Họ là những người tử tế và lợi lạc cho bạn? Họ cũng không phải nơi để bạn nương tựa vào. Trong *Đại diện cho hóa hiện của đức Văn Thù Kinh* nói:

Cha mẹ không phải nơi bạn quy y

Họ hàng, bạn bè cũng chẳng phải

Họ sẽ đi theo hướng đi của họ

Và bỏ rơi bạn

Tại sao họ không thể cho chúng ta nương vào? Để ban cho sự nương tựa, một người cần phải giải thoát hết mọi nỗi sợ hãi và không có bất cứ khổ đau nào. Những chúng sinh nói trên chưa thoát khỏi mọi sợ hãi và đang ở trong tình trạng khổ đau. Chư Phật là người duy nhất hoàn toàn thoát khỏi khổ đau, giáo pháp là con đường duy nhất của thực hành quả vị Phật, và tăng già là chỉ dẫn duy nhất cho thực hành giáo pháp, và vì những lý do đó, chúng ta phải thọ quy y vào ba nơi như vậy. Trong kinh nói:

Từ ngày hôm nay, thọ quy y nơi chư Phật

Giáo pháp và tăng đoàn

Những người bảo vệ những kẻ không ai che chở

Xua tan đi mọi khiếm hãi của những kẻ đang run sợ

Cho dù họ những quyền lực cho chúng ta nương vào, nếu con thọ quy y nơi họ, họ sẽ che chở cho con chứ? Không có lý do gì để nghi ngờ cả. Trong *Kinh Đại Niết Bàn* nói:

Nương quy y nơi Tam bảo

Hành giả sẽ đạt trạng thái không kinh sợ

Với những lý do tiếp theo để giải thích làm thế nào để thọ quy y nơi ba bậc như vậy.

Tóm tắt lại:

Phân loại, nền tảng hoạt động, đối tượng, thời gian

Động cơ, nghi lễ, hoạt động,

Rèn luyện và kết quả lợi lạc

Chín yếu tố này là giải thích của thọ quy y

1. Phân loại. Có hai loại thọ quy y: quy y chung và quy y đặc biệt.

2. Nền tảng hoạt động. Có hai nền tảng khác nhau. Nền tảng chung là những ai có nỗi sợ samsara và lưu giữ Tam Bảo như Bốn tôn. Nền tảng đặc biệt là người sở hữu gia đình Đại thừa, thân thể tinh khiết của trời hay người.

3. Đối tượng. Có hai đối tượng quy y:

a) Giải thích về Đối Tượng chung. Những đối tượng chung bao gồm: Phật Bảo-đấng Tối thượng, người sở hữu tịnh hóa toàn hảo, trí tuệ ban sơ, và những phẩm tính tuyệt vời; Pháp bảo, tron hai phần-trong văn phạm có mười hai phương diện (bộ về những giáo lý; giáo lý theo những khổ du dương; giáo lý tiên tri; bộ của những khổ; những giáo lý thuyết trình đặc biệt; những giáo lý giới thiệu; những giáo lý về chứng ngộ; giáo lý về truyền thuyết; câu chuyện về những kiếp sống trước của đức Phật; giáo pháp dài và chi tiết; giáo lý phi thường; và giáo lý cuối cùng), giáo pháp chứng ngộ-bao gồm chân lý của con đường và chân lý của sự tận diệt; Tăng Bảo, cũng được chia thành hai. Tăng già bình thường là một cộng đồng của bốn hay nhiều hơn một người xuất gia. Tăng già cho những chúng sinh cao thượng được dùng để gọi cho “Bốn đôi” hay “tám cá thể” (bốn cặp là bước vào dòng chảy; một lần quay lại, không quay lại với quả, A La Hán và A La Hán với quả, còn tám cá thể là Tăng già)

b) Đối tượng quy y đặc biệt. Đối tượng đặc biệt của quy y là những đối tượng an trụ trước mặt chúng ta, những vị đã đạt được chứng ngộ toàn hảo, chân như. Trong loại đầu tiên, đối tượng an trụ phía trước chúng ta, đức Phật là hình ảnh của đấng Thiện Thệ, giáo pháp là những bản kinh Đại Thừa, và Tăng già là cộng đồng của những vị Bồ Tát. Trong trạng thái chứng ngộ hoàn toàn, những đối tượng là đức Phật-hiện thân của tam thân; giáo Pháp-sự yên bình của Pháp trân quý, cao thượng và Niết bàn; Tăng già, bao gồm những vị Bồ Tát đã đạt tới những địa cao. Đối tượng của chân như, đức Phật duy nhất là đối tượng để quy y. Trong *Mật điển tối thượng* nói:

Chỉ có đức Phật, là nơi quy y tuyệt đối cho chúng sinh.

Vậy bằng cách nào mà đức Phật là nơi quy y tuyệt đối? Cũng cùng bản văn nói:

Bởi vì đấng chiến thắng lớn lao là hiện thân của Giáo Pháp

Là sự thành tựu tuyệt đối của Tăng già.

Vì đó là nơi quy y tối thượng, đấng Hiền nhân được giải thoát khỏi sự sinh và diệt, được tịnh hóa hoàn toàn, giải thoát khỏi mọi sự ham muốn, có bản chất Pháp thân. Sự kết hợp của cả ba thừa đạt tới sự toàn hảo khi đạt được sự tịnh hóa tối thượng của Pháp thân. Chính vì vậy, đấng Hiền nhân là nơi quy y tuyệt đối.

Vậy giáo Pháp và Tăng già là nơi quy y tuyệt đối hay không phải? Trong *mật điển tối thượng* nói:

Chẳng phải cả hai mặt của giáo Pháp

Không phải là tập hội của những chúng sinh cao thượng

Là nơi quy y tối thượng

Tại sao đó không phải nơi quy y tối thượng? Loại đầu tiên của giáo Pháp là tập hợp nhiều tên và những bản viết. Một khi bạn đã qua rồi cần phải từ bỏ lại nó như bỏ một con thuyền. Vì vậy đó không phải là nơi quy y tuyệt đối. Khía cạnh thứ hai của nhận thức-giáo pháp, chân lý của con đường là sự hợp thành, vậy nó là vô thường, có thể bị tan rã và không phải nơi quy y tối thượng. Theo như hàng Thanh Văn, chân lý của sự hoại diệt dừng sự liên tiếp của nó giống như tắt đèn đi, vậy đó là sự không tồn tại, và không phải là nơi quy y tuyệt đối. Tăng già bản thân họ sợ samsara và họ quy y nơi đức Phật, vì nỗi sợ, nên đó không phải nơi quy y tuyệt đối. Trong *Mật điển vô song* nói:

Bởi vì từ bỏ và vì sự đối trá

Bởi vì không tồn tại và vì nỗi sợ

Bởi vì hai loại Pháp và tập hội cao thượng

Không phải nơi quy y tuyệt đối

## Phụ lục

### Câu chuyện về Mahatta

Chương 7 nhắc tới Brahmin Mahatta như một ví dụ để phát triển tình yêu thương. Câu chuyện như sau:

Nhiều thập niên về trước, có một vị chuyển luân trị vì 84.000 vương quốc. Trong thành phố lớn của Bruta là nơi vị Brahmin Nyagrodha sống. Tài sản của ông ta bằng với Vaisravana và học bổng của ông ta vô cùng tuyệt hảo bởi vị vua là thầy giáo luân. Mọi người trong vương quốc đều kính trọng Nyagrodha và theo lệnh của nhà vua.

Vị Brahmin này rất buồn vì không có con trai, nên ông ta cúng dường lên Brahma, Indra, tới mười hai năm. Cuối cùng ông ta sinh được một cậu con trai đẹp đẽ và Brahmin vô cùng hạnh phúc. Ông ta làm một lễ kỷ niệm nhân dịp sinh con trai và đặt tên con là Mahadatta. Cậu bé lớn lên, không có đối thủ trong những kỹ xảo khác nhau, trong nghệ thuật, và hiểu biết.

Một ngày, được sự cho phép của cha mẹ, Mahadatta đi ngắm cảnh trên một con voi với những đồ trang sức ngọc quý và hàng trăm ngàn người đi theo. Khi đến vùng quê, cậu thấy ở đây mọi người nghèo khổ, không có quần áo, thực phẩm. Cậu thấy những người ăn xin và những người chăn gia súc. Cậu hỏi đoàn tùy tùng tại sao những người này khổ đau như vậy.

“Nỗi khổ gì đang diễn ra ở đây vậy?” cậu hỏi. Họ nói rằng một vài người khổ đau vì phải chia lìa cha mẹ, bạn bè, họ hàng, một vài thì ốm đau dài, một vài thì do trộm cắp thực phẩm, quần áo của người khác, vv... Mahadatta thấy buồn nản và nước mắt chảy ra như suối. Cậu đi xa và xa hơn. Ở một đất nước khác, cậu thấy những người chủ lò mổ giết hàng trăm con vật mỗi ngày, chặt chúng ra. Một chỗ khác, cậu thấy một người thợ săn giết những con vật hoang và chim. Nhìn những cảnh tượng vậy, cậu bé thấy lạnh người và phát khởi lòng bi mẫn to lớn.

Cậu hỏi những người này tại sao lại làm vậy, họ đáp “chúng tôi làm như vậy vì cha mẹ chúng tôi đã từng làm thế, và đó là cách mưu sinh” Mahadatta thấy khó hiểu, cậu quay về nhà, nói với cha “khi con về làng quê và đi xem những đất nước khác nhau, những ngôi làng khác nhau, con thấy mọi người khổ đau bởi nhiều cách của nghèo đói và đang tạo thêm những bất tiện hạnh lại càng làm họ khổ đau thêm trong tương lai. Con có thể làm bố thí từ kho tàng châu báu của cha được không?” Vì người con trai rất thân quý, nên người cha chẳng thể chối từ.

Mahadatta tuyên bố khắp các phương cậu sẽ thực hành hạnh thí không keo kiệt. Cậu mời tất cả những người không có quần áo mặc hay không có thực phẩm để ăn tới. Mọi người tới từ hàng ngàn hàng ngàn dặm, hội tụ như mây quanh thành phố.

Từ bao lâu, cậu cho họ thực phẩm, quần áo, vàng bạc, ngựa, voi và những thứ khác, bất cứ gì họ cần, điều này làm mọi người hoàn toàn hài lòng.

Sau một thời gian, một phần ba kho tàng cạn kiệt. Người giữ kho giải thích với Nyagrodha nhưng vì tình yêu thương và tôn trọng con trai nên vị này nói “Hãy để Mahadatta tiếp tục thực hành bố thí.” Sau một thời gian dài khác, không còn nhiều tài sản. Khi đó người giữ kho không thể chịu được, lại vào gặp Nyagrodha và nói những gì đang xảy ra. Người cha bảo “từ khi ta cho con trai ta quyền làm vậy, ta không thể làm ngược lại quyết định nữa. Vậy anh có thể làm gì đó cho khéo léo”. Người giữ kho khóa hết mọi cửa lại và tuyên bố đi nơi khác. Ngày hôm đó, Mahadatta không thể lấy bất cứ gì để cho người nghèo, cậu nghĩ “chắc đây là trò của cha ta! Nhưng ta cũng biết không phải để làm sạch kho tàng của cha. Bây giờ ta phải tự nỗ lực kiếm tài sản để làm tròn nguyện ước của những người nghèo khổ.”

Cậu gặp nhiều người khác nhau để tìm lời khuyên sao có thể có được tài sản không bao giờ cạn kiệt. Một vài người khuyên nên kinh doanh, một vài nói làm nông, những người khác thì bảo đi ra đại dương tìm ngọc như ý. Mahadatta quyết định đi ra đại dương tìm ngọc như ý là cách hiệu quả nhất để tích lũy đủ tài sản ban phát cho tất cả những người nghèo. Cậu xin ý kiến cha mẹ, nhưng họ phản đối. Thân thể và cuộc sống của cậu sẽ ra sao khi đối mặt với nguy hiểm? Mahadatta nói “Nếu cha mẹ không cho, con sẽ ở đây, miệng chạm đất, con tuyệt thực”. Cho dù cha mẹ thuyết phục mọi cách, cũng không thành công, và cậu ở như vậy sáu ngày. Cuối cùng, cha mẹ không đành lòng nhìn con chết theo cách này, vào ngày thứ bảy, đành đồng ý.

Mahadatta rất sung sướng. Sau khi ăn, cậu đi và thông báo sẽ tới đại dương và ai muốn đều có thể đi cùng. Cậu tập trung được 500 người lại. Họ chuẩn bị và bắt đầu hành trình về đại dương. Sau nhiều ngày, họ tới một nơi hiu quạnh, trống trải. Không may, họ gặp phải một con khỉ cụt đuôi lớn và nó trộm hết đồ. Nhưng mọi người vẫn đi tiếp.

Khi họ đi qua một thành phố nơi Brahmin Kapili sống, vị này có tài bảo vô song. Họ dừng chân ở đây vài ngày, bàn bạc với Brahmin. Brahmin tặng Mahadatta cô con gái xinh đẹp và mọi thứ cần thiết, tài bảo, kể cả 300 ao xơ vàng. Mahadatta chấp nhận, nhưng cậu nói vì hành trình còn gian nan, chướng ngại, nguy hiểm nên đành để cô gái ở lại. Đoàn mang theo tất cả đồ dự trữ và tiếp tục đi về hướng đại dương.

Đến bờ đại dương, họ lên tàu và giương buồm, ra khơi. Sau bảy ngày họ tới đảo ngọc, nơi họ thu thập được bao nhiêu ngọc quý. Họ lấy đầy tàu và quay về nhà. Lúc này Mahadatta nói “các bạn, hãy mang về nhà số ngọc quý này. Ta phải đi tới cung điện của naga để lấy được ngọc như ý. Nếu ta có viên ngọc này, ta sẽ có thể cho những người nghèo không bao giờ dừng, và nương nhờ công đức này, ta sẽ

đạt được quả vị Phật. Vậy các bạn hãy về. Ta sẽ đọc cầu nguyện và các bạn sẽ không gặp chướng ngại hay nguy hiểm cho tới khi về được nhà”

Nghe những từ này, những người lái buôn buồn bã, rơi nước mắt. Họ cố thuyết phục cậu dừng hành trình, nhưng Mahadatta không nghe. Cậu vượt biển một tháng, rồi bơi một tuần. Cậu tới một ngọn núi, trèo bảy ngày lên và bảy ngày xuống. Một lần nữa, tiếp tục bơi trong đại dương. Cho dù chạm trán với hoa sen nở ở đại dương, trang hoàng vàng ròng, nhưng xung quanh là những con rắn độc. Cậu nghĩ đó là sự hiện diện của những chúng sinh lớn.

Mahadatta quán chiếu xem những con rắn độc được sinh ra từ nghiệp của sự ghét bỏ, ghen tỵ từ kiếp trước. Nghĩ như vậy, cậu trưởng dưỡng lòng đại bi cho những chúng sinh này, ngồi trong tư thế cân bằng, thiền về tình yêu thương, tập trung nhất tâm, và tất cả những ý nghĩ hãm hại và độc an dục. Sau đó bước đi trên hoa sen và đi qua tất cả những con rắn này bảy ngày. Dù chạm trán những tập hội dạ xoa, cậu vẫn thiền về tình yêu thương. Nhờ trạng thái này của tâm trí, những chúng sinh hãm hại an dục. Họ quyết định rằng không đúng nếu như hãm hại Mahadatta, và họ mang cậu lên trời cao 400 giao tuần. Cậu đi con xa hơn.

Chẳng bao lâu sau, cậu tới cung điện naga làm bằng bạc. Khi tới gần, cậu thấy có bảy lớp rắn độc vây quanh cung điện. Một lần nữa, cậu lại thiền về tình yêu thương, coi những con rắn này như đứa con độc nhất, và nhờ năng lực này, những ý nghĩ ghét bỏ hoàn toàn an dục. Sau đó cậu đi qua những con rắn, vào trong cung điện.

Bên trong là vua naga, ngồi trên ngai vàng làm bằng bảy loại ngọc quý khác nhau. Khi vua naga nhìn thấy Mahadatta, vị này hoảng sợ! Ai có thể vào cung điện này mà không bị rắn hại? Nghĩ đây ắt hẳn phải là một người rất quyền năng, vị vua naga đứng lên chào đón cậu, chỉ cho cậu chỗ ngồi và những món ăn tuyệt vời. Nhà vua hỏi Mahadatta, làm sao và như thế nào đến đây được.

Mahadatta nói “trong thế gian này, có rất nhiều người bị hành hạ. Họ phải chịu khổ đau vì thiếu thực phẩm, quần áo, tài sản và vì lý do đó, họ rơi xuống ba cõi thấp. Nhìn thấy cảnh ngộ của những người như vậy, con cần viên ngọc như ý, cho dù phải chịu nguy hiểm tới mạng sống. Vì lợi lạc của những chúng sinh này, con sẽ tích tụ vô lượng công đức, qua đó con sẽ đạt được giác ngộ tuyệt hảo. Vậy xin hãy ban cho con ngọc như ý”

Vua naga đáp “ngọc như ý này rất khó có. Ta sẽ ban cho con, chúng sinh vĩ đại, nếu con ở lại đây một tháng, chấp nhận cúng dường và truyền giảng” Và Bồ Tát Mahadatta ở lại một tháng, chấp nhận những món ăn vô song, và giảng về bốn loại của tâm trí.

Sau một tháng, vua naga đưa viên ngọc như ý từ vương miện mình ra, đưa vào tay Mahadatta nói “khi con đạt được toàn bộ, Phật quả toàn hảo, ta sẽ trở thành một

trong những học trò gần gũi nhất của con” Khi Mahadatta hỏi về năng lực ngọc như ý, vua naga nói “viên ngọc này có năng lực làm tròn nguyện ước trong vòng 2.000 giao tuần.” Mahadatta nghĩ dù viên ngọc có năng lực như vậy, vẫn chưa làm tròn được ước nguyện của cậu. Và cậu đi sâu hơn vào lòng đại dương.

Đi tới nơi cung điện làm bằng đá lưu ly, như trước, cậu cũng vượt được bảy lớp rắn độc. Lần nữa, thiên về lòng yêu thương nhất tâm, nhờ năng lực này, cậu vượt qua mọi nỗi sợ và đi vào cung điện. Vua naga ở đây, cũng rời ngai, đón cậu mời ngồi lên ngai và hỏi xem sao đến được, mục đích là gì và vv. Mahadatta trả lời như trước, Vua naga mời cậu ở lại hai tháng và chấp nhận cúng dường, xin cậu truyền giảng, và tặng cậu ngọc như ý.

Mahadatta đồng ý hai tháng, chấp nhận cúng dường, truyền giảng về bốn bước của năng lực thần kỳ. Cuối cùng vua naga tặng cậu viên ngọc như ý từ vương miện, nói “chúng sinh vĩ đại, cậu sẽ đạt quả vị Phật một ngày. Khi đó tôi chắc sẽ trở thành một trong những học trò gần gũi của cậu” Sau đó vua naga khẩn nguyện. Khi Mahadatta hỏi về năng lực ngọc như ý, vua naga nói “quyền năng của ngọc có thể viên thành ước nguyện khoảng 4000 giao tuần” Tiếp đến, Mahadatta nghĩ cho dù năng lực ngọc như vậy, cũng không thể đủ làm tròn mọi nguyện ước của mình, nên cậu đi xa hơn để tìm.

Cậu đi xa, xa mãi, rồi đến một lâu đài bằng vàng. Một lần nữa, cậu vượt qua toàn bộ rắn độc nhờ thiên bằng tình yêu thương. Đi qua tất cả và vào cung điện vô giá, vua naga nghĩ “chúng sinh này là ai mà mọi nguy hiểm không thể hãm hại được nhỉ?” Vừa sợ vừa ngạc nhiên, vị này đứng dậy, lễ lạy tới Mahadatta, nói “Người, chúng sinh vĩ đại có thể tới đây không bị bất cứ hãm hại nào vậy mục đích là gì” Mahadatta trả lời mọi lý do như trước. Vua naga đề nghị cậu ở lại bốn tháng, chấp nhận cúng dường vào truyền giảng. sau đó sẽ tặng ngọc như ý.

Mahadatta ở lại bốn tháng, chấp nhận cúng dường và phục vụ, truyền các bài giảng khác nhau. Cuối cùng, vua naga cúng dường viên ngọc như ý cúng và cũng như những vị trước, khẩn nguyện. Khi Mahadatta hỏi về quyền năng của ngọc, vua naga đáp “quyền năng của ngọc có thể viên thành ước nguyện khoảng 8000 giao tuần”. Mahadatta rất hạnh phúc “Cõi Diêm Phù đề có 7,000 giao tuần, vậy quyền năng này hơn cái ta cần để hoàn thành ước nguyện của mọi chúng sinh. Giờ ta có thể về nhà, hoàn thành mọi nguyện ước”. Naga và đoàn tùy tùng lễ lạy và Mahadatta rời về nhà.

Sau khi đi được một đoạn Mahadatta nghĩ “Nếu thực sự có ngọc như ý, ta có thể bay trong bầu trời”. Khi nguyện như vậy cậu có thể bay vượt đại dương không chướng ngại, Tới bờ đại dương, ngừng một chút nghỉ ngơi, và rơi vào giấc ngủ sâu. Trong khi ngủ, những nagas keo kiệt nghĩ về viên ngọc như ý đã bị con người lấy “Chúng ta sẽ trở nên nghèo. Phải lấy ngọc lại” Và họ lấy cắp hết ngọc.



Khi thức dậy, nhận ra chuyện đã xảy ra, Mahadatta biết naga đã lấy đi, Không thể về nhà trắng tay, cậu quyết định làm cạn đại dương và làm cho vương quốc của naga không có nước. Với quyết tâm, cậu thấy một vỏ của một con rùa khổng lồ và dùng như một cái cốc, lấy nước từ đại dương đổ sang bên kia. Vị vua của đại dương nghĩ “đại dương có 333 giao tuần, một người không thể tát cạn nước sang bên kia. Dù đó là người côi Diêm Phù Đề, nước cũng không cạn kiệt”

Nhưng Mahadatta không nản lòng, nghĩ “Với quyết tâm, không gì không thành tựu, mục đích là lấy ngọc để lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Nương nhờ công đức này, ta sẽ đạt quả vị Phật, không bao giờ để lời nguyện suy hoại, Ta có thể tát cạn đại dương”. Như vậy, cậu lại tiếp tục múc nước đại dương.

Vishru và vô lượng vị trời tới giúp cậu. Họ thấm nước đại dương bằng cách quăng quần áo vào đại dương rồi mang sang bên kia. Họ làm ba lần, mỗi lần khô đi 40 giao tuần. Sau khi 120 giao tuần nước cạn đi, naga lo sợ cả đại dương cạn và họ sẽ chết hết. Họ mang hết ngọc cho Mahadatta và nói với vị Bồ Tát “đây là lời xin lỗi và những viên ngọc đây”

Vị thần đại dương hoàn toàn kinh ngạc, nói “một ngày, vị bồ tát này sẽ đạt giác ngộ. Khi đó cầu mong tôi sẽ trở thành học trò thân cận nhất của cậu” Vị này khẩn nguyện như vậy. Khi bồ tát Mahadatta lấy được toàn bộ ngọc, bay về cung điện Brahmin Kapili, vị này ngạc nhiên, đón tiếp Mahadatta nồng hậu, gả con gái cho và tặng 500 người hầu, 500 con voi, nhiều loại châu báu quý. Hành trình dài ngày cuối cùng đã kết thúc nơi quê hương của Mahadatta,

Nghĩ con trai mình có thể đã chết, hai bố mẹ rất đau buồn khóc than, khóc nhiều đến mù cả mắt. Nhưng Mahadatta trở về nhà nắm lấy tay cha mẹ. Cậu kể về cuộc phiêu lưu, về ngọc như ý, và cha mẹ vô cùng hài lòng. Nhờ năng lực của ngọc, mắt của cha mẹ cậu được hồi phục. Cầu cầm ngọc trong tay và khẩn nguyện “cầu mong kho tàng tràn đầy châu báu” và điều này trở thành hiện thực. Hai cha mẹ rất hạnh phúc và ở mãi trong đời sống vương giả.

Khi đó nhà vua thông báo đến những người dân Mahadatta đã về từ đại dương với ngọc như ý. Và thông báo trong bảy ngày, thực phẩm, quần áo, vàng bạc, vv, bất cứ gì một người ước, sẽ mưa xuống nhờ năng lực của ngọc như ý.

Chúng sinh vĩ đại Mahadatta, mặc gọn gàng, đặt ngọc như ý trong phước và nguyện, “nương nhờ năng lực của những viên ngọc, cầu mong mọi chúng sinh côi Diêm phù đề, đều viên thành nguyện ước. Bất kể gì họ thiếu, thực phẩm, đồ uống, tài bảo, cầu mong chúng đến như mưa nhờ những viên ngọc này”. Ngay khi ước xong, gió thổi lên từ bốn phía sạch hết bụi. Rồi mưa xuống làm cho đất sáng lên hơn bao giờ hết. Rồi một cơn mưa những thực phẩm, đồ uống với hàng ngàn hương vị rơi xuống. Sau đó mưa xuống là những loại hạt, quần áo, châu báu, vàng bạc, mặt đất bao phủ tài bảo.

Khi này Mahadatta tuyên bố với mọi người “Những người ở cõi Diêm Phù thiếu thực phẩm, quần áo, tài bảo và vì vậy họ giết hại lẫn nhau, trộm cắp của của, thường hằng tạo nghiệp dữ. Vì nhân đó, họ sẽ tái sinh trong cõi thấp, trải nghiệm muôn vàn vô lượng khổ đau. Nhìn thấy vậy trong tâm trí ta nảy nở bi mẫn vô điều kiện và ta không chịu nổi. Và đó là nhân cho ta, cho dù có nguy hại mạng sống, thân thể, để lấy những viên ngọc mang lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Bây giờ những gì các người cần, hãy hoan hỷ với những tài sản này. Nỗ lực đừng để phạm vào ác hạnh! Hãy hiến dâng cuộc sông trong mười thiện hạnh!” Bắt đầu người mở cánh cửa tới vô số bài giảng.

Và đức Phật nói như sau “Brahmin Mahadatta bây giờ chính là ta. Người cha, Brahmin Nyagrodha, là cha ta, Vishodana, và vợ người là thân mẫu ta, hoàng hậu Mayadevi. Vua naga ở cung điện bạc chính là Xá Lợi phất, Shariputra, Vua naga ở cung điện lưu ly là Mục Kiền Liên, Maudgalyayana. Vua naga ở cung điện vàng chính là Ananda. Vua đại dương chính là Mangapa”



*Ratna Shri Vietnam Group*



*Chuyển tiếng Việt từ bản dịch của thầy Khenchen: Tâm Hạnh (Tenzin Nyidron) và nhóm Ratna Shri Việt Nam*

***Mọi sai sót là lỗi người dịch***

***Mọi công đức xin hồi hướng Pháp giới chúng sinh***

*ནམ་དག་གངས་རི་ལྗང་དཀར་དགེ་བ་དེས།*

**NAM DAG GANG RI TAR KAR GE WA DE**

*Nhờ những thiện hạnh trong trắng như tuyết trên những đỉnh núi*

*རིན་ཆེན་བསྟན་པ་ཕྱོགས་བཅུར་རྒྱས་པ་དང།*

**RIN CHEN TEN PA CHOG CHUR GYE PA DANG**

*Cầu mong những bài giảng của đức Ratnashri nở hoa khắp mười phương*

*འཇིག་རྟེན་མི་ཤེས་གཏི་མུག་རྣམ་བཤམ་ཞིང།*

**JIG TEN MI SHE TI MUG NAM DREL ZHING**

*Và xua tan hết những vô minh của tất cả chúng sinh*

*མཐར་ཕྱིན་སངས་རྒྱས་ཡེ་ཤེས་ཐོབ་པར་ཤོག།*

**THAR CHIN SANG GYE YESHE THOB PAR SHOG**

*Và những chúng sinh đó sẽ đạt được ít nhất trí tuệ tuyệt hảo của chư Phật.*